



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

-----o0o-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1. THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG.....	6
1.1. Thông tin chung	6
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường:	6
1.3. Cơ cấu tổ chức.....	9
1.4. Đội ngũ giảng viên (Tính đến 15/6/2023).....	11
1.5. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	12
1.6. Cơ Sở Vật Chất, Thư Viện, Tài Chính.....	15
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ	18
2.1. Thông tin khái quát	18
2.2. Cơ cấu tổ chức:.....	19
2.3. Các nghề đào tạo:	19
3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	19
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật:.....	19
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:.....	26
3.3. Phương thức đào tạo.....	29
3.4. Tóm tắt nội dung của chương trình:	29
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh:	43
3.6. Đội ngũ giáo viên:	49
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	49
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	52
1. Tổng quan chung:.....	52
1.1 Căn cứ tự đánh giá.....	52
1.2 Mục đích tự đánh giá.....	52
1.3 Yêu cầu tự đánh giá.....	52
1.4 Phương pháp tự đánh giá.....	53
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá.....	53
2 Tự đánh giá.....	53
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	53
2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:	59
2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	59
Tiêu chuẩn 1.1:	59
Tiêu chuẩn 1.2:	60

Tiêu chuẩn 1.3:	62
2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	63
Tiêu chuẩn 2.1:	64
Tiêu chuẩn 2.2:	66
Tiêu chuẩn 2.3:	67
Tiêu chuẩn 2.4:	70
Tiêu chuẩn 2.5:	71
Tiêu chuẩn 2.6:	73
Tiêu chuẩn 2.7:	74
2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	76
Tiêu chuẩn 3.1:	77
Tiêu chuẩn 3.2:	78
Tiêu chuẩn 3.3:	79
Tiêu chuẩn 3.4:	81
Tiêu chuẩn 3.5:	82
Tiêu chuẩn 3.6:	85
Tiêu chuẩn 3.7:	85
Tiêu chuẩn 3.8:	89
2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	90
Tiêu chuẩn 4.1:	91
Tiêu chuẩn 4.2:	92
Tiêu chuẩn 4.3:	93
Tiêu chuẩn 4.4:	94
Tiêu chuẩn 4.5:	96
Tiêu chuẩn 4.6:	96
Tiêu chuẩn 4.7:	97
Tiêu chuẩn 4.8:	98
Tiêu chuẩn 4.9:	99
Tiêu chuẩn 4.10:	100
Tiêu chuẩn 4.11:	102

Tiêu chuẩn 4.12:.....	103
2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	104
Tiêu chuẩn 5.1:.....	105
Tiêu chuẩn 5.2:.....	106
Tiêu chuẩn 5.3:.....	107
Tiêu chuẩn 5.4:.....	108
Tiêu chuẩn 5.5:.....	109
Tiêu chuẩn 5.6:.....	110
Tiêu chuẩn 5.7:.....	111
Tiêu chuẩn 5.8:.....	112
2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học.....	113
Tiêu chuẩn 6.1:.....	113
Tiêu chuẩn 6.2:.....	115
Tiêu chuẩn 6.3:.....	118
Tiêu chuẩn 6.4:.....	119
2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	120
Tiêu chuẩn 7.1:.....	121
Tiêu chuẩn 7.2:.....	122
Tiêu chuẩn 7.3:.....	123
Tiêu chuẩn 7.4:.....	125
Tiêu chuẩn 7.5:.....	126
Tiêu chuẩn 7.6:.....	126
Tiêu chuẩn 7.7:.....	127
Tiêu chuẩn 7.8:.....	128
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....	130
PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	130
1. KẾT LUẬN:.....	130
2. KIẾN NGHỊ:	130
PHỤ LỤC	130
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	131

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:	134
3. Bảng mã minh chứng năm 2023:	139

CÁC TỪ VIẾT TẮT:

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
1	CTĐT	Chương trình đào tạo
2	CĐ	Cao đẳng
3	CVHT	Cổ vấn học tập
4	CNTĐ	Công nghệ Thủ Đức
5	CNKT	Công nghệ Kỹ thuật
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	CĐLT	Cao đẳng liên thông
8	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
9	CHDCND	Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân
10	DN	Doanh nghiệp
11	ĐHSPKT	Đại học Sư phạm kỹ thuật
12	HSSV	Học sinh - sinh viên
13	ĐBCL-TTPC	Đảm bảo chất lượng-Thanh tra pháp chế
14	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
15	KHCN	Khoa học Công nghệ
16	GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
17	GV	Giảng viên
18	LĐTBOXH	Lao động thương binh xã hội
19	NCKH	Nghiên cứu khoa học
20	NV	Nhân viên
21	TCCN	Trung cấp Chuyên nghiệp
22	SV	Sinh viên
23	TSCĐ	Tài sản cố định
24	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG

1.1. Thông tin chung

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**
- Tên tiếng Anh: **THU DUC COLLEGE OF TECHNOLOGY**
- Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- Địa chỉ trường: **Số 53, Đường Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.**
- Số điện thoại : **02838966825 – 02838970023**
- Email: **tdc@mail.tdc.edu.vn**
- Website: **www.tdc.edu.vn**
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: **1984**
 - + Năm thành lập trường Cao đẳng: **24/09/2008**
- Loại hình trường: **Công lập**

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường:

- Tiền thân của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức là Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật Tổng hợp và Hướng nghiệp Thủ Đức, thành lập năm 1984. Đến năm 2002 được nâng cấp thành trường Trung học Kỹ thuật và nghiệp vụ Thủ Đức. Năm 2008, Bộ GD & ĐT đã có quyết định số 6426/QĐ-BGD-ĐT thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức. Trường trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh, hoạt động theo điều lệ trường cao đẳng. Từ năm học 2017-2018, trường thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo Luật GDNN

- Trường hiện có 06 phòng chức năng, 11 khoa chuyên môn, 01 bộ môn và 04 trung tâm (www.tdc.edu.vn).

+ Đảng bộ: Liên tục đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” và “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” từ nhiều năm nay

+ Chính quyền: Nhận cờ thi đua của chính phủ, của Thành phố; nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ; Bằng khen của UBND TP. Hồ Chí Minh về thành tích “Cơ sở đào tạo nghề tiêu biểu”.

+ GV của trường đã tham gia và đạt nhiều giải cao trong hội thi “Giáo viên dạy giỏi” toàn quốc và TP. Hồ Chí Minh

+ HSSV đạt nhiều thành tích xuất sắc, Tập thể đạt giải I, II toàn đoàn trong hội thi “Học sinh giỏi nghề” hàng năm.

+ Công đoàn trường nhiều năm liền đạt danh hiệu xuất sắc, nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn; bằng khen của Liên đoàn lao động TP. Hồ Chí Minh.

+ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường liên tục đạt danh hiệu “Lá cờ đầu trong công tác Đoàn/Hội và phong trào SV/thanh niên Thành phố”; nhận được nhiều bằng khen của TW Đoàn, TW Hội, UBND Tp.Hồ Chí Minh và các địa phương.

- Về công tác hợp tác quốc tế, nhà trường đang triển khai thực hiện các chương trình/dự án cụ thể: Dự án Hạt giống Hy vọng – Viện Hợp tác Phát triển Châu Âu (IECD); Dự án Bánh mì và bánh ngọt Pháp – IECD; Chương trình Aus4Skills do chính phủ Úc phối hợp với chính phủ Việt Nam; Chương trình cao đẳng ngành CNTT theo mô hình gắn kết với trường cao đẳng và DN Nhật Bản; Chương trình dự án đào tạo thí điểm nghề Điện công nghiệp theo mô hình chuyển giao từ CHLB Đức; Chương trình Tình nguyện Quốc tế Úc với Tổ chức Tình nguyện viên Úc; Chương trình hoạt động hợp tác quốc tế với các đối tác Hàn Quốc; Dự án “Kỹ năng thành công cho học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức” do SCI viện trợ năm 2024.

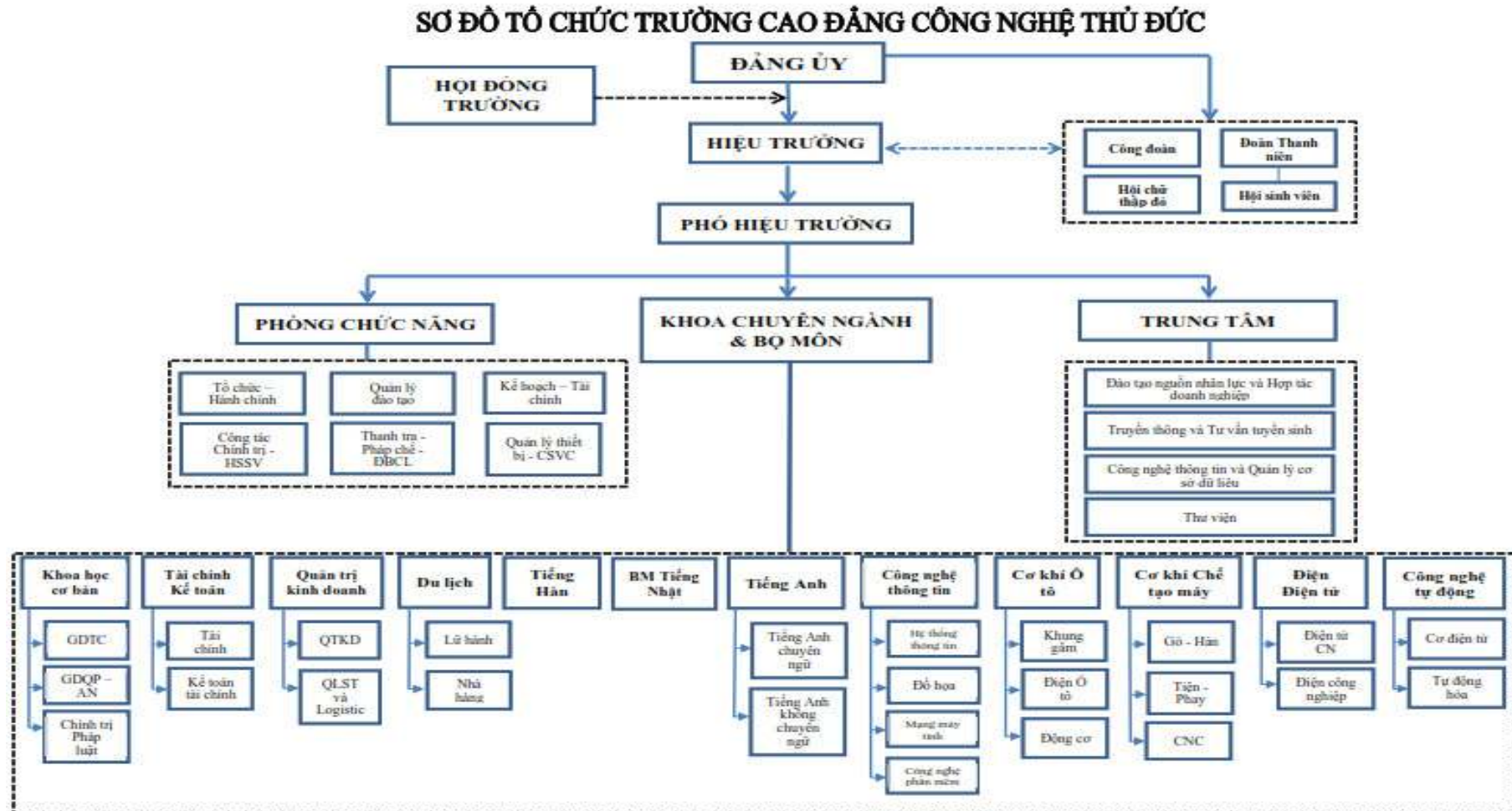
- Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác DN, đưa HSSV và GV của trường tham gia “Học kỳ DN” vận động nhiều nguồn lực hỗ trợ HSSV về tham quan, thực tập, việc làm, học bổng... Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện đào tạo theo yêu cầu cho nhiều DN.

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định
2022-2023	Chưa xét danh hiệu thi đua		
2021-2022	Cờ thi đua thành phố	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021 – 2022, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Tp Hồ Chí Minh.	QĐ số 294/QĐ-UBND ngày 01/2/2023 của CT UBND Tp.Hồ Chí Minh
	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của CT UBND Tp.Hồ Chí Minh
2020-2021	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh

2019-2020	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2019- 2020, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3623/QĐ- UBND ngày 01/10/2020 của chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh
2018-2019	Bằng khen UBND	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước thành phố giai đoạn 2015-2020	Quyết định số 18/QĐ- UBND ngày 24/06/2020 của chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh
	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018 -2019, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 406/QĐ- UBND ngày 10/02/2020 của chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh
	HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2013-2014 đến năm học 2017-2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.	Quyết định số 77/QĐ- CTN ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Nước
2017-2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017 -2018, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3380/QĐ- UBND ngày 13/8/2018 của chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh

1.3. Cơ cấu tổ chức

+ Sơ đồ tổ chức:



+ Tổng số CBGVNV trong trường:

Tổng số công chức, viên chức và lao động (cơ hữu): 311 người (tính đến ngày 01/06/2024). Trong đó:

- Ban giám hiệu : 04 người.
- Cán bộ quản lý Phòng, ban : 17 người.
- Cán bộ quản lý Khoa, Bộ môn : 37 người (trong đó có 16 người Trưởng bộ môn).
- Giảng viên : 148 người.
- Nhân viên : 105 người.

-Danh sách cán bộ chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban giám Hiệu				
	Võ Long Triều	1976	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Phạm Ngọc Tường	1968	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
	Nguyễn Xuân Toán	1981	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
	Phạm Quang Tuấn	1974	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Đảng Bộ	Nguyễn Xuân Toán	1981	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 1	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1975	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ 2	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 3	Văn Thị Diễm Thi	1981	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 4	Nguyễn Văn Dũ	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 5	Tô Thanh My	1991	Thạc sĩ	Bí thư
Công Đoàn				
Đoàn Thanh niên	Tô Thanh My	1991	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Quản lý Đào tạo	Tôn Ngọc Triều	1981	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Tổ chức - Hành chính	Võ Long Triều	1976	Thạc sĩ	Hiệu trưởng (phụ trách phòng)
Kế hoạch - Tài chính	Võ Ngọc Bảo	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất	Cao Ngọc Hạnh	1963	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng	Huỳnh Thiên Vũ	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Công tác CT - HSSV	Tô Thanh My	1991	Thạc sĩ	Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
4. Trưởng, Phó trưởng các khoa				
Khoa học cơ bản	Lưu Thị Thu Hương	1971	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Tài chính Kế toán	Cao Phước Kiên	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Quản trị Kinh doanh	Dương Quốc Việt	1975	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
Công nghệ Thông tin	Võ Thành Trung	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Du lịch	Nguyễn Xuân Toán	1981	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng (phụ trách khoa)
Tiếng Hàn	Trần Thị Vân Yên	1975	Tiến sĩ	Trưởng khoa
Tiếng Anh	Lê Tấn Hùng	1972	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Bộ môn Tiếng Nhật	Nguyễn Thùy Tiên	1989	Thạc sĩ	Trưởng bộ môn
Cơ khí Ô tô	Cù Huy Hoài	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Cơ khí Chế tạo máy	Huỳnh Chí Hỷ	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Điện – Điện tử	Phạm Văn Lới	1976	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
Công nghệ tự động	Nguyễn Minh Chương	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc				
Trung tâm Đào tạo Nguồn Nhân lực và Hợp tác DN	Dương Minh Tú	1979	Kỹ sư	Giám đốc
Trung tâm Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh	Nguyễn Thùy Châu	1978	Thạc sĩ	Giám đốc
Trung tâm Công nghệ thông tin và Quản lý Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1975	Cử nhân	Giám đốc
Trung tâm Thư viện	Văn Thi Diễm Thi	1981	Thạc sĩ	Giám đốc

1.4. Đội ngũ giảng viên (Tính đến 01/06/2024)

- Tổng số CBGVNV của trường

+ Nam : 165 người

+ Nữ : 146 người

- Đội ngũ Giảng viên

+ Cơ hữu : 194 người

+ Thỉnh giảng : 56 người

Giảng viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	4	4	8
Thạc sĩ	97	74	171
Đại học	8	7	15
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0

1.5. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

- Các nghề đào tạo và qui mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	2021		2022		2023		Quy mô đến tháng 05/2024
			Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	
I	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG								
1	Thiết kế đồ họa	6210402	160	176	190	209	210	229	210
2	Tiếng Anh	6220206	270	296	270	294	270	295	270
3	Tiếng Hàn Quốc	6220211	200	204	200	219	200	218	200
4	Tiếng Nhật	6220212	80	88	80	87	80	78	80
5	Kinh doanh thương mại	6340101	50	55	80	87	80	87	80
6	Logistics	6340113	80	87	110	120	150	164	180
7	Marketing	6340116	0	0	0	0	70	76	100
8	Tài chính - Ngân hàng	6340202	90	102	90	98	90	98	90
9	Kế toán	6340301	210	229	210	228	210	229	210
10	Quản trị kinh doanh	6340404	300	321	300	327	300	327	300

11	Quản lý siêu thị	6340443	30	32	30	32	30	18	30
12	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	100	108	100	109	100	109	100
13	Công nghệ thông tin	6480201	330	364	360	395	385	420	385
14	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	250	272	250	273	250	273	250
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	260	284	300	329	340	371	430
16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	230	246	230	250	230	251	230
17	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	95	103	95	103	95	104	95
18	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	110	121	110	119	110	120	110
19	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	50	55	50	54	50	41	50
20	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	50	55	50	54	50	54	50
21	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	6520201	0	0	40	43	40	34	40
22	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	0	0	40	44	75	82	75
23	Điện tử công nghiệp	6520225	40	44	40	43	40	43	40
24	Điện công nghiệp	6520227	105	121	105	115	125	136	125
25	Tự động hóa công nghiệp	6520264	0	0	40	43	40	35	40
26	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	110	120	110	119	110	120	110

27	Quản trị khách sạn	6810201	75	82	75	82	75	82	75
28	Quản trị nhà hàng	6810206	60	72	60	66	60	65	60
29	Kế toán tin học	6340306	0	0	0	0	0	0	60
30	Tiếng Trung Quốc	6220209	0	0	0	0	0	0	80
	Tổng cộng:		3335	3637	3615	3942	3865	4159	4155
II	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP								
1	Kế toán DN	5340302	50	0	50	31	50	38	50
2	Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống	5340423	50	56	50	55	50	54	50
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	50	0	50	0	50	34	50
4	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	50	55	50	55	50	54	50
5	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	50	44	50	54	50	46	50
6	Quản lý và bán hàng siêu thị	5340424	20	0	20	0	20	21	20
	Tổng cộng:		270	155	270	195	270	247	270

- Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước khi kiểm định)

BẢNG KẾT QUẢ TUYỂN SINH

1. Trình độ cao đẳng

Năm	Chỉ tiêu được duyệt	Số lượng đầu vào	Tỷ lệ (%)
2020	3260	3,422	105
2021	3335	3637	109
2022	3615	3942	109
2023	3865	4159	107.6

2. Trình độ trung cấp

Năm	Chỉ tiêu được duyệt	Số lượng đầu vào	Tỷ lệ (%)
2020	300	287	96
2021	270	155	57
2022	270	195	72
2023	270	247	91

BẢNG TÍNH SỐ HỌC SINH SINH VIÊN QUY ĐỔI

Trình độ đào tạo	Năm			
	2020	2021	2022	2023
	(tính đến tháng 31/12/2020)	(tính đến tháng 31/12/2021)	(tính đến tháng 31/12/2022)	(tính đến tháng 31/08/2023)
1. Cao đẳng	12.537	12.617	11.506	9333
2. Trung cấp	1.179	1.003	858	421
3. Sơ cấp	0	0	0	0
4. Liên kết đào tạo	0	0	0	0
5. Loại hình khác	0	0	0	0
Tổng cộng	13.716	13.620	12.364	9754

1.6. Cơ Sở Vật Chất, Thư Viện, Tài Chính

6.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất: 51.598 m², trong đó:

1. Khu A: 2.636 m²

2. Khu B: 3.586 m²

3. Khu C: 2.505 m²

4. Khu H: 1.238 m²

5. Khu KTX: 684 m²

6. Khu D (Tòa nhà 12 tầng): 2.022 m²

7. Đất cây xanh, sân vườn: 17.868 m²

8. Đất giao thông, sân bãi: 16.155 m²

9. Bãi xe: 2.500 m²

10. Diện tích vỉa hè, hành lang, mương thoát nước, đường điện ngầm...: 2.571 m²

- Diện tích hạng mục và công trình:

6.2. Diện tích hạng mục và công trình:

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
1	Phòng làm việc	3725	68	
1.1	Khu A	1028	23	
	Loại phòng từ 12-30 m2	142	7	
	Loại phòng từ 30-50 m2	332	8	
	Loại phòng từ 60-80 m2	554	8	
1.2	Khu B	502	7	
	Loại phòng từ 24-50 m2	108	3	
	Loại phòng từ 60-120 m2	394	4	
1.3	Khu C	195	5	
	Loại phòng từ 24-50 m2		3	
	Loại phòng từ 60-100 m2	195	2	
1.4	Khu H	132	6	
	Loại phòng từ 12-30 m2	132	6	
1.5	Khu D	1868	27	
	Loại phòng từ 34-69 m2	638	13	
	Loại phòng từ 70-100 m2	1230	14	
2	Phòng học lý thuyết	6944	73	
2.1	Khu A	2331	28	
	Loại phòng từ 38-60 m2	186	4	
	Loại phòng từ 68-116 m2	2145	24	
2.2	Khu B	1379	11	
	Loại phòng từ 87-100 m2	563	6	
	Loại phòng từ 137-256 m2	816	5	
2.3	Khu C	781	7	
	Loại phòng 97,6 m2	488	5	
	Loại phòng 146,4 m2	293	2	
2.4	Khu H	799	5	
	Loại phòng 158,6 m2	627	4	
	Loại phòng 171,5 m2	172	1	
2.5	Khu D	1654	22	
	Loại phòng 75.2 m2	1654	22	
3	Xưởng thực tập và thực hành	9044	85	
3.1	Khu A	614	5	
	Loại phòng từ 40-72 m2	111	2	
	Loại phòng 100 m2-266 m2	503	3	
3.2	Khu B	3003	39	
	Loại phòng từ 24-35 m2	372	15	

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
	Loại phòng từ 80-90 m2	1324	15	
	Loại phòng từ 120-200 m2	1307	9	
3.3	Khu C	2541	16	
	Loại phòng từ 64 - 100 m2	666	8	
	Loại phòng từ 128 - 150 m2	276	2	
	Loại phòng từ 160 - 200 m2	359	2	
	Loại phòng từ 240 - 400 m2	1241	4	
3.4	Khu D	2886	25	
	Loại phòng từ 98 - 136 m2	2886	25	
4	Phòng thực hành máy tính	2542	24	
4.1	Khu B	2542	24	
	Loại phòng từ 60-80 m2	346	5	
	Loại phòng từ 92-140 m2	2196	19	
5	Thư viện	2202	3	
6	Ký túc xá	2052	1	
7	Sân vận động	7050	8	
	Sân Tennis	638	1	
	Sân bóng rổ	1612	1	
	Sân bóng đá mini	4800	6	
8	Phòng y tế	35	1	
9	Căn tin	684	4	
	Nhà ăn nhân viên	78	2	
	Căn tin khu C	217	1	
	Căn tin lầu 4 khu B	390	1	
10	Nhà thi đấu đa năng	800	1	
11	Hội trường, phòng họp	1916	8	

6.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường (Tính đến 15/06/2023)

6.3.1. Đầu sách in (bản cứng)

Tính đến 15/06/2024 Trung tâm Thư viện có 7.448 tên. trong đó số đầu sách, giáo trình thuộc ngành nghề đào tạo là: 5.640 tên

- Giáo trình nội bộ: 291 tên
- Kỹ yếu: 16 tên
- Báo - tạp chí: 14 tên
- Tiểu luận Cao đẳng: 798 tên
- Tiểu luận trung cấp: 400
- Tài liệu đa phương tiện: trên 450 tên

6.3.2. Đầu sách số hóa (Thư viện điện tử)

- Tổng đầu sách: trên 9.000 tên
- Trong đó đầu sách là giáo trình và sách, tài liệu chuyên ngành, nghề đào tạo là: 6.216 tên

6.4. Tổng số máy tính của trường:

- Dành cho văn phòng : 202 bộ
- Dành cho học sinh học tập : 1.624 bộ
- Tổng cộng : 1.826 bộ

6.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây

- Năm 2021 : 53.575.000.000 đ
- Năm 2022 : 62.701.000.000đ
- Năm 2023 : 50.896.200.000đ.
- Tính đến 15/06/2024 : 52.961.000.000đ.

6.6. Tổng thu học phí (hệ chính qui) trong 3 năm trở lại đây

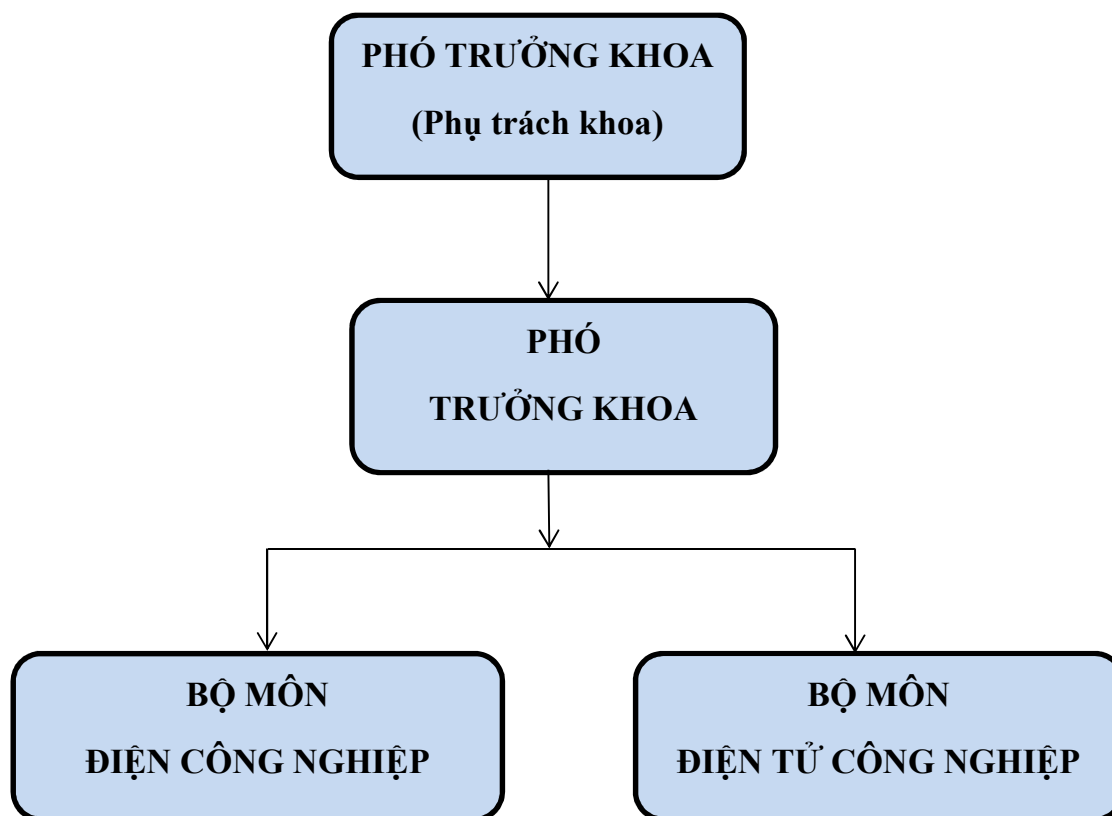
- Năm 2021 : 92.433.327.373đ
- Năm 2022 : 114.831.637.677đ
- Năm 2023 : 103.000.000.000đ
- Tính đến 15/06/2024 : 35.000.000.000đ

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

2.1. Thông tin khái quát

- Tên đơn vị: Khoa Điện – Điện tử
- Tên tiếng Anh: Faculty of Electronic and Electrical Engineering
- Địa chỉ đơn vị: Phòng B109, Lầu 1 Khu B.
- Số điện thoại: 028.22158641
- Facebook: <https://www.facebook.com/tdc.khoaddt>
- Email: khoaddt@tdc.edu.vn
- Website: khoaddt.tdc.edu.vn
- Năm thành lập đơn vị: 2002

2.2. Cơ cấu tổ chức:



2.3. Các nghề đào tạo:

STT	Nghề đào tạo	Trình độ
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng
3	Điện công nghiệp	Cao đẳng
4	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng
5	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	Cao đẳng
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng
7	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật:

✓ Lịch sử phát triển:

Khoa Điện – Điện tử của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 480/QĐ-KTNVTĐ ngày 23 tháng 9 năm 2008 trên cơ sở Khoa Điện – Điện

tử trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức. Khoa Điện – Điện tử, trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng và Trung cấp. Khoa Điện – Điện tử của trường là nơi đào tạo chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu lao động cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Khoa hiện nay có các nghề, nghề đào tạo như sau:

- Trình độ Cao đẳng có 6 nghề: Công nghệ kỹ thuật (CNKT) điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp.

- Trình độ Trung cấp có 1 chuyên nghề: CNKT Điện, điện tử và dân dụng.

Đội ngũ giảng viên khoa Điện – Điện tử có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu và có hơn 85% giảng viên đạt trình độ sau đại học, 100% GV của Khoa tham gia thực tập tại DN, có phương pháp sư phạm đạt yêu cầu. Các giảng viên thường xuyên được tập huấn trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao kiến thức phục vụ công tác giảng dạy.

Ngoài ra, khoa Điện – Điện tử còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có nhiều năm kinh nghiệm được mời về từ các trường Đại học, Cao đẳng lâu năm và các chuyên gia từ các nhà máy, xí nghiệp, các kỹ sư làm việc tại các tập đoàn lớn về lĩnh vực điện – điện tử. Các giảng viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, đạt nhiều danh hiệu trong các cuộc thi: Thiết kế mô hình dạy học, Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và toàn quốc...

Khoa Điện – Điện tử xây dựng chương trình đào tạo theo đúng quy định theo hướng dẫn của các thông tư ban hành của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội cũng như từ các góp ý của các chuyên gia đến từ các DN, cập nhật các công nghệ mới. Qua đó, sinh viên sẽ được trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế tại Học kỳ DN, đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của các DN. Sinh viên của Khoa được học tập và rèn luyện trong môi trường tiên tiến, hiện đại với đầy đủ các tiện nghi cũng như được giới thiệu khi thực tập tại DN và việc làm sau khi tốt nghiệp. Sinh viên của khoa đạt các giải cao trong các cuộc thi tay nghề cấp thành, cấp sở.

✓ **Thành tích nổi bật:**

• **Thành tích của Khoa:**

Stt	Năm học	Danh hiệu đạt được	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Ghi chú

Stt	Năm học	Danh hiệu đạt được	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Ghi chú
1	2023-2024	Tập thể lao động xuất sắc năm học 2023-2024	Quyết định	QĐ số 714/QĐ- CNTĐ-TCHC ngày 07/9/2024	
2	2022-2023	Khen thưởng tập thể Khoa Điện – Điện tử hoàn thành tốt công tác kiểm định chất lượng CTĐT nghề ĐCN năm 2023	Quyết định	QĐ số 1431/QĐ- CNTĐ-TCHC ngày 30/11/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	
3	2022-2023	Tổ công đoàn khoa Điện – Điện tử đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn NH 2022-2023	Giấy khen	QĐ số 408/QĐKT- CĐGD ngày 28/8/2023 của BCH Công đoàn Ngành Giáo dục Tp.HCM	
4	2022-2023	Tập thể Khoa Điện – Điện tử đã có thành tích Hoàn thành tốt công tác kiểm định chất lượng đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông – Năm 2022	Giấy khen	QĐ số 65/QĐ- CNTĐ-TCNS ngày 08/02/2023	

Stt	Năm học	Danh hiệu đạt được	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định	Ghi chú
5	2021-2022	Hoàn thành xuất sắc chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” tại địa phương năm 2022	Giấy khen	QĐ số 372/QĐ- CNTĐ-UBND ngày 11/08/2022 do UBND Phường Tăng Nhơn Phú A	
6	2021-2022	Đã hoàn thành tốt Chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường CĐ Công nghệ Thủ Đức nhiệm kỳ VIII (2019- 2022)	Giấy khen	QĐ số: 26/QĐ-ĐU ngày 09/6/2022 của Đảng Ủy Trường.	
7	2021-2022	Hoàn thành xuất sắc chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” tại địa phương năm 2022	Giấy khen	QĐ số: 372/QĐ- UBND ngày 11/08/2022 của Chủ tịch UBND Phường Tăng Nhơn Phú A	
7	2020-2021	Đã có thành tích xuất sắc trong Kỳ thi tay nghề Tp.HCM 2019, Kỳ thi Kỹ năng nghề Quốc gia 2020 và Hội thi HSSV Giỏi nghề 2020	Giấy khen	QĐ số 37/QĐ- CNTĐ-ĐTN , ngày 31/10/2020	

• **Thành tích của Giảng viên:**

Stt	Họ tên GV	Năm học	Nội dung khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
1	Trần Thanh Tâm	2023-2024	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục	Bằng khen	Số 255/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND Tp.HCM
2	Phạm Văn Lối	2022-2023	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Danh hiệu	Số 613/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 18/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.
3	Nguyễn Phát Lợi	2022-2023	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “ Lao động giỏi, lao động sáng tạo” năm 2023	Bằng khen	Số 40/QĐKT-LĐLĐ ngày 07/6/2023 của BCH Liên đoàn Lao động Tp.HCM
4	Nguyễn Phát Lợi	2022-2023	Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục 2021-2022, 2022-2023	Bằng khen	Số 4251/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND Tp.HCM
5	Đoàn Chánh Tín	2021-2022	Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh 2022	Giấy khen	Số 27-QĐ/ĐU, ngày 10/08/2022; Đảng Ủy Đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

Stt	Họ tên GV	Năm học	Nội dung khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
6	Đoàn Chánh Tín	2021-2022	Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh 2022	Bằng khen	Tỉnh Đoàn Champasak, nước CHDCND Lào , Ngày 22/07/2022
7	Nguyễn Phát Lợi	2021-2022	Nhà giáo trẻ tiêu biểu 2 lần liên tục (2020, 2022)	Bằng khen UBND Tp.HCM	QĐ số 4375/QĐ-UBND ngày 16/12/2022
8	Tôn Ngọc Triều	2020-2021	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Danh hiệu	Quyết định số: 1785/QĐ-SGDĐT, Ngày 20 tháng 8 năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh
9	Đoàn Chánh Tín	2020-2021	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Danh hiệu	QĐ Số 1785/QĐ-GDĐT-VP, ngày 20/08/2021; Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM
10	Đoàn Chánh Tín	2020-2021	Cán bộ Đoàn-Hội tiêu biểu cấp trường năm 2022	Giấy khen	Số 285-QĐ/ĐTN, ngày 26/03/2022; Ban chấp hành Đoàn trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

• **Thành tích của Sinh viên:**

Stt	Họ tên HSSV	Năm học	Nội dung khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
1	Lý Gia Hương	2023-2024	Giải Nhất cuộc thi Kỹ thuật viên Điện – Điện tử giỏi nghề năm 2024	Quyết định	QĐ số 52/QĐ-CNTĐ-HSSV ngày 07/5/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
2	Đàm Thiện Duy	2022-2023	Giải II nghề Điện công nghiệp Hội thi “Học sinh, sinh viên giỏi nghề” năm 2023	Giấy khen	Số 7614/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/4/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tp.HCM
3	Hồ Bảo Uyên	2021-2022	Đã tích cực tham gia phòng, chống dịch COVID-19 tại địa bàn cư trú	Giấy khen	Số 42/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 22/10/2021
4	Thiên Sanh Đin	2021-2022	Đã tích cực tham gia phòng, chống dịch COVID-19 tại địa bàn cư trú	Giấy khen	Số 42/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 22/10/2021
5	Nguyễn Ngọc Nguyên	2021-2022	Đã tích cực tham gia phòng, chống dịch COVID-19 tại địa bàn cư trú	Giấy khen	Số 42/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 22/10/2021

Stt	Họ tên HSSV	Năm học	Nội dung khen thưởng	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
6	Phan Anh Tùng CD18DD2	2020- 2021	Bảng A – Cuộc thi “Kỹ thuật viên Điện – Điện tử giỏi nghề” năm học 2020-2021	Giấy khen	Số 19/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 30/03/2021
7	Trần Nhan Trường CD18DD2	2020- 2021	Bảng A – Cuộc thi “Kỹ thuật viên Điện – Điện tử giỏi nghề” năm học 2020-2021	Giấy khen	Số 19/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 30/03/2021
8	Võ Kim Ngôn CD19DD4	2020- 2021	Bảng B – Cuộc thi “Kỹ thuật viên Điện – Điện tử giỏi nghề” năm học 2020-2021	Giấy khen	Số 19/QĐ-CNTĐ-ĐTN của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ngày 30/03/2021
9	Trần Doãn Minh Hiền CD18DD3	2020- 2021	Sinh viên 5 Tốt cấp ngành năm 2020		TB số 42/TB-BTK ngày 01/12/2000 TB kết quả xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp Tp.HCM năm 2020

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ trong công tác người làm kỹ thuật điện, điện tử;
- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng về CNKT điện, điện tử. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có nền tảng kiến thức để phát triển toàn diện về nhân cách và kỹ năng nghề nghiệp

chuyên sâu trong lĩnh vực CNKT điện, điện tử đáp ứng yêu cầu của DN trong và ngoài nước.

3.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

✓ Kiến thức

- Khái quát hóa được đặc điểm và tính chất của nghề CNKT điện, điện tử;
 - Trình bày được các tiêu chuẩn trong an toàn điện theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn IEC;
 - Giải thích chính xác quy cách, tính chất của các loại vật liệu, linh kiện, cảm biến thường dùng trong lĩnh vực điện, điện tử;
 - Mô tả được tính chất, cấu tạo, phân tích được nguyên lý hoạt động, ứng dụng của các thiết bị điện, điện tử;
 - Giải thích được ý nghĩa của các thông số kỹ thuật và các ký hiệu điện trong các hệ thống điện, điện tử trong công nghiệp;
 - Trình bày được phương pháp sử dụng các thiết bị đo, dụng cụ cầm tay vào nghề điện, điện tử;
 - Xác định được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả;
 - Trình bày được quy trình lắp ráp, cài đặt các thiết bị điện, điện tử;
 - Mô tả chính xác trình tự sửa chữa các thiết bị điện, điện tử;
 - Phân tích được sơ đồ nguyên lý hệ thống điện của các máy công cụ như máy tiện, máy phay, máy khoan, máy bào và các máy sản xuất như băng tải, cầu trục, thang máy, lò điện...;
 - Trình bày được cấu trúc và các phương pháp lập trình PLC, vi điều khiển; truy xuất bộ nhớ dữ liệu trong các chương trình; giải thích được nguyên lý hoạt động của hệ thống;
 - Liệt kê đầy đủ các phương pháp tính toán trong thiết kế các hệ thống điện, điện tử;
 - Mô tả được quy trình vận hành, bảo trì, lắp đặt hệ thống phân phối cung cấp điện và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
 - Mô tả được kế hoạch tư vấn, giám sát và điều hành các dự án lĩnh vực điện, điện tử;
 - Liệt kê trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân trong mối quan hệ với các thành viên trong nhóm/bộ phận; giải thích cách thức thực hiện công việc theo hướng thúc đẩy hợp tác với các thành viên trong nhóm đạt được mục tiêu đã đề ra; liệt kê được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
 - Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- Kỹ năng:**
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ hỗ trợ cầm tay nghề điện, điện tử;
 - Đọc được chính xác các bản vẽ kỹ thuật của nghề; liệt kê được vật tư, linh kiện cần cho mạch điện;

- Lắp ráp thuần thực của các thiết bị điện, điện tử, cài đặt được các thông số và cân chỉnh sự hoạt động của cơ cấu chấp hành phù hợp với yêu cầu;
- Đo, kiểm tra, sửa chữa thành thạo các thiết bị điện, điện tử;
- Tính toán, thiết kế được các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp theo đúng yêu cầu;
- Sử dụng thuần thực các phần mềm thiết kế điện, điện tử ứng dụng phục vụ cho chuyên nghề, quản lý và tổ chức sản xuất;
- Lắp ráp các bo mạch điện tử, mạch điện dùng cảm biến đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp ráp được hệ thống điện dùng năng lượng tái tạo theo yêu cầu;
- Lập được kế hoạch, tổ chức và thực hiện lắp đặt hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;
- Vận hành thuần thực hệ thống phân phối cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng, công nghiệp và các hệ thống tự động hóa trong công nghiệp;
- Lập trình vi điều khiển, PLC và kết nối ngoại vi cho hệ thống điều khiển điện, điện tử;
- Lập được kế hoạch tư vấn, giám sát và điều hành các dự án lĩnh vực điện, điện tử;
- Giải đáp được các thắc mắc, từ đó lập được kế hoạch cung cấp các yêu cầu và lựa chọn được sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho khách hàng;
- Thực hiện được các biện pháp an toàn điện; bố trí nơi làm việc khoa học đảm bảo vệ sinh công nghiệp;

3.2.2. Chính trị, đạo đức, thể chất và quốc phòng:

✓ Chính trị, đạo đức:

- Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;
- Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và của người thợ hàn nói riêng;
- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, giải quyết các tình huống kỹ thuật phức tạp trong thực tế;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp nhằm tạo điều kiện sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

✓ Thể chất và quốc phòng:

- Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định nghề đào tạo;
- Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp nghề CNKT điện, điện tử sinh viên có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Lắp đặt thiết bị điện;
- Lắp ráp thiết bị điện tử;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử;
- Thi công, vận hành hệ thống phân phối cung cấp điện;
- Thiết kế, lắp ráp mạch điện tử;
- Vận hành, bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển tự động hóa;
- Thiết kế, thi công, vận hành và bảo trì hệ thống điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn, giám sát và điều hành các dự án lĩnh vực điện, điện tử;
- Tư vấn kinh doanh thiết bị điện, điện tử.

3.3. Phương thức đào tạo

+ Phương thức đào tạo chung của trường: Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ

+ Phương thức đào tạo của khoa: Tích lũy tín chỉ

3.4. Tóm tắt nội dung của chương trình:

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2021

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
A	Các học phần chung		14	9	5	300	119	166	15	
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5	1.2.1.16 1.2.3.1
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2	1.2.1.16 1.2.3.1

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	58	2	1.2.2.6 1.2.2.14
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	41	4	1.2.2.15
Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN (Không tính số tín chỉ)										
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	4	24	2	1.2.1.16
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	1	27	2	1.2.1.16
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	2	1	75	36	35	4	1.2.1.16 1.2.3.1
B	Các học phần chuyên môn ngành, nghề		72	35	37	1830	517	1194	119	
I	Học phần cơ sở		21	15	6	405	217	160	28	
1	CSC111110	Nhập môn ngành điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.1 1.2.3.3 1.2.3.5
2	CSC112020	Vật liệu điện	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
3	CSC111130	An toàn điện	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.2 1.2.2.15
4	CSC112030	Điện tử cơ bản	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.3
5	CSC111040	Lý thuyết mạch	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.5
6	CSC112050	Khí cụ điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
7	CSC111070	Đo lường điện	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.6 1.2.2.4
8	CSC112110	Vẽ điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.2 1.2.2.2
9	DCK100070	Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.7 1.2.2.13 1.2.3.2
II	Học phần chuyên môn		51	20	31	1425	300	1034	91	
A	Học phần bắt buộc		49	19	30	1380	285	1007	88	
1	CNC112180	Thực tập Điện tử cơ bản	2	0	2	90	0	86	4	1.2.2.1 1.2.2.7

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.4
2	CNC112230	Sửa chữa thiết bị điện, điện tử	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.9 1.2.2.4 1.2.3.4
3	CNC112260	Máy điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
4	CNC112160	Thực tập Điện cơ bản	2	0	2	90	0	80	10	1.2.2.1 1.2.2.3 1.2.3.4
5	CNC112300	Điện tử công suất	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.5 1.2.2.3
6	CSC112101	Vi mạch	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.8 1.2.2.7
7	CNC113340	Điều khiển tòa nhà thông minh	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.3 1.2.2.3
8	NNC111010	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
9	CNC111020	Kỹ thuật khí	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.4

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
		nén								1.2.2.3 1.2.3.4
10	CNC112020	Cung cấp điện	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.12 1.2.2.5
11	CNK111021	Năng lượng tái tạo	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.7 1.2.2.7 2.2.2.9 1.2.3.4
12	CSC112090	Truyền động điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.5 1.2.2.5 1.2.3.4
13	CNC112270	Trang bị điện	3	1	2	75	15	55	5	1.2.1.10 1.2.2.8 1.2.2.9 1.2.3.4
14	CNC113251	Thực tập DN	4	0	4	180	0	175	5	1.2.1.15 1.2.2.1 1.2.2.13

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.2
15	CNC112070	Đồ án môn học_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.14 1.2.2.11 1.2.2.12 1.2.3.4
16	CNC112250	Điều khiển lập trình PLC	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4
17	CNC112910	CAD trong CNKT Điện, điện tử	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.12 1.2.2.6 1.2.2.14
18	TNC112070	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	225	0	220	5	1.2.1.15 1.2.2.2 1.2.2.8 1.2.3.2
19	TNC112030	Điều khiển lập trình PLC nâng	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.11

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
		cao								1.2.2.3 1.2.2.10 1.2.3.4
20	TNC112100	Thiết kế hệ thống điện phân phối	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.12 1.2.1.13 1.2.2.5 1.2.2.9 1.2.3.2 1.2.3.4
B	Học phần tự chọn		2	1	1	45	15	27	3	
(SV chọn 1 HP trong 2 học phần sau)										
1	CNC112090	Vi điều khiển_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4 1.2.3.5

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
2	CNC112100	Kỹ thuật cảm biến	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.3 1.2.2.7 1.2.3.4 1.2.3.5
Tổng cộng:			86	44	42	2130	636	1360	134	

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2022

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
A	Các học phần chung		19	11	8	435	160	252	23	
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5	1.2.1.16 1.2.3.1
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2	1.2.1.16 1.2.3.1

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	58	2	1.2.2.6 1.2.2.14
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	41	4	1.2.2.15
Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN										
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	4	24	2	1.2.1.16
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	1	27	2	1.2.1.16
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	2	1	75	36	35	4	1.2.1.16 1.2.3.1
B	Các học phần chuyên môn ngành, nghề		72	35	37	1830	517	1194	119	
I	Học phần cơ sở		21	15	6	405	217	160	28	
1	CSC111110	Nhập môn ngành điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.1 1.2.3.3 1.2.3.5

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
2	CSC112020	Vật liệu điện	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.3
3	CSC111130	An toàn điện	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.2 1.2.2.15
4	CSC112030	Điện tử cơ bản	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.3
5	CSC111040	Lý thuyết mạch	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.5
6	CSC112050	Khí cụ điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
7	CSC111070	Đo lường điện	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.6 1.2.2.4
8	CSC112110	Vẽ điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.2 1.2.2.2
9	DCK100070	Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.7 1.2.2.13 1.2.3.2
II	Học phần chuyên môn		51	20	31	1425	300	1034	91	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
II. 1	Học phần bắt buộc		49	19	30	1380	285	1007	88	
1	CNC112180	Thực tập Điện tử cơ bản	2	0	2	90	0	86	4	1.2.2.1 1.2.2.7 1.2.3.4
2	CNC112230	Sửa chữa thiết bị điện, điện tử	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.9 1.2.2.4 1.2.3.4
3	CNC112260	Máy điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
4	CNC112160	Thực tập Điện cơ bản	2	0	2	90	0	80	10	1.2.2.1 1.2.2.3 1.2.3.4
5	CNC112300	Điện tử công suất	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.5 1.2.2.3
6	CSC112101	Vi mạch	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.8 1.2.2.7
7	CNC113340	Điều khiển tòa nhà thông	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
		minh								1.2.2.3
8	NNC111010	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
9	CNC111020	Kỹ thuật khí nén	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.4 1.2.2.3 1.2.3.4
10	CNC112020	Cung cấp điện	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.12 1.2.2.5
11	CNK111021	Năng lượng tái tạo	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.7 1.2.2.7 2.2.2.9 1.2.3.4
12	CSC112090	Truyền động điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.5 1.2.2.5 1.2.3.4
13	CNC112270	Trang bị điện	3	1	2	75	15	55	5	1.2.1.10 1.2.2.8 1.2.2.9

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.4
14	CNC113251	Thực tập DN	4	0	4	180	0	175	5	1.2.1.15 1.2.2.1 1.2.2.13 1.2.3.2
15	CNC112070	Đồ án môn học_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.14 1.2.2.11 1.2.2.12 1.2.3.4
16	CNC112250	Điều khiển lập trình PLC	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4
17	CNC112910	CAD trong CNKT Điện, điện tử	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.12 1.2.2.6 1.2.2.14
18	TNC112070	Thực tập tốt nghệ	5	0	5	225	0	220	5	1.2.1.15 1.2.2.2 1.2.2.8

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.2
19	TNC112030	Điều khiển lập trình PLC nâng cao	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.11 1.2.2.3 1.2.2.10 1.2.3.4
20	TNC112100	Thiết kế hệ thống điện phân phối	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.12 1.2.1.13 1.2.2.5 1.2.2.9 1.2.3.2 1.2.3.4
II. 2	Học phần tự chọn		2	1	1	45	15	27	3	
(SV chọn 1 HP trong 2 học phần sau)										
1	CNC112090	Vi điều khiển_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.5
2	CNC112100	Kỹ thuật cảm biến	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.3 1.2.2.7 1.2.3.4 1.2.3.5
Tổng cộng:			91	46	45	2265	677	1446	142	

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2023

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
A	Các học phần chung		19	11	8	435	160	252	23	
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5	1.2.1.16 1.2.3.1
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2	1.2.1.16

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.1
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	58	2	1.2.2.6 1.2.2.14
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	41	4	1.2.2.15
Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN										
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	4	24	2	1.2.1.16
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	1	27	2	1.2.1.16
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	2	1	75	36	35	4	1.2.1.16 1.2.3.1
B	Các học phần chuyên môn ngành, nghề		72	35	37	1830	517	1193	120	
I	Học phần cơ sở		21	15	6	405	217	159	29	
1	CSC111110	Nhập môn ngành điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.1 1.2.3.3 1.2.3.5
2	CSC112020	Vật liệu điện	2	2	0	30	28	0	2	1.2.1.3
3	CSC111130	An toàn điện	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.2

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.2.15
4	CSC112030	Điện tử cơ bản	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.3
5	CSC111040	Lý thuyết mạch	3	3	0	45	42	0	3	1.2.1.5
6	CSC112050	Khí cụ điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
7	CSC111070	Đo lường điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.6 1.2.2.4
8	CSC112110	Vẽ điện	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.2 1.2.2.2
9	DCK100070	Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.7 1.2.2.13 1.2.3.2
II	Học phần chuyên môn		51	20	31	1425	300	1034	91	
II.1	Học phần bắt buộc		49	19	30	1380	285	1007	88	
1	CNC112180	Thực tập Điện tử cơ bản	2	0	2	90	0	86	4	1.2.2.1 1.2.2.7 1.2.3.4
2	CNC112230	Sửa chữa thiết bị điện, điện tử	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.9 1.2.2.4

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.3.4
3	CNC112260	Máy điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.4 1.2.2.3
4	CNC112160	Thực tập Điện cơ bản	2	0	2	90	0	80	10	1.2.2.1 1.2.2.3 1.2.3.4
5	CNC112300	Điện tử công suất	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.5 1.2.2.3
6	CSC112101	Vi mạch	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.8 1.2.2.7
7	CNC113340	Điều khiển tòa nhà thông minh	2	1	1	45	15	28	2	1.2.1.3 1.2.2.3
8	NNC111010	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	45	15	28	2	1.2.2.15
9	CNC111020	Kỹ thuật khí nén	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.4 1.2.2.3 1.2.3.4
10	CNC112020	Cung cấp điện	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.12

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
										1.2.2.5
11	CNK111021	Năng lượng tái tạo	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.7 1.2.2.7 2.2.2.9 1.2.3.4
12	CSC112090	Truyền động điện	2	1	1	45	15	26	4	1.2.1.5 1.2.2.5 1.2.3.4
13	CNC112270	Trang bị điện	3	1	2	75	15	55	5	1.2.1.10 1.2.2.8 1.2.2.9 1.2.3.4
14	CNC113251	Thực tập DN	4	0	4	180	0	175	5	1.2.1.15 1.2.2.1 1.2.2.13 1.2.3.2
15	CNC112070	Đồ án môn học_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.14 1.2.2.11 1.2.2.12 1.2.3.4
16	CNC112250	Điều khiển lập trình PLC	3	2	1	60	30	25	5	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
17	CNC112910	CAD trong điện công nghiệp	3	2	1	60	30	26	4	1.2.1.12 1.2.2.6 1.2.2.14
18	TNC112070	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	225	0	220	5	1.2.1.15 1.2.2.2 1.2.2.8 1.2.3.2
19	TNC112030	Điều khiển lập trình PLC nâng cao	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.11 1.2.2.3 1.2.2.10 1.2.3.4
20	TNC112100	Thiết kế hệ thống điện phân phối	2	1	1	45	15	25	5	1.2.1.12 1.2.1.13 1.2.2.5 1.2.2.9 1.2.3.2 1.2.3.4
II.2	Học phần tự chọn		2	1	1	45	15	27	3	
(SV chọn 1 HP trong 2 học phần sau)										
1	CNC112090	Vi điều khiển_ĐĐ	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.11 1.2.2.10 1.2.3.4 1.2.3.5

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)				Mục tiêu
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA	
2	CNC112100	Kỹ thuật cảm biến	2	1	1	45	15	27	3	1.2.1.3 1.2.2.7 1.2.3.4 1.2.3.5
Tổng cộng:			91	46	45	2265	677	1445	143	

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế	
1	Khóa 2021	200	119	59.5%
2	Khóa 2022	230	250	108.7%
3	Khóa 2023	230	251	109%
TỔNG CỘNG		660	670	

3.6. Đội ngũ giáo viên:

Tổng số: 25, trong đó:

- Nam: 17
- Nữ: 08
- Cơ hữu: 25
- Thỉnh giảng: 00

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Trường có khuôn viên với tổng diện tích 51.598m² với:

- 54 phòng học lý thuyết có diện tích 6.356m²
- Có 25 phòng học thực hành tin học diện tích: 2.513m², với tổng số máy tính là 1.187

- Thư viện có diện tích hơn 2.000m², với số lượng sách chuyên ngành điện – điện tử 1.520 tên/ 3.755 bản
- Xưởng thực hành của Khoa Điện – Điện tử với 25 xưởng thực hành.

- Danh sách các xưởng thực hành thuộc Khoa Điện – Điện tử:

Stt	Phòng	Tên phòng xưởng thực hành	Ghi chú
1	B003	Phòng Kỹ Thuật Máy Lạnh Và Điều Hoà Không Khí 1	
2	B004	Phòng Điện Công Nghiệp	
3	B005	Phòng Năng Lượng Tái Tạo – Cung Cấp Điện	
4	B006	Phòng Hệ Thống Điện Nhẹ	
5	B008	Phòng Kỹ Thuật Máy Lạnh Và Điều Hoà Không Khí 2	
6	B009	Phòng Kỹ Thuật Máy Lạnh Và Điều Hoà Không Khí 3	
7	B010	Phòng Lạnh Công Nghiệp	
8	B013	Phòng Thực Hiện Đồ Án	
9	B014	Phòng Thực Hành Lắp Đặt Và Điều Khiển Thiết Bị Điện	
10	B015	Phòng Truyền Động Điện Và Biến Tần Công Nghiệp	
11	B016	Phòng Điện Tử Viễn Thông	
12	B017	Phòng Điều Khiển Lập Trình	
13	B018	Phòng Thiết Bị Viễn Thông Đầu Cuối	
14	B019	Phòng Thực Hành Lắp Đặt Điện	
15	B020	Phòng Vi Điều Khiển-Iot	
16	B021	Phòng Điện – Khí Nén – Thủy Lực	
17	B022	Phòng Máy Tính Và Mạng Truyền Thông	
18	B023	Phòng Tự Động Hoá – Mạng Truyền Thông Công Nghiệp	
19	B024	Phòng Khí Cụ Điện – Trang Bị Điện	
20	B025	Phòng Kỹ Thuật Điện – An Toàn Điện	

Stt	Phòng	Tên phòng xưởng thực hành	Ghi chú
21	B026	Phòng Máy Điện – Sửa Chữa Thiết Bị Điện	
22	B105	Phòng Điện Tử Công Suất	
23	B106	Phòng Kỹ Thuật Số-Vi Mạch	
24	B107	Phòng Điện Tử Cơ Bản-Đo Lường Điện	
25	B108	Phòng Điện Tử Ứng Dụng	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung:

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ Công văn số 454 /TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng;
- Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-CNTĐ-TTCL ngày 16/4/2024: Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024;
- Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 09 tháng 05 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trình độ Cao đẳng – Năm 2024;
- Căn cứ kế hoạch số 02/KH-CNTĐ-KĐT ngày 10 tháng 5 năm 2024 thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử – Năm 2024.

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của CB-GV-NV và sinh viên của khoa Điện – Điện tử về vai trò quan trọng của công tác tự kiểm định, tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.
- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của CNKT Điện, điện tử dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường Cao đẳng.
- Phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới và qua đó giúp Khoa và Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Thu thập và tổng hợp toàn bộ thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo
- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo;
- Lập dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

- Tổ chức nghiên cứu, thu thập, biên dịch (nếu có), tổng hợp, xử lý tài liệu trong, ngoài nước (nếu có) về kiểm định chương trình đào tạo.
- Tổ chức khảo sát, lấy phiếu điều tra, phân tích, xử lý, tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, DN, hội nghề nghiệp, học sinh, sinh viên, người lao động phục vụ xây dựng hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo.
- Viết chuyên đề nghiên cứu theo từng tiêu chí kiểm định chương trình đào tạo.
- Biên tập hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá.

- Kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Hoạt động chuẩn bị của Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.
- Chuẩn bị tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Thực hiện tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Khoa có chương trình đào tạo được kiểm định lập báo cáo tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Hội đồng kiểm định chất lượng của trường thẩm định, phê duyệt Báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
	đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.		
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
3	Tiêu chí 3: nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	0
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của đơn vị
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Mục tiêu của CTĐT CNKT Điện, điện tử cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực thành thạo nghề CNKT Điện, điện tử đáp ứng với thị trường lao động hiện nay ở Tp. HCM, các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đồng Nai và cả nước. Đây là một trong những nghề trọng yếu phát triển thành phố Hồ Chí Minh. CTĐT luôn được điều chỉnh kịp thời đáp ứng với sự thay đổi chung của sự phát triển và hội nhập. Các nội dung về quản lý CTĐT được phân công rõ ràng theo từng năm học để kịp thời điều chỉnh từ các góp ý của DN, cựu sinh viên, giảng viên...

Nghề CNKT Điện, điện tử đào tạo kỹ sư thực hành đáp ứng với yêu cầu chung phát triển của đất nước nói chung và Tp. HCM nói riêng. Chương trình chi tiết có mục tiêu rõ ràng, nội dung phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp và cập nhật công nghệ tiên tiến, phù hợp thực tiễn, yêu cầu sản xuất và điều kiện của Nhà trường. Quá trình đào tạo luôn tuân theo Quy chế đào tạo đã ban hành, được thực hiện, triển khai và giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình giảng dạy từ khâu chuẩn bị cho đến khâu kiểm tra đánh giá và công bố kết quả học tập đồng thời bám theo Chuẩn đầu ra của nghề đào tạo đã được xây dựng và công bố công khai.

+ Những điểm mạnh:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử phù hợp với mục tiêu dạy nghề theo trình độ đào tạo nghề được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp, chương trình khung, mục tiêu, nhiệm vụ của trường và yêu cầu sử dụng nhân lực của khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận

CTĐT được đánh giá và rà soát điều chỉnh kịp thời theo quy định chung của Nhà trường, nhằm điều chỉnh kịp thời nội dung chương trình để phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

CTĐT luôn tiếp cận với sự phát triển công nghệ nên được đầu tư với các thiết bị mới, đáp ứng với nhu cầu thị trường lao động.

Các nhà giáo ở các cơ sở giáo dục khác và các DN đồng hành góp ý xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT kịp thời cũng như hỗ trợ cơ sở vật chất và hướng dẫn tham quan, thực tập và trải nghiệm tại DN.

+ Những tồn tại: Không

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không

Tiêu chuẩn 1.1:

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử của Trường được xây dựng bám sát chương trình khung theo Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm

định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, và quy định chung của trường cao đẳng Công nghệ Thủ Đức. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã tiến hành tổ chức khảo sát điều kiện thực tiễn sản xuất, mời DN và các chuyên gia trong nghề tham gia góp ý, xây dựng các chương trình đào tạo ở các bậc đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân lực của TPHCM và các tỉnh lân cận. *(1.1.01 – Chương trình khung nghề CNKT Điện, điện tử Khóa 2020, 2021, 2023).*

Ngoài ra, chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH. Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ Sứ mệnh và Tầm nhìn của Trường, nên mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường *(1.1.02 – Website công bố Sứ mạng, tầm nhìn của Trường- www.tdc.edu.vn; Quyết định số 109/QĐ-CNTĐ-HC ngày 24/10/2019: Điều chỉnh nội dung tầm nhìn Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Quyết định số 110/QĐ-CNTĐ-HC ngày 24/10/2019: Điều chỉnh nội dung sứ mạng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức).*

Chương trình đào tạo đều được thực hiện trên nhu cầu của thị trường lao động và có sự tham gia của DN, cơ sở giáo dục... *(1.1.03 - Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT điện, điện tử khóa 2020, khóa 2023; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020, khóa 2023).*

Đầu mỗi khóa học Khoa đều lập kế hoạch đào tạo các khóa tuyển sinh theo tiến độ chung của nhà trường ban hành *(1.1.04- Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trường Khoa ký).*

Chương trình đào tạo nghề CNKT điện, điện tử của Khoa được rà soát, cập nhật theo quy định *(1.1.05- Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/3/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; 1.1.06 – Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/02/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022; 1.1.07 – Thông báo số 11/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 15/1/2024 về việc xây dựng CTĐT, chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng khóa tuyển sinh năm 2024).*

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 1.2:

Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa phụ trách CTĐT và các đơn vị liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo thông qua quy định rõ chức năng nhiệm vụ của

Khoa Điện – Điện tử là đơn vị thực hiện chức năng xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường (**1.2.01-** Quyết định số 1018/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 20/12/2022: Về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; **1.2.02** - Quyết định số 135-01/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 23/5/2022: Quyết định giao cho các Khoa chuyên môn tổ chức đào tạo các ngành trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2022; Quyết định số 180A/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/9/2021: Quyết định về việc đồng ý giao cho các Khoa tổ chức giảng dạy các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2021; Quyết định số 164A/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 05/10/2020: Quyết định về việc đồng ý giao cho các Khoa tổ chức giảng dạy các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2020).

Dựa trên kế hoạch đào tạo của nhà trường, Khoa tiến hành triển khai kế hoạch đào tạo cho từng nghề (**1.1.04-** Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký), Trưởng Khoa phân công nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên trong Khoa (**1.2.03** - Bảng phân công công việc năm học của Khoa: các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm, các Khoa cũng như nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện trong năm, rút kinh nghiệm những việc chưa làm được theo (**1.2.04** – Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022_Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện – Điện tử), khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện xuất sắc công việc được giao cũng như phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo (**1.2.05** - Quyết định về việc công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2020 – 2021, 2021-2022, 2022-2023).

Khoa hoàn thành các nhiệm vụ đào tạo do Nhà trường giao và được đánh giá thông qua các các hoạt động thanh kiểm tra định kỳ trong năm học. Cũng từ đó, Khoa có căn cứ tiếp tục phát huy được những mặt mạnh và tiếp tục điều chỉnh để các nhiệm vụ đó được hoàn thành ngày càng tốt hơn (**1.2.06** - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 1.3:

Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức là trường công lập nên mọi nguồn thu, chi đều minh bạch, theo quy định, dưới sự giám sát của Kiểm toán Nhà nước. Khoa đã thành lập các Ban xác định định mức chi tối thiểu hàng năm đối với ngành CNKT Điện, điện tử hàng năm (**1.3.01 – Ban xác định định mức chi tối thiểu năm 2021, 2022, 2023**) nhằm đưa ra định mức chi phí đào tạo cho 1 sinh viên dựa trên cơ sở danh mục định mức thiết bị, vật tư đào tạo của ngành đã được xác định hàng năm (**1.3.02 - QĐ ban hành định mức thiết bị, Định mức vật tư về đào tạo Trình độ trung cấp, Trình độ cao đẳng**) và CTĐT đã được ban hành hàng năm có đầy đủ nội dung, kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đảm bảo để thực hiện CTĐT đạt chuẩn đầu ra đã đặt ra.. Từ đó, Ban xác định định mức chi tối thiểu hàng năm đối với ngành CNKT Điện, điện tử hợp và thống nhất (**1.3.03 - Biên bản họp Ban mức chi phí đào tạo cho 1 sinh viên đối với ngành Điện công nghiệp 2021, 2022, 2023**) và đưa ra Chi phí đào tạo cho 1 sinh viên đối với ngành CNKT Điện, điện tử của Trường Cao đẳng công nghệ Thủ đức (**1.3.04 - Định mức chi tối thiểu cho 1 sinh viên _phần II Chi phí lao động đã đầu tư để đào tạo 1 sinh viên**).

Các đề cương chi tiết được xây dựng và có đánh giá xem xét các điều kiện thực hiện về cơ sở vật chất tối thiểu của CTĐT, các vật tư cần trang bị cho môn học. Dựa vào biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử, phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa, Chương trình chi tiết, danh mục vật tư theo từng học kỳ (**1.3.05 - Danh mục vật tư theo từng học kỳ của năm học**), Nhà trường đưa ra định mức chi tối thiểu cho 1 sinh viên của ngành CNKT Điện, điện tử (**1.3.06 - Định mức chi tối thiểu cho 1 sinh viên**).

Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Trường gồm có: Kinh phí thường xuyên của Ngân sách nhà nước cấp, học phí chính quy, ngoài ra Trường có các nguồn thu hợp pháp như lệ phí tuyển sinh, học phí các hệ đào tạo, thu tiền ở KTX, hợp tác đào tạo, thu từ dịch vụ trông giữ xe....

Việc thực hiện thu, chi và phân bổ các khoản thu được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ tại Điều 6 Phần 2 và Phần 3 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức (**1.3.07 - Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, số 627/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021; Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, số 955/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022, Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, số 1360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023**).

Từ đó, Nhà trường đối chiếu với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và các khoản thu khác của nhà trường để đưa ra mức thu học phí theo đúng quy định. Trường thực hiện thu học phí, lệ phí của học sinh, sinh viên theo quy định của Hiệu trưởng nhà trường (**1.3.08 - Thông**

báo thu học phí, lệ phí năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức luôn chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định hiện hành trong việc triển khai hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó Nhà trường luôn nghiên cứu, cập nhật kịp thời các kiến thức, công nghệ mới vào hoạt động đào tạo. Xác định mục tiêu gắn hoạt động đào tạo của Nhà trường với nhu cầu nhân lực của địa phương, của xã hội; từng bước nâng cao vị thế, vai trò của Nhà trường trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Trong những năm học vừa qua, lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các quy chế và quy định của các cơ quan chủ quản cũng như các nội quy, quy định của Nhà trường. Không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy, đổi mới công tác quản lý, công tác đánh giá kết quả học tập của người học với mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Hoạt động đào tạo là một trong các hoạt động trọng yếu, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường. Việc tổ chức hoạt động đào tạo đòi hỏi phải đảm bảo tính pháp lý nhưng cũng cần có sự linh động, nhạy bén, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Định hướng quan trọng của Nhà trường là gắn kết hoạt động đào tạo với nhu cầu DN, nhu cầu xã hội. Tuy bước đầu thực hiện còn gặp nhiều khó khăn nhưng Nhà trường cũng đã đạt được nhiều thành quả trong việc tiếp cận DN để điều chỉnh hoạt động đào tạo. Trong thời gian tới Nhà trường sẽ tiếp tục triển khai bài bản hơn nhằm nâng cao chất lượng tiếp cận mục tiêu học sinh sinh viên ra trường đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hoạt động đào tạo tại Khoa Điện – Điện tử trường Cao Đẳng Công nghệ Thủ Đức được tổ chức tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử có sự góp ý của các bên liên quan như DN, Cựu sinh viên và Giảng viên nhằm phát huy tính tích cực của người học, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Hoạt động đào tạo là một trong các hoạt động trọng yếu, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của Khoa và nhà trường. Việc tổ chức hoạt động đào tạo đòi hỏi phải đảm bảo tính pháp lý nhưng cũng cần có sự linh động, nhạy bén, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế; chú trọng tổ chức đào tạo theo nhu cầu của xã hội và được cập nhật hàng năm. Khoa chú trọng đến việc quản lý kết quả học tập của người học và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học một cách chặt chẽ thông qua đề cương chi tiết đã quy định rõ ràng cho từng môn học cụ thể. Từ khóa 2018, Khoa thực hiện lấy ý kiến khảo sát của DN và các bên liên quan để điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội, SV ra trường có đáp ứng được với chuẩn đầu

ra. Khoa cũng luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo. Các đề tài nghiên cứu về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện.

+ Những điểm mạnh:

Trong kế hoạch đào tạo, Khoa đã chủ động phối hợp cùng DN trong công tác đào tạo, gắn với giải quyết việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, chương trình đào tạo gắn với thực tế, phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ và nhu cầu tuyển dụng của các DN trong nghề CNKT Điện, điện tử trong nước và quốc tế. Để nâng cao quá trình tổ chức đào tạo, khoa và Nhà trường đã ký kết với các DN nhằm để có kế hoạch và tổ chức đào tạo được thuận lợi thông qua các biên bản ghi nhớ với DN.

Công tác tuyển sinh được Nhà trường tổ chức thực hiện rất nghiêm túc, công bằng, khách quan và được truyền thông rộng rãi trong cả nước.

Chất lượng đào tạo được đánh giá tốt từ DN nên quá trình tuyển sinh rất thuận lợi theo từng năm.

Kế hoạch đào tạo được xây dựng khoa học, tiến độ thực hiện trong năm học, công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của giáo viên, học sinh trong quá trình đào tạo.

+ Những tồn tại: Không

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không

Tiêu chuẩn 2.1:

Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ các điều kiện tổ chức đào tạo như số giảng viên của từng nghề, nghề; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục GDNN cấp. Trường đã xây dựng, ban hành thông tin tuyển sinh cao đẳng, trung cấp trong đó xác định chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể đối với từng nghề, nghề, trình độ đào tạo. *(2.1.01 - Thông tin tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp năm các năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Công tác tuyển sinh của Trường được triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, cụ thể như sau:

Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức theo đúng quy định. *(2.1.02 - Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số: 209/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 06/12/2021).*

Thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc trực thuộc Hội đồng theo đúng quy định (2.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc trực thuộc Hội đồng các năm 2021, 2022, 2023, 2024). Tất cả thành viên Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc được tập huấn và quán triệt một cách kỹ càng về quy trình, công việc trước khi thực hiện công tác tuyển sinh. (2.1.04 - Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024; Biên bản họp hội đồng tuyển sinh 2022, 2023, 2024).

Thông tin tuyển sinh, kết quả tuyển sinh của Trường được công bố đầy đủ, công khai trên website <http://tuyensinh.tdc.edu.vn>, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh và phụ huynh dễ dàng theo dõi, tra cứu. Trong các năm qua, không có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về công tác tuyển sinh của Trường

Khoa đã đạt trên 80% chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch của cơ sở đào tạo (2.1.05 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 18/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 22/3/2019 đối với 39 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số:18A/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16/8/2019 đối với 5 nghề trình độ cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2019; 29/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020 đối với 38 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 26/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021).

Sau khi họp Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường có Ban hành Quyết định công nhận danh sách sinh viên trúng tuyển và nhập học (2.1.06 – Quyết định thành lập các lớp cố định trình độ cao đẳng, trung cấp khóa tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; Hồ sơ học sinh sinh viên).

Bảng thống kê số liệu tuyển sinh của nghề CNKT Điện, điện tử từ năm 2021-2024 đến năm 2023-2024

Stt	Năm học	Chỉ tiêu dự kiến	Số lượng tuyển sinh thực tế	Tỷ lệ đạt được %
01	2021-2022	200	119	59.5%
02	2022-2023	230	250	108.7%
03	2023-2024	230	251	109%

Trường luôn xác định đào tạo phải luôn gắn liền với nhu cầu xã hội. Để đáp ứng yêu cầu đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát nhu cầu của người học, và tư vấn cho người học chọn nghề đúng với sở thích và năng lực của họ. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh, triển khai công tác quảng bá, chiêu sinh cho mọi đối tượng có nhu cầu học nghề. Kết quả tuyển sinh hàng năm đạt 80% trở lên so với yêu cầu đề ra. Kết thúc đợt tuyển sinh Phòng ĐBCL-TTPC của trường tổng kết báo cáo, đánh giá kết quả tuyển sinh cho Sở LĐTB&XH, Bộ LĐTB&XH (2.1.07 - Báo cáo kết quả kiểm tra tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.2:**Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.****+ Mô tả, phân tích, nhận định:**

Năm 2018, Khoa triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cho nghề CNKT Điện, điện tử đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; thông tư 12/2017/BLĐTBXH về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Ban hành kèm theo là chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt khi tốt nghiệp bao gồm: kiến thức, kỹ năng và thái độ. *(2.2.01 - Số: 116/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2021 về việc quyết định ban hành chuẩn đầu ra áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; QĐ số 95/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 08/4/2022 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2022 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; QĐ số 126/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 20/5/2023 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2023 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; 2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).*

Hàng năm theo tiến độ chung của Nhà trường đã ban hành, khoa Điện – Điện tử xây dựng tiến độ đào tạo cho từng khóa học của mỗi nghề theo từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định *(2.2.03 - Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.2.04 – Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*. Do vậy, các hoạt động đào tạo tại Khoa luôn được thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành.

Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và đề cương chi tiết cho học phần mình đảm nhận cùng với kế hoạch chung của Nhà trường xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho học phần mình phụ trách. Kế hoạch này được Trưởng bộ môn kiểm duyệt ở đầu và cuối học kỳ để giám sát tiến độ thực hiện *(2.2.05 - Lịch giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.06 - Nhật ký giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.07: Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*.

Trường đã tổ chức thu thập ý kiến định kỳ hằng năm, thông qua họp giao ban, họp cơ quan từng tháng, học kỳ, hội nghị CBCC, thùng thư góp ý, thông qua phiếu khảo sát để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, người học về chất lượng của các phương thức đào tạo *(2.2.08 - Phiếu phản hồi người học, Quy trình triển khai và kiểm soát quá trình đào tạo QLĐT-QT26 ngày 01/7/2024)*.

Để theo dõi, giám sát kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Nhà trường ban hành qui định thanh tra, kiểm tra đào tạo. Phòng đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo hàng năm. Ngoài ra, còn có sự kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo của phòng TTPC-ĐBCL theo qui trình ISO 9001:2015 (**2.2.09** – Quy trình giám sát các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên – học sinh sinh viên, do phòng TTPC- ĐBCL biên soạn và Hiệu trưởng ký ban hành ngày 01/06/2023; **2.2.10**- Quy trình kiểm tra nội bộ các đơn vị, do phòng TTPC-ĐBCL biên soạn và Hiệu trưởng ký ban hành ngày 01/06/2023; **2.2.11**- Kế hoạch đánh giá nội bộ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; **1.2.07** - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng Thanh tra Pháp chế năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng TTPC-ĐBCL năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng TTPC- ĐBCL năm 2022-2023; **2.2.12** - Kết quả đánh giá của Intretek, Quyết định ban hành danh mục các biểu mẫu, hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng).

Khoa có kế hoạch đào tạo và đào tạo đúng quy định trong chương trình bao gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (**1.1.04**- Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký; **1.2.05** – Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022_Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử).

Ngoài ra, mỗi buổi lên lớp, giảng viên cần cập nhật tiến độ giảng dạy trực tiếp lên hệ thống quản lý học tập của Nhà trường để bộ môn/khoa, phòng đào tạo và sinh viên theo dõi việc thực hiện tiến độ của mỗi học phần (**2.2.13** - online.tdc.edu.vn).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.3:

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các môn học trong chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử được đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ. Các môn học được mở vào mỗi học kỳ theo tiến trình đào tạo và đồng thời mở bổ sung nếu có nhu cầu. Phương pháp đào tạo của khoa phù hợp với chương trình đào tạo có kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên

môn, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm của người học. **(2.2.03 - Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.2.04 – Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).**

Mỗi học kỳ, Khoa đều yêu cầu tất cả GV giảng dạy do khoa quản lý phải nộp lịch giảng dạy, giáo án giảng dạy của mỗi môn học. Trước khi học kỳ bắt đầu, giảng viên được phân giảng dạy sẽ xây dựng lịch giảng dạy cho từng môn học trong đó sẽ thể hiện nội dung, thời lượng giảng dạy cho từng bài học. Khoa phê duyệt lịch giảng dạy của tất cả các giảng viên và triển khai đào tạo, kiểm tra tiến độ thực hiện theo từng học kỳ **(2.2.05 - Lịch giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.07: Giáo án năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024).** Trong CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử được xây dựng có chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, gồm những kiến thức, kỹ năng, các thái độ nghề nghiệp mà sinh viên sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp **(2.2.01 - Số: 116/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2021 về việc quyết định ban hành chuẩn đầu ra áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; QĐ số 95/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 08/4/2022 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2022 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; QĐ số 126/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 20/5/2023 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2023 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; 2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).**

Trên cơ sở các ý kiến từ các DN sinh viên đang theo học, cựu sinh viên và từ yêu cầu thực tế của xã hội đối với nghề CNKT Điện, điện tử. Khoa đã tiến hành định kỳ rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Trong chương trình đào tạo có môn học thực tập DN, thực tập TN **(2.3.01 - Biên bản ký kết ghi nhớ với nhà trường và DN; 2.3.02- Kế hoạch thực tập DN; Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách người học thực tập tại DN - Kèm danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tại DN).** Trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ GV, các DN/đơn vị sử dụng lao động, sinh viên đang theo học, cựu sinh viên và từ yêu cầu thực tế của xã hội đối với nghề CNKT Điện, điện tử Khoa đã tiến hành định kỳ rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. **(2.3.03 - Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023).**

Tất cả các buổi lên lớp của giảng viên đều được ghi nhận các thông tin về ngày giảng dạy, nội dung giảng dạy, danh sách HSSV vắng... trong nhật ký giảng dạy của giảng viên. Nhật ký giảng dạy của giảng viên được khoa/bộ môn kiểm tra sau quá trình giảng dạy **(2.2.06 - Nhật ký giảng dạy năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023).**

Trong quá trình thực hiện đào tạo, hàng năm đều có sự kiểm tra, đánh giá hoạt động của đơn vị **(1.2.07 - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-**

2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023).

Mọi hoạt động của Khoa từ đăng ký học phần đến các hoạt động giảng dạy diễn ra trên lớp đều ứng dụng Công nghệ thông tin: Hệ thống online, hệ thống UIS, hệ thống phòng học tích hợp... Các phòng học tích hợp đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu phù hợp, hệ thống máy tính được cài đặt đầy đủ phần mềm cần thiết, hệ thống server phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau từ tổ chức giảng dạy đến nghiên cứu khoa học... giúp đội ngũ giảng viên dễ dàng hơn trong việc triển khai các hoạt động giảng dạy với sự trợ giúp của công nghệ thông tin

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên của khoa đều ứng dụng công nghệ thông tin vào các giờ giảng của mình thông qua việc biên soạn bài giảng điện tử, sử dụng các phần mềm mô phỏng, phần mềm ứng dụng. Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo. Giáo viên, người học có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về CTĐT, kết quả thi, kiểm tra, ... Ít nhất 50% mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng; hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc...; hoặc sử dụng phần mềm hỗ trợ làm đề thi/kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HSSV.

DANH MỤC CÁC PHẦN MỀM SỬ DỤNG TRONG GIẢNG DẠY

Stt	Tên học phần	Tên phần mềm
1	Vẽ điện, Đồ án môn học	AutoCAD
2	Điều khiển lập trình PLC	S7-200/S7-400 Festo Simatic step 7 LOGO! Soft
3	Trang bị điện, Khí cụ điện	CADe SIMU
4	CAD trong điện công nghiệp Đồ án môn học	Ecodial/ Power Word Visual GEM BENJI DIALUX
5	Vi điều khiển	Orcad/Proteus
6	Hệ thống M-E (chỉ có ngành Điện công nghiệp)	Revit MEP
8	Điều khiển lập trình PLC nâng cao Mạng truyền thông công nghiệp	TIA Portal

Stt	Tên học phần	Tên phần mềm
9	Kỹ thuật khí nén	Festo FluidSIM

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.4:

Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề, nghề đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nghề CNKT Điện, điện tử có 2 môn học về thực tập tại các DN: Thực tập DN và Thực tập tốt nghiệp. Trong đợt thực tập DN nhằm giúp sinh viên năm thứ hai làm quen với môi trường DN và thực tập tốt nghiệp cho sinh viên cuối khoá để các em có dịp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của bản thân trước khi ra trường (**2.4.01- Chương trình chi tiết môn học thực tập DN, thực tập tốt nghiệp khóa 2021, 2022, 2023; 2.3.02- Kế hoạch thực tập DN; Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách người học thực tập tại DN - Kèm danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tại DN**).

Ngoài ra, chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử gắn kết với DN với bốn nội dung: Định hướng nghề nghiệp – Tham quan DN – Thực tập DN – Thực tập tốt nghiệp.

Nhằm tiếp cận với thực tế sản xuất, nhà trường đã triển khai mô hình "Học kỳ DN" vào trong quá trình đào tạo. Với mô hình này sinh viên sẽ vừa được học các học phần lý thuyết tại trường sau đó được đưa đến DN ở năm thứ hai để tiếp cận với thực tế tại DN đồng thời các giảng viên cũng đến học tập và làm việc thực tế tại DN 20 ngày/ năm nhằm nâng cao kiến thức thực tế. Để thực hiện mô hình này, trong các năm qua nhà trường đã ký các biên bản thỏa thuận, các biên bản ghi nhớ với các công ty, đơn vị sử dụng lao động cũng như tìm kiếm mở rộng các DN mới để thực hiện công tác thực hành, thực tập cho học sinh sinh viên của trường (**2.4.02 - Các biên bản thỏa thuận giữa Nhà trường và các DN**). Những đợt thực tập này đều có kế hoạch từ trước và những DN sinh viên được gửi đến đều là đối tác lâu năm và ký kết thỏa thuận lâu dài với Nhà trường. Kết quả thực tập được giảng viên phản biện và DN đánh giá. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường thường tổ chức các đợt tham quan DN cho sinh viên, mời DN về nói chuyện... để các em trang bị thêm những hiểu biết cần thiết, vững tin hơn trong quá trình học tập và rèn luyện tại Nhà trường. (**2.4.03 – Biên bản họp về việc gặp gỡ Tân HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.4.04 - Thông báo tham quan tại DN**).

Sau mỗi đợt thực tập, sinh viên đều có nhận xét đánh giá từ DN trong suốt đợt thực tập, kế hoạch từng ngày làm việc, mức độ hoàn thành công việc. Ngoài ra, kết thúc đợt thực tập, sinh viên phải báo cáo kết quả thực tập của mình trước giảng viên hướng dẫn và của Khoa (**2.4.05** - Báo cáo thực tập DN, thực tập tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Ngoài ra, Khoa còn cử giảng viên tham gia học tập tại DN nhằm giúp giảng viên tiếp cận với công nghệ mới (**2.4.06** - Số:13/KH-CNTĐ-KĐT ngày 13/3/2020; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách giảng viên tham gia thực tập tại DN); Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2021-2022: Số:31/KH-CNTĐ-KĐT ngày 26/04/2021; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2021-2022 số 665A/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 26/12/2021; Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2022-2023: Số 134/KH-CNTĐ-KĐT ngày 10/12/2022; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2022-2023 số 933/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 15/12/2022; Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2023-2024 QĐ số:05/KH-CNTĐ-KĐT ngày 22/01/2024; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2023-2024 số 116-1/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 20/2/2024; Báo cáo thực tập của giảng viên có sự xác nhận của DN).

Trong quá trình đào tạo, khoa cũng đã xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát DN có người lao động và sinh viên tốt nghiệp nhằm cập nhật chương trình đào tạo, tăng cường mối liên hệ cũng như nhận được sự góp ý từ DN thông qua các kế hoạch tổ chức cho sinh viên tham gia thực tập (**2.4.07**-Biên bản họp với DN có tuyển dụng sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **2.4.08**- Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.5:

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ theo quy định, cụ thể:

Về quy định kiểm tra, thi kết thúc học phần: Các phương pháp đánh giá sinh viên trong khoa được thực hiện một cách đa dạng. Ngoài việc đánh giá tự luận và trắc nghiệm sẽ đánh giá thông qua hình thức thi, đánh giá theo đồ án học phần, bài tập nhóm. Ngoài ra, trong quá trình đào tạo Khoa có 2 học phần thực tập DN và thực tập tốt nghiệp có sự tham gia đánh giá của DN. Trọng số đánh giá cuối học phần luôn đảm bảo không ít hơn 50% điểm, các điểm thành phần khác do giảng viên chủ động quyết định và được quy định cụ thể trong tất cả đề cương chi tiết, công bố công khai cho tất cả sinh viên biết vào buổi đầu tiên

khi bắt đầu học phần (2.3.03 - Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023; 2.5.01 – Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần: 235/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/08/2024; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024, Lịch thi kết thúc học phần năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.02 - Bảng điểm quá trình các môn học_Mẫu 4).

Về xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên được thực hiện đúng quy chế: Nhà trường thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của Phòng Đào tạo và các khoa để xác định danh sách sinh viên được tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Sinh viên nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp tại Khoa. Khoa sẽ lập danh sách và gửi phòng đào tạo để Hội đồng xét và quyết định danh sách được Công nhận tốt nghiệp (2.5.03 – Quyết định ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ và cách ghi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp tại Trường cao đẳng Công nghệ Thủ Đức: Số 35/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 09/02/2018; Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp do phòng Quản lý đào tạo biên soạn và được Hiệu trưởng ký ban hành ngày 10/8/2016; 2.5.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018: Số 172/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 10/9/2018; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2019: Số:156/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/08/2019; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2020: Số 41/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 20/4/2020; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021: Số 139/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 14/06/2021; Số 222/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/12/2021; Quyết định số 149/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 09/6/2023 về công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2023; Hồ sơ xét tốt nghiệp của HSSV).

Nhà trường thực hiện việc cấp văn bằng theo đúng quy định, các thông tin về xét công nhận tốt nghiệp cho người học được công bố công khai trên website của Nhà trường. (2.5.05 - trang web tdc.edu.vn).

Mỗi sinh viên khi nhập học tại trường đều có hồ sơ người học đầy đủ, đúng theo quy định và lưu trữ tại phòng Quản lý đào tạo (2.5.06 – Hồ sơ HSSV đăng ký nhập học nghề CNKT Điện, điện tử; Số cấp phát văn bằng, chứng chỉ)

Phòng công tác học sinh sinh viên của trường với nhiệm vụ quản lý, tuyên truyền giáo dục, trợ giúp HSSV. Trường đã xây dựng Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV dựa theo Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành qui chế công tác HSSV trường Trung cấp, cao đẳng. Nội dung Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được quy định đầy đủ về tiêu chí, tiêu chuẩn và mức điểm chi tiết để đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên (2.5.07- Quy chế công tác học sinh, sinh viên: Chương IV, Đánh giá kết quả rèn luyện của Học sinh, sinh viên, Phụ lục 1: Bảng đánh giá kết quả rèn luyện kèm theo quyết định số 151/QĐ-CNTĐ-SV ngày 04/12/2017 do Hiệu trưởng ký; 2.5.08 - Thông báo đánh giá kết quả rèn

luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024; Quyết định công nhận kết quả rèn luyện HSSV NH 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024).

Học sinh, sinh viên được đánh giá kết quả rèn luyện, do Cố vấn học tập chủ trì vào cuối mỗi học kỳ. Việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác kết quả rèn luyện của từng học sinh sinh viên theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (2.5.09 - Biên bản sinh hoạt lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.10 – Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên do Phòng Công tác học sinh, sinh viên biên soạn và được hiệu trưởng ký ban hành ngày 05/6/2018; Bảng tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện việc kiểm tra Phòng QLĐT và có báo cáo kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm đầy đủ và đúng quy định. Trong báo cáo thể hiện đầy đủ nội dung các quy trình liên quan (1.2.07 - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; 2.5.11 – Biên bản kiểm tra phòng QLĐT năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.6:

Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Khoa đều xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định Nhà trường. Các GV phải đăng ký và tham gia dự giờ định kỳ mỗi học kỳ, kết thúc mỗi học kỳ HSSV được tham gia đánh giá GV trực tiếp giảng dạy bằng hình thức online và giấu tên (2.6.01 - Kế hoạch dự giờ năm học 2021-2022_Số 97/KH-CNTĐ-KĐT ngày 16/11/2021; Kế hoạch dự giờ năm học 2022-2023_Số 115/KH-CNTĐ-KĐT n/gày 24/10/2022; Kế hoạch dự giờ năm học 2023-2024_Số 87/KH-CNTĐ-KĐT ngày 17/10/2023; Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.6.02 - Biên bản dự giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Khoa phối hợp với phòng ĐBCL-TTPC, phòng Quản lý đào tạo và phòng CTCT-HSSV để theo dõi và quản lý quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên, HSSV. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện hàng ngày căn cứ vào giờ lên lớp của giảng viên và giờ học của HSSV, phòng ĐBCL-TTPC phân công nhân sự theo dõi, ghi nhận và tổng hợp việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nội quy HSSV và ghi nhận tình hình cơ sở vật chất

trong và ngoài phòng học; hàng tháng có tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học báo cáo Khoa và lãnh đạo nhà trường, giúp GV kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học. (2.6.03 - *Bảng tổng hợp về tình hình thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; 2.6.04 - *Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nội quy HSSV*).

Sau mỗi học kỳ, Phòng ĐBCL-TTPC thông báo lấy khảo sát, đánh giá của người học về công tác giảng dạy của Giảng viên thông qua hình thức online (2.6.05 - *Phiếu Phản hồi của GV về góp ý của Sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Khoa sẽ tiến hành họp và phản hồi về đánh giá của HSSV về giảng viên nhằm cải thiện các mặt chưa tốt cũng như phát huy các mặt tốt nhằm khuyến khích động viên giảng viên thực hiện tốt hơn trong giảng dạy cũng như đề cán bộ quản lý xem xét điều chỉnh phân công chuyên môn nếu chưa phù hợp hơn cho học kỳ tiếp theo. (2.6.05 - *Phiếu Phản hồi của GV về góp ý của Sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Nhà trường có định kỳ báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học giúp kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học, đồng thời đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học nhằm để khoa kịp thời điều chỉnh cho các học kỳ tiếp theo. (1.2.07 - *Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022*; *Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023*; *Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023*; 2.6.07 - *Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Khoa luôn sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp (2.6.08 - *Thông báo về việc nhắc nhở giảng viên thực hiện cấm thi, nhật ký giảng dạy đúng quy định năm 2021, 2022, 2023*; 2.6.09 – *Biên bản họp khoa báo cáo về việc thực hiện tình hình cấm thi, nhật ký giảng dạy đúng quy định năm 2021, 2022, 2023*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.7:

Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng quy chế tuyển sinh và quy chế đào tạo liên thông trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức theo đúng quy định (2.7.01- *Quyết định số 93A/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 30/09/2017 ban hành Quy chế tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức*; *Quyết định số 133-1/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/05/2022 ban hành Quy chế đào tạo liên thông trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức*).

Năm 2017 Trường tổ chức tuyển sinh cao đẳng liên thông 06 nghề gồm: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, CNKT ô tô, CNKT cơ khí, CNKT điện, điện tử. Khi kết thúc thời gian tuyển sinh Trường chỉ tuyển sinh được 02 nghề là Kế toán có 12 thí sinh trúng tuyển và nghề CNKT điện, điện tử có 14 thí sinh trúng tuyển.

Năm 2018 Trường tổ chức tuyển sinh cao đẳng liên thông 04 nghề gồm: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, CNKT điện, điện tử. Khi kết thúc thời gian tuyển sinh Trường chỉ tuyển sinh được 03 nghề là Kế toán có 16 thí sinh trúng tuyển, Quản trị kinh doanh có 13 thí sinh trúng tuyển và nghề CNKT điện, điện tử có 10 thí sinh trúng tuyển.

Trường có xây dựng Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông, thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông theo quy định. *(2.7.02 - Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2017, số 78/KH-CNTĐ-TDN ngày 19/10/2017; Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2018, số 46/KH-CNTĐ-TDN ngày 26/05/2018; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh).*

Việc tổ chức xét tuyển cao đẳng liên thông được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, không xảy ra bất cứ sai sót nào từ khâu tiếp nhận, xử lý dữ liệu đăng ký tuyển sinh, tổ chức xét tuyển, triệu tập thí sinh trúng tuyển đến trường nhập học. *(2.7.03-Quyết định số 109/QĐ- CNTĐ-TDN ngày 25/12/2017 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2017; Quyết định số 81C/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 03/12/2018 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2018; Quyết định số 268/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 29/12/2017 về việc thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2017; Quyết định số 262/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 28/12/2018 về việc thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2018).*

Trường đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng theo quy định. *(2.7.04-Quyết định ban hành Chương trình đào tạo liên thông cho khóa 2017, khóa 2018).*

Trường có tổ chức xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho sinh viên theo quy định. *(2.7.05 - Quyết định số 10B/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 08/02/2018 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2017; Quyết định số 27/QĐ-CNTĐ- TDN ngày 23/04/2019 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2018).*

Trường đã tổ chức đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng liên thông theo đúng quy định cho các nghề đã tuyển sinh. *(2.7.06-Quyết định số 277/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 28/12/2019 về việc công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng (liên thông từ trung cấp)).* Công tác tuyển sinh, đào tạo cao đẳng liên thông của Trường được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. *(2.7.07-*

Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo cao đẳng liên thông từ trung cấp số 208/BC-CNTĐ-ĐT ngày 14/12/2019).

Năm 2020 nhà trường đã thực hiện công tác về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học, vừa làm với trường Đại học GTVT Tp.HCM. Năm 2022 nhà trường cũng đã được trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM công nhận chất lượng chương trình đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên tham gia học nâng cao trình độ sau tốt nghiệp (**2.7.08** – Công văn số: 624/ĐHGTVT-ĐTTX ngày 24/6/2020 của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ số 623/ĐHGTVT-BBGN ngày 25/6/2020 của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học vừa làm; Số 2386/ĐHSPKT-ĐTKCQ ngày 23/12/2022; Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học đợt 1 năm 2023 ngày 10/8/2023 của trường Đại học Công nghiệp).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Trường Cao đẳng công nghệ Thủ Đức có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

Trường Cao Công nghệ Thủ Đức với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trẻ, năng động, đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trường luôn đảm bảo quyền lợi, có các chính sách chế độ đãi ngộ cho giảng viên theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường. Trường thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý để không ngừng nâng cao và tự nâng cao về trình độ và chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định .

Khoa Điện-Điện tử của trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH, 21/2020/TT-BLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH, 28/2022/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Giảng viên Khoa Điện - Điện tử luôn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy đúng đủ nội dung chương trình, tích cực tham gia các phong trào thi đua, hội thi, nghiên cứu khoa học,... do các cơ quan, đoàn thể, trường phát động.

Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên tâm huyết với nghề, nghề và nhiệt tình trong công việc. Điều này, giúp Khoa ngày càng lớn mạnh và phát triển hơn nữa, đặc biệt trong công tác đào tạo. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên luôn gương mẫu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Nhà trường giao.

+ **Những điểm mạnh:**

Nhà trường có đầy đủ các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện về tuyển dụng, bổ nhiệm và phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên, và giáo viên. Thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm minh bạch, công bằng và dân chủ.

Về chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, Nhà trường hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí, gửi cán bộ, giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở các Trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước.

Có đầy đủ giảng viên để thực hiện giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo. Đội ngũ giảng viên đảm bảo đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo quy định. Giảng viên luôn ý thức và tận tâm với nghề.

+ **Những tồn tại:** Còn một số giảng viên chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định mới nhất (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước đây không còn sử dụng).

+ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Giảng viên tham gia học tập bổ sung hoàn thành chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo lộ trình.

Tiêu chuẩn 3.1:

100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Nhà trường quản lý hồ sơ cá nhân theo từng đơn vị, lưu giữ tại phòng Tổ chức – Hành chính, bên cạnh đó có sử dụng các phần mềm điện tử để quản lý và thực hiện các công tác đánh giá thi đua, nâng lương, thâm niên nhà giáo và theo dõi trình độ của đội ngũ và các công tác khác.

Nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử đủ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định. Toàn bộ đội ngũ giảng viên đảm bảo đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo qui định, diện biên chế và thỉnh giảng. Nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử đủ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định. *(3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 -2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024).*

Hàng năm, Phòng ĐBCL-TTPC kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo về trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ sư phạm, trình độ kỹ năng nghề, trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ. Căn cứ trên kết quả kiểm tra từ biên bản năm 2020-2021 và phiếu tự kiểm tra chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo thì 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNKT Điện, điện tử đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Nhà giáo giảng dạy thực hành có đầy đủ chứng chỉ kỹ năng nghề *(3.1.02 - Biên bản thanh kiểm tra trình độ, nghiệp vụ, chuyên môn nhà giáo năm học 2020-2021; phiếu tự kiểm tra nghiệp vụ, chuyên môn nhà giáo năm 2021-2022, 2022-2023 kèm biên bản kiểm tra nội bộ năm học*

2021-2022, 2022-2023; **3.1.03- Hồ sơ nhà giáo**). Tuy nhiên theo thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH điều 6, tiêu chí 2 về trình độ nghiệp vụ sư phạm thì các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc 2 không còn hợp lệ đến thời điểm hiện tại. Hiện tại GV khoa đang tham gia các khóa học để bổ sung kịp thời.

+ Điểm tự đánh giá: **0 điểm**

Tiêu chuẩn 3.2:

Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Giảng viên giảng dạy nghề CNKT Điện, điện tử của Khoa Điện - Điện tử bao gồm các giảng viên cơ hữu chuyên ngành và các giảng viên dạy các môn chung (**3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 -2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Giảng viên cơ hữu của Trường thực hiện nhiệm vụ theo Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy trong trường, căn cứ trên Thông tư số 07/2017/TT- BLĐTBXH về quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (**3.2.01 - Quyết định số 626/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021 Quy định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022, Quyết định số 954/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022 Quy định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2022-2023; Quyết định số 1434/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/12/2023 Quy định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2023-2024**).

Công tác đánh giá nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ trong năm được thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn của Luật Công, Viên chức. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân mỗi giảng viên tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường xét duyệt, bình xét xếp loại thi đua (**3.2.02- Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Trường ban hành kèm theo QĐ số 769/QĐ-CNTĐ-NS ngày 19/12/2019; 3.2.03- Biên bản họp Khoa xét thi đua hàng tháng của Khoa Điện - Điện tử năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản họp xét và xếp loại thi đua quý của năm 2021, 2022, 2023; 3.2.04 - Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.2.05 – Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022_Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện – Điện tử**).

Giảng viên hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy được đánh giá bằng mức độ thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên theo Quy định về chế độ làm việc của giảng viên. Điều này được xác nhận thông qua việc giảng viên thực hiện đúng thời khóa biểu giảng dạy, đảm bảo tiến

độ, kế hoạch giảng dạy và tham gia nghiên cứu khoa học, thi giảng viên dạy giỏi, làm thiết bị dạy nghề cũng như việc tham gia rà soát, điều chỉnh chương trình dạy nghề.

100% giảng viên của nghề CNKT Điện, điện tử đều đạt từ mức hoàn thành trở lên các nhiệm vụ do Khoa và Trường giao. Trong 3 năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 kết quả phân loại thi đua của giảng viên nghề CNKT Điện, điện tử được thể hiện như sau:

Năm học 2021-2022: Nhà giáo dạy nghề CNKT Điện, điện tử đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Khoa Điện – Điện tử được bình xét là “Tập thể lao động xuất sắc” của trường (**3.2.05- Quyết định công nhận cá nhân đạt danh hiệu LĐTT năm học 2021-2022 số 302/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/6/2022; Quyết định công nhận tập thể lao động xuất sắc năm học 2021-2022 số 816/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 28/10/2022; Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 QĐ số 1970/QĐ-SGDDT ngày 03/8/2022).**

Năm học 2022-2023: Nhà giáo dạy nghề CNKT Điện, điện tử đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Theo kết quả bình xét của Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường thì nghề CNKT Điện, điện tử nhà giáo đều là “Lao động tiến tiến” của năm học (**3.2.06 – QĐ công nhận CSTĐ cấp cơ sở năm học 2022-2023 số 613/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 18/7/2023; Quyết định công nhận tập thể lao động xuất sắc năm học 2022-2023 số 615/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 18/7/2023).**

Năm học 2023-2024: Nhà giáo dạy nghề CNKT Điện, điện tử đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Theo kết quả bình xét của Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường thì nghề CNKT Điện, điện tử nhà giáo đều là “Lao động tiến tiến” của năm học (**3.2.07 - Quyết định công nhận kết quả, đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể thuộc trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức năm học 2023-2024 số 717/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 07/9/2024; QĐ công nhận CSTĐ cấp cơ sở năm học 2023-2024 số 706/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 04/9/2024; QĐ công nhận cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến năm học 2023-2024 QĐ số 705/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 04/9/2024).**

Nghề CNKT Điện, điện tử không có giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

Tiêu chuẩn 3.3:

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường ban hành Quy chế giờ dạy của giảng viên quy định nghĩa vụ giảng dạy và các nhiệm vụ khác của giảng viên (**3.2.01 - Quyết định số 626/QĐ-CNTĐ-NS ngày**

29/11/2021 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022, Quyết định số 954/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2022-2023; Quyết định số 1434/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/12/2023 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2023-2024; **1.1.04-** Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023).

Đầu năm học, Bộ môn/Khoa phân công GV giảng dạy theo từng môn học (**2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024**), có danh sách người học từng lớp; **3.3.01 - Quyết định thành lập lớp cho khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023; 3.3.02 – Danh sách HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phần**).

Tập thể giảng viên của khoa Điện – Điện tử luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường Cao Đẳng. Nhà giáo hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Khoa và Nhà trường phân công theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên. (**3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 -2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.3.03 – Bảng tổng hợp phụ trội năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; Bảng thanh toán tiền lương, tiền vượt giờ cho giảng viên; 3.3.04 – Phân công cố vấn học tập theo từng học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Khoa Điện – Điện tử có tổng cộng 25 giảng viên biên chế. Tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên của khoa khoảng 08-17 HSSV/ giảng viên, đảm bảo theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016.

Hàng tháng, khoa phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo lập bảng thống kê giờ dạy để tính số tiết thực dạy của giảng viên (**3.3.05 - Bảng tổng hợp giờ dạy giảng viên theo từng tháng năm 2021, 2022, 2023**).

Bảng tính số học sinh sinh viên quy đổi:

Trình độ đào tạo	Năm		
	2021 (Tính đến tháng 11/2022)	2022 (Tính đến tháng 6/2023)	2023 (Tính đến tháng 04/2024)
Cao đẳng	213	413	328
Số lượng GV	26	25	19
Tỷ lệ SV/GV	08	17	17

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.4:

Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Cùng với nhiệm vụ giảng dạy, Khoa Điện – Điện tử xem hoạt động NCKH cũng là nhiệm vụ quan trọng. Các hoạt động nghiên cứu đã góp phần thiết thực vào công tác đào tạo của Khoa.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội giảng cấp khoa, trường, giáo viên đã tham gia hội giảng. Thông qua hội giảng các giáo viên có điều kiện để trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy. Các giáo viên đạt giải cấp trường được cử đi tham gia hội giảng giáo viên dạy giỏi các cấp. Nhiều giáo viên của trường đạt giải trong các kỳ thi hội giảng cấp thành phố và toàn quốc. Từ năm 2019 đến nay khoa Điện – Điện tử có 03 giáo viên tham gia hội giảng thành phố và toàn quốc (**3.4.01** – *Kế hoạch tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố năm 2018: Số 104/KH-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2018; 3.4.02 - Kế hoạch tập huấn giảng viên tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố năm 2020_số 32/KH-CNTĐ-ĐT ngày 20/4/2020; Kế hoạch tập huấn nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp cấp trường năm 2023 số: 22/KH-CNTĐ-QLĐT ngày 08/02/2023; 3.4.03 - Giấy chứng nhận giáo viên dạy giỏi; thông báo số 95/TB-CNTĐ-QLĐT thông báo kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2023; Giấy khen GV đạt giải nhất hội giảng cấp trường năm 2023; Kế hoạch số 6716/KH-SLĐTBXH ngày 03/4/2024 Kế hoạch huấn luyện đội tuyển Thành phố và tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024).*

Ngoài ra, giáo viên của trường còn tích cực tham gia nghiên cứu, chế tạo các mô hình, thiết bị dạy nghề và được đánh giá cao qua các hội thi thiết bị dạy nghề tự làm các cấp (**3.4.04** –*Giấy chứng nhận đã tham gia hội thi thiết bị tự làm cấp Thành phố năm 2019_QĐ số: 25606/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/8/2019 ngày 08/8/2019; Giấy khen Đạt giải 3 tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2022_QĐ số: 22258/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/6/2022; Giấy khen Đạt giải khuyến khích tại Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VII, năm 2022 QĐ số 594/QĐ-TCGDNN ngày 14/10/2022).*

Hàng năm, Khoa đều có giảng viên tham gia NCKH và đạt trên 50% trên tổng số lượng giảng viên của khoa tham gia nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

Năm học 2020- 2021 có 20/20 nhà giáo tham gia NCKH với 16 đề tài nghiên cứu khoa học (chiếm tỷ lệ 100%). Năm học 2021-2022 có 20/20 nhà giáo tham gia NCKH với 17 đề tài nghiên cứu khoa học (chiếm tỷ lệ 100%). Năm học 2022-2023 có 18/20 nhà giáo tham gia NCKH với 20 đề tài nghiên cứu khoa học (chiếm tỷ lệ 90%). Năm 2023-2024 có 20/20 nhà giáo tham gia NCKH (chiếm tỷ lệ 100%). Các đề tài NCKH của giảng viên đa số

được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy cho HSSV (3.4.05 - Danh sách các đề tài NCKH của GV từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024; 3.4.06 – Quyết định thành lập hội đồng sơ tuyển đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản họp xét duyệt đề cương NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Kết quả sơ tuyển đề tài NCKH NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.4.07 - Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Kết quả nghiệm thu đề tài NCKH NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Như vậy, tỷ lệ NCKH của các nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử luôn chiếm tỷ lệ trên 50% theo quy định chung. Các đề tài NCKH của giảng viên đa số được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy cho HSSV. (3.4.08 - Biên bản họp áp dụng các đề tài nghiên cứu).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.5:

Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện và làm tốt công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên đảm bảo phù hợp với quy mô, xu thế phát triển và hội nhập.

Nhà trường luôn đặt việc nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn lên hàng đầu. Hàng năm, Nhà trường đều cho giảng viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định (3.5.01 - Kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn năm 2020, 2021; 3.5.02 - Kế hoạch bồi dưỡng GV năm học 2022 - 2023; 3.5.03 - Danh sách giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; 3.5.04 – Các kế hoạch và quyết định tập huấn sư phạm theo dự án IECD năm 2020, 2021, 2022; 3.5.05 – Kế hoạch tập huấn nhân rộng chương trình và phương pháp giảng dạy lớp đề án Đức – Nghề CNKT Điện, điện tử số: 55/KH-CNTĐ-KĐT ngày 24/8/2020 do Hiệu trưởng ký; 3.5.06 – Quyết định số 665/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 14/9/2022 về việc cử giảng viên tham gia khóa đào tạo kỹ thuật hỗ trợ DN; Quyết định số 119/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 24/02/2023 về việc cử GV tham dự Hội thảo “Đào tạo GV nguồn về các nguyên tắc thực hành tốt trong bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lạnh và điều hòa không khí; 3.5.07 – Kế hoạch số 89/KH-CNTĐ-QLĐT ngày 19/4/2024 về tổ chức tập huấn chuyên môn về tiêu chuẩn IEC và các thiết bị dùng cho hệ thống điện).

Giảng viên thực hiện báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng và nộp các văn bản, chứng chỉ sau khi hoàn thành các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm (3.5.08 - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên hàng năm).

Bảng số lượng nhà giáo tham gia chuyên đề bồi dưỡng

Năm học	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng
2019-2020	Hội nghị tập huấn và hướng dẫn triển khai tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế chuyển giao từ Đức tại 45 trường 02 GV	Hội nghị tập huấn cho các hội đồng thẩm định chương trình tiếng Anh chuyên ngành bậc 3 và bậc 4 01 GV	Tập huấn PLC do Viện hợp tác phát triển Châu Âu (IECD) tổ chức 05GV	Tham dự tập huấn tuần công tác chuyên gia với Viện hợp tác phát triển Châu Âu (IECD) - Đợt tháng 08/2020 06GV	Bồi dưỡng Nghiệp vụ Quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020 02GV
2020-2021	Tham gia tập huấn nhân rộng chương trình và phương pháp giảng dạy lớp để án Đức – Ngành CNKT Điện, điện tử 08GV	Tham dự bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ thuộc đối tượng 3, khóa 102 – Năm 2020 02GV	Tham dự họp Hội đồng thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật các nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố 01GV	Tham gia các lớp bồi dưỡng công nghệ mới cho nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng, Trung cấp - Chuyên đề 1: Mạng Truyền thông công nghiệp thuộc nghề Điện công 02GV	Tham dự tập huấn công tác chuyên gia với Viện hợp tác phát triển Châu Âu (IECD) – Đợt tháng 01/2021 10GV
2021-2022	Tham gia chuyên đề về "Đào tạo chất lượng cao trong thời đại 4.0" 2 GV	Tham gia khóa bồi dưỡng Cơ bản về Trí tuệ nhân tạo tại Thành phố	Tham gia báo cáo chuyên đề về Đào tạo chất lượng cao trong thời đại 4.0 năm học	Tập huấn sơ cấp cứu ban đầu do tổ chức IECD tập huấn 11GV	

Năm học	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng	Nội dung kèm theo số lượng
		Hồ Chí Minh 1GV	2021-2022 15 GV		
2022-2023	Tham gia Tập huấn sơ cấp cứu ban đầu dành cho giảng viên và sinh viên vào tháng 8/2022 11 GV	Tham gia khóa đào tạo “kỹ thuật hỗ trợ DN” vào tháng 9/2022 03 GV	Tham gia hội thảo đào tạo giảng viên nguồn về các nguyên tắc thực hành tốt trong bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lạnh và điều hòa không khí (tháng 2/2023) 01GV	Tham gia khóa học ngắn hạn tại Hàn Quốc (tháng 5/2023) 01GV	
2023-2024	Tập huấn chuyên môn về tiêu chuẩn IEC và các thiết bị dùng cho hệ thống điện do Siemen tổ chức 4/2024 09 GV	Tập huấn chuyên môn hệ thống điện do Siemen tổ chức 5/2024 25 GV	Tập huấn hướng dẫn kết nối PLC công nghiệp S7-1200 với nền tảng IoT E-Ra 7/2024 25GV	Tập huấn về nâng cao năng lực cho GV, NV của dự án “Kỹ năng thành công cho HSSV Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức” do SCI viện trợ 05 & 6/2024 07 GVNV	Tập huấn nhân rộng về nâng cao năng lực cho GV, NV của dự án “Kỹ năng thành công cho HSSV Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức” do SCI viện trợ 08/2024 27 GVNV

Giảng viên luôn có ý thức nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực tế cho sinh viên.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.6:

100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đảm bảo 100% nhà giáo cơ hữu được đi thực tập tại các DN theo đúng qui định của Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Khoa thực hiện kế hoạch cho giảng viên chuyên nghề tham gia thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động (**3.6.01**– Kế hoạch số 31/CNTĐ-KĐT ngày 26/4/2021 v/v tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2020-2021_kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị; **3.6.02** - Kế hoạch số 109/CNTĐ-KĐT ngày 24/12/2021 v/v tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2021-2022_kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị và Quyết định cử GV tham gia TTDN NH 2021-2022; **3.6.03** – Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập DN số 134/QĐ-CNTĐ-KĐT ngày 10/12/2022 _kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị và Quyết định cử GV tham gia TTDN NH 2022-2023 số 993/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 15/12/2022). Sau khi thực hiện công tác thực tập tại DN Khoa lập báo cáo kết quả giảng viên cho Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác DN dựa trên nhận xét, đánh giá của DN (**3.6.04** - Bảng báo cáo kết quả thực tập tại DN của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Nhà giáo hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Khoa và Nhà trường phân công theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên. (**3.1.01** - Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 -2024).

Thông qua các đợt thâm nhập thực tế, giảng viên có điều kiện tiếp cận công nghệ mới với hoạt động sản xuất tại DN, qua đó bổ sung thêm nhiều kinh nghiệm cho hoạt động giảng dạy tại Trường. Sau khi kết thúc đợt thực tập tại DN giảng viên hoàn thành báo cáo và tổ chức họp Khoa đánh giá công nhận (**3.6.05** – Báo cáo thực tập DN của GV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **3.6.06** – QĐ số:113/QĐ-CNTĐ-TĐT ngày 16/8/2023_Quyết định về việc ban hành Quy định Giảng viên đi thực tập tại các cơ quan, DN).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.7:

100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý của Khoa đều trưởng thành từ giảng viên trực tiếp giảng dạy, có nhiều thành tích trong giảng dạy, có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức. Các chức danh đang đảm nhiệm đều đạt chuẩn về trình độ, có năng lực trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc. Nhà trường quản lý đầy đủ hồ sơ cán bộ quản lý trong trường.

Cán bộ quản lý của Khoa đảm bảo 100% về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác, có nhiều thành tích trong giảng dạy, có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức. Các chức danh đang đảm nhiệm đều đạt chuẩn về trình độ, có năng lực trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc của Khoa và Nhà trường. Nhân viên đang đảm nhận công việc tại Khoa đều có trình độ chuyên môn Đại học, có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định (3.7.01 – Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa; 3.7.02 - Bảng phân công việc Khoa năm 2021, 2022, 2023; Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại của CBQL thuộc khoa).

Hằng năm, giảng viên thực hiện phiếu nhận xét đánh giá và phân loại viên chức của trường, Khoa tiến hành họp tổng kết công tác thi đua năm học. Phiếu phân loại nhà giáo và phiếu đánh giá viên chức của cá nhân được lưu giữ theo từng đơn vị tại phòng Tổ chức - Nhân sự (3.7.03 – Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.2.04 - Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Cụ thể: Cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử gồm: khoa Điện – Điện tử, khoa Khoa học cơ bản; các Phòng chức năng gồm: Tổ chức – Hành chính, Quản lý đào tạo, Kế hoạch – Tài chính, P.ĐBCL-TTPC, Công tác chính trị - HSSV, Phòng Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất.

Bảng thống kê CBQL và Nhân viên các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024:

Đơn vị	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024	
	CBQL	NV	CBQL	NV	CBQL	NV
K. Điện - Điện tử	3	2	3	2	3	2
K. Khoa học cơ bản	2	1	2	1	2	1
P. Tổ chức – Hành chính	2	4	2	4	3	37
P. Quản lý đào tạo	3	7	3	6	3	6
P. Kế hoạch – Tài	1	7	2	6	2	6

chính						
P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng	2	2	2	2	2	5
P. Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất.	1	9	1	7	2	8
P. Công tác chính trị, HSSV	2	9	1	8	1	8
Tổng số	16	41	16	36	18	73

Trong năm học 2021-2022:

**CBQL (16 người):*

- Về chính trị: 16/16 có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp, trung cấp và cao cấp.
- Trình độ chuyên môn: 16/16 có trình độ từ Đại học (03/16 người) đến Thạc sỹ (13/16 người).
- Về ngoại ngữ: 16/16 đạt chuẩn về ngoại ngữ theo quy định.
- Về Tin học 16/16 đạt chuẩn CNTT từ cơ bản đến nâng cao
- Phó Phòng Kế hoạch – Tài chính có chứng chỉ Kế toán trưởng.
- Trưởng phòng Quản lý đào tạo có bằng thạc sỹ chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác
- Trong số 16 CBQL có 3 CBQL của khoa Điện - Điện tử dạy chuyên môn nghề đã có KNN 3/5, 02 CBQL khoa cơ bản tham gia dạy môn chung không cần kỹ năng nghề. Cả 5 CBQL đều có chứng chỉ SP bậc 2 và SPDN. Các CBQL của những phòng còn lại không tham gia giảng dạy tại khoa Điện - Điện tử.

**Nhân viên (41 người) trong năm học: 2021-2022 có:*

- Trình độ chuyên môn: 40 người trình độ Đại học thuộc các đơn vị Khoa Điện – Điện tử, Khoa KHCB, P. Tổ chức – Hành chính, P. Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý đào tạo, P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng, P. Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất, P.CTHSSV, 01 người trình độ Cao đẳng thuộc các đơn vị P.CTHSSV; 01 người trình độ Trung cấp thuộc P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng.
- Về ngoại ngữ: 41 nhân viên đạt chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định từ bậc 1 đến trình độ Đại học.
- Về Tin học: 41 nhân viên có chứng chỉ đáp ứng chuẩn điều kiện công nghệ thông tin từ cơ bản đến nâng cao.

Trong năm học 2022-2023:

**CBQL (18 người):*

- Về chính trị: 18/18 có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp, trung cấp và cao cấp.

- Trình độ chuyên môn: 18/18 có trình độ từ Đại học (03/16 người) đến Thạc sỹ (13/16 người).
- Về ngoại ngữ: 18/18 đạt chuẩn về ngoại ngữ theo quy định.
- Về Tin học 18/18 đạt chuẩn CNTT từ cơ bản đến nâng cao.
- Phó Phòng Kế hoạch – Tài chính có chứng chỉ Kế toán trưởng.
- Trưởng phòng Quản lý đào tạo có bằng thạc sỹ chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác
- Trong số 18 CBQL có 2 CBQL của khoa Điện - Điện tử dạy chuyên môn nghề đã có KNN 3/5, 02 CBQL khoa cơ bản tham gia dạy môn chung không cần kỹ năng nghề. Cả 5 CBQL đều có chứng chỉ sư phạm bậc 2 sư phạm dạy nghề. Các CBQL của những phòng còn lại không tham gia giảng dạy tại khoa Điện - Điện tử.

Nhân viên (36 người) trong năm học: 2022-2023 có:

- Trình độ chuyên môn: 33 người trình độ Đại học thuộc các đơn vị Khoa Điện – Điện tử, Khoa KHCB, P. Tổ chức – Hành chính, P. Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý đào tạo, P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng, P. Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất, P.CTHSSV, 01 người trình độ Cao đẳng thuộc các đơn vị P.CTHSSV; 01 người trình độ Trung cấp thuộc P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng, 02 người trình độ sơ cấp thuộc các phòng: P. Kế hoạch – Tài chính, P.CTHSSV – phụ trách HSSV tại ký túc xá; bán hàng tại căn tin của Trường. Nhân viên phòng y tế có chứng chỉ Trung cấp y.
- Về ngoại ngữ: 36 nhân viên đạt chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định từ bậc 1 đến trình độ Đại học.
- Về Tin học: 36 nhân viên có chứng chỉ đáp ứng chuẩn điều kiện công nghệ thông tin từ cơ bản đến nâng cao.

Trong năm học 2023-2024:

**CBQL* (18 người):

- Về chính trị: 18/18 có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp, trung cấp và cao cấp.
- Trình độ chuyên môn: 18/18 có trình độ từ Đại học (03/16 người) đến Thạc sỹ (13/16 người).
- Về ngoại ngữ: 18/18 đạt chuẩn về ngoại ngữ theo quy định.
- Về Tin học 18/18 đạt chuẩn CNTT từ cơ bản đến nâng cao.
- Phó Phòng Kế hoạch – Tài chính có chứng chỉ Kế toán trưởng.
- Trưởng phòng Quản lý đào tạo có bằng tiến sĩ chuyên.
- Trong số 18 CBQL có 2 CBQL của khoa Điện - Điện tử dạy chuyên môn nghề đã có KNN 3/5, 02 CBQL khoa cơ bản tham gia dạy môn chung không cần kỹ năng nghề. Cả 5 CBQL

đều có chứng chỉ sư phạm bậc 2 sư phạm dạy nghề. Các CBQL của những phòng còn lại không tham gia giảng dạy tại khoa Điện - Điện tử.

**Nhân viên* (73 người) trong năm học: 2023-2024, trong đó 28 người của phòng Tổ chức hành chính liên quan đến công việc: Bảo vệ, tạp vụ, cây xanh, tài xế không tham gia vào công tác đánh giá nghề ĐCN.

- Trình độ chuyên môn: 45 người trình độ Đại học thuộc các đơn vị Khoa Điện – Điện tử, Khoa KHCB, P. Tổ chức – Hành chính, P. Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý đào tạo, P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng, P. Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất, P.CTHSSV, 01 người trình độ Cao đẳng thuộc các đơn vị P.CTHSSV; 01 người trình độ Trung cấp thuộc P. Thanh tra Pháp chế - Đảm bảo chất lượng.

- Về ngoại ngữ: 45 nhân viên đạt chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định từ bậc 1 đến trình độ Đại học.

- Về Tin học: 45 nhân viên có chứng chỉ đáp ứng chuẩn điều kiện công nghệ thông tin từ cơ bản đến nâng cao.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

Tiêu chuẩn 3.8:

Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường quy định rõ các tiêu chuẩn thi đua tháng, học kỳ và năm học. Căn cứ vào quy định trên, Khoa tổ chức họp và xét thi đua hàng tháng cho giảng viên, hàng học kỳ. Định kỳ hàng tháng trong các cuộc họp giao ban, cán bộ quản lý đại diện các đơn vị báo cáo hoạt động của đơn vị, đồng thời có đề xuất kiến nghị đối với Nhà trường và được BGH xem xét, có kết luận cụ thể.

Hàng năm, giảng viên thực hiện phiếu nhận xét đánh giá và phân loại viên chức, khoa tiến hành họp tổng kết công tác thi đua năm học. Phiếu phân loại nhà giáo và phiếu đánh giá viên chức của cá nhân được lưu giữ tại phòng Tổ chức - Nhân sự (*1.2.05 – Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử*).

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và kết quả hoạt động của các giảng viên được khoa đánh giá, Nhà trường, hội đồng thi đua Nhà trường tiến hành họp và tổ chức đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động.

Nhà trường quy định rõ các tiêu chuẩn thi đua tháng, học kỳ và năm học. Căn cứ vào quy định trên, Khoa tổ chức họp và xét thi đua hằng tháng cho giảng viên, hằng học kỳ, hằng năm. Cán bộ quản lý và nhân viên đảm bảo 100% về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác, 100% các đơn vị trong trường hoàn thành nhiệm vụ được giao (**3.2.04** - *Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **3.7.03** – *Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức được lưu trong hồ sơ viên chức ghi lại kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của viên chức; là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thăng hạng chức danh nghề nghiệp (**3.8.01**- *Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo*).

Kết quả phân loại CBCCVC hàng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa có tinh thần trách nhiệm trong công tác, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**3.7.01** – *Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa*; **3.7.02** - *Bảng phân công việc Khoa năm 2021, 2022, 2023*; *Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại của CBQL thuộc khoa*; **3.8.02** *Quyết định công nhận danh hiệu cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **3.8.03** *Quyết định công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **3.8.04** - *Quyết định số 360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/6/2024 Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với viên chức, người lao động tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Mục tiêu của quá trình đào tạo là cung cấp cho xã hội người lao động có kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu sản xuất. Trong đó, chương trình đào tạo là một trong những yếu tố nền tảng. Để chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thì nội dung chương trình đào tạo phải đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng được sự thay đổi của kỹ thuật và công nghệ.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng dựa trên: khung trình độ quốc gia Việt Nam; các thông tư hiện hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng nghề, nghề đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các quy định hiện hành về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Từ đó Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên nghề hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Căn cứ chương trình đào tạo, chương trình môn học đã ban hành Nhà trường tổ chức lựa chọn, biên soạn, thẩm định giáo trình đào tạo. Mỗi chương trình đào tạo trường đều ban hành danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy các môn học.

100% chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo của Trường đều được xây dựng/lựa chọn, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

+ Những điểm mạnh:

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các chuyên ngành, nghề mà trường đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng, cập nhật định kỳ có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động

Trường thực hiện xây dựng (biên soạn), lựa chọn, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo theo quy định.

Trường có đầy đủ các chương trình đào tạo và giáo trình giảng dạy đáp ứng được mục tiêu đào tạo của từng nghề.

Nhờ có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động nên Khoa dễ dàng xác định được mục tiêu đào tạo của chương trình.

Hưởng thụ một chương trình đào tạo có chất lượng đáp ứng được các yêu cầu nghề nghiệp, xác lập bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Các chương trình thường xuyên nhận phản hồi từ các đối tượng liên quan như DN, cựu sinh viên,... để luôn luôn cải thiện chất lượng của người học.

+ Những tồn tại: Không có.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không có

Tiêu chuẩn 4.1:

Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định và ban hành đúng quy định căn cứ theo: Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng BLĐTB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; các thông tư hiện hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng nghề, nghề đào tạo

do Bộ LĐTB&XH ban hành. (4.1.01 – Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023; 4.1.02 - Quyết định số 91/QĐ-CNTĐ-NS ngày 12/3/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 kèm danh sách thành viên hội đồng; Quyết định số 975-1/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 05/12/2022 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2023 kèm danh sách thành viên hội đồng; 4.1.03 - Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khoa tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khoa tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025); 4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023).

Mục tiêu của quá trình đào tạo là cung cấp cho xã hội người lao động có kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu sản xuất. Trong đó, chương trình đào tạo là một trong những yếu tố nền tảng. Để chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thì nội dung chương trình đào tạo phải đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động (2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).

Khoa cũng thực hiện các khảo sát lấy ý kiến của DN trong suốt quá trình đào tạo nhằm thu thập thêm các ý kiến đóng góp của người học sau khi tốt nghiệp cũng như của các DN đang sử dụng lao động.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.2:

Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Vai trò của đơn vị sử dụng lao động khá quan trọng trong quá trình triển khai hoạt động giảng dạy. Các đơn vị sử dụng lao động là nguồn thông tin phản hồi xác thực nhất về chất lượng của một chương trình đào tạo. Thu thập thông tin phản hồi của DN về sinh viên thực tập/tốt nghiệp là một kênh quan trọng trong việc đánh giá chất lượng sinh viên. Chính

vì vậy, khi xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, Khoa và Nhà trường luôn chủ trương có tham gia của đơn vị sử dụng lao động (ít nhất 2 đơn vị) (**4.1.01** - Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023; **4.1.02** - Quyết định số 91/QĐ-CNTĐ-NS ngày 12/3/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 kèm danh sách thành viên hội đồng; Quyết định số 975-1/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 05/12/2022 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2023 kèm danh sách thành viên hội đồng).

Từ năm 2018, chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử được xây dựng và điều chỉnh theo qui định của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội và của Nhà trường và nghiệm thu do hội đồng thẩm định chương trình – giáo trình gồm các chuyên gia và nhà DN đánh giá.

Cụ thể trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình có sự tham gia của các DN từ năm 2018, 2021 (**4.2.01** - Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khóa tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khóa tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025); **4.1.04** - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023).

Đơn vị triển khai chương trình đào tạo (Khoa/Bộ môn) đã có những cố gắng trong việc thực hiện các hoạt động giảng dạy tốt nhất nhằm giúp người học đạt được những yêu cầu cần thiết của nghề nghiệp. Chất lượng của người học là thước đo để đánh giá chất lượng của các hoạt động giảng dạy trong chương trình đào tạo (**2.2.02** - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.3:

Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo đều được xây dựng dựa trên sự đóng góp ý kiến của CBGV, GV trường bạn, DN, sinh viên và cựu sinh viên. Chương trình đào tạo rõ thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp được dựa trên căn cứ theo Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; các thông tư hiện hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng nghề, nghề đào tạo do Bộ LĐTB&XH ban hành. Chương trình thể hiện khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực trong mỗi khóa.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có nền tảng kiến thức để phát triển toàn diện về nhân cách và kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong các lĩnh vực: Lắp đặt, vận hành bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị CNKT Điện, điện tử; Thiết kế, thi công, vận hành, bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa dây công trình điện dân dụng và công nghiệp đáp ứng yêu cầu của DN trong và ngoài nước.

Có đủ các quyết định ban hành cho từng chương trình đào tạo theo từng khóa. Đầu mỗi khóa học Hiệu trưởng phê duyệt quyết định ban hành chương trình đào tạo của tất cả các nghề bậc Cao Đẳng và Trung cấp (**2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024**).

Sau khi chương trình đào tạo xây dựng và hiệu chỉnh hoàn thiện, Nhà trường tiếp tục thành lập hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo nhằm phục vụ cho quá trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử (**4.3.01- Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023; 4.3.02 - Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.4:

Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo đều có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Trong mô tả học phần, đề cương

chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Các chương trình đào tạo do Trường biên soạn đảm bảo tính linh hoạt và đa dạng.

Từ khóa tuyển sinh năm 2018, Nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng BLĐTB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; các thông tư hiện hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng nghề, nghề đào tạo do Bộ LĐTB&XH ban hành.

Trong mỗi chương trình đều có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Trong mỗi chương trình đào tạo của từng khóa đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian học, trình tự các học phần được phân bổ đồng đều hợp lý cho người học (*4.4.01 - Sơ đồ tiến trình đào tạo các học phần năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.03 - Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023*).

Thực hiện đúng quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng nghề, nghề đào tạo (*2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024*).

Chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý, mềm dẻo và linh động trong đào tạo, dễ dàng liên thông và luôn đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố. Do sự ràng buộc trước sau của các môn học thuộc các nhóm chuyên ngành khác nhau. Trong quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến trình đào tạo, khoa tổ chức hợp có cán bộ quản lý, giảng viên, cũng như DN nhằm xem xét sự phù hợp của chương trình đào tạo về phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môn học có đảm bảo thực hiện được mục tiêu đã đặt ra trong chương trình nghề Điện công nghiệp (*4.4.02- Biên bản góp ý sự phù hợp về phân bổ thời gian, trình tự đào tạo các môn học của chương trình nghề CNKT Điện, điện tử năm 2021, 2022, 2023; 1.1.04- Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.5:

Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa có đầy đủ đội ngũ giáo viên, giảng viên để triển khai chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử. Nhà trường đảm bảo việc cung cấp điện 24/24 giờ cho mọi hoạt động giảng dạy và học tập tại các xưởng thực hành với 2 trạm biến áp công suất 560KVA và 225 KVA. CTĐT thể hiện rõ các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, yêu cầu đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện đào tạo đảm bảo chất lượng.

Có đầy đủ các xưởng thực hành cho việc dạy và học các nghề: CNKT điện, điện tử; CNKT điện tử, truyền thông; CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; ĐCN & dân dụng (2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024; 2.1.05 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 18/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 22/3/2019 đối với 39 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số:18A/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16/8/2019 đối với 5 nghề trình độ cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2019; 29/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020 đối với 38 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 26/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021).

Trang thiết bị, vật tư tại các xưởng thực hành đầy đủ và hiện đại. Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia học tập, thực hành (4.5.01 - Bảng thống kê xưởng thực hành, phòng chuyên môn hoá của khoa; 4.5.02 – Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành CNKT Điện, điện tử; 4.5.03 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành; 4.5.04 – Sơ đồ bố trí trang thiết bị các xưởng thực hành).

Giảng viên cả biên chế đáp ứng đủ yêu cầu về chuyên môn để giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 -2024).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.6:

Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Mỗi chương trình đào tạo đều thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học qua việc kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra kết thúc môn đối với các học phần thực tập và thi cuối kỳ đối với các học phần lý thuyết, tích hợp. Mỗi chương trình đào tạo của từng học phần đều quy định về hình thức thi, trọng số điểm quá trình và điểm thi. (4.6.01 - Mẫu 4 Bảng điểm quá trình; 4.6.02 - Mẫu 1 Danh sách bảng điểm thi lần 1; 2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).

Mỗi học phần tích hợp cả kiến thức và kỹ năng giúp người học sau khi hoàn thành học phần có năng lực thực hiện thành thạo một công việc của một nghề. Người học sau khi học xong mỗi mô đun đều phải thi kết thúc mô đun và đạt yêu cầu. Do đó, việc không tổ chức thi tốt nghiệp cuối khóa vẫn đảm bảo để người học đạt được mục tiêu dạy nghề của chương trình đào tạo.

Hàng năm, khoa tổ chức họp có cán bộ quản lý, giảng viên nhằm xem xét sự phù hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các học phần, môn học của chương trình đào tạo (4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

Tiêu chuẩn 4.7:

Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình đào tạo, Khoa điều chỉnh chương trình nghề CNKT Điện, điện tử phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong DN nhằm đảm bảo việc đào tạo của Nhà trường sát với thực tế, nếu phát hiện có sự khác so với chương trình, Khoa lập tức tiến hành thống nhất với DN về sự điều chỉnh, bổ sung chương trình, ngay khi phát hiện có thay đổi của công nghệ trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến chương trình dạy nghề CNKT Điện, điện tử (4.1.01 - Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023; 4.1.03 - Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các

hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khoá tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khoá tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025).

Đạt theo Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 4 (Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định). Để đảm bảo việc cập nhật nội dung, chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá, bổ sung, điều chỉnh dựa trên đánh giá và góp ý từ các DN, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học.

Với những đánh giá của DN, Cựu SV để Khoa luôn hợp và triển khai đến các bên liên quan trước khi tiến hành cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo cũng như các biên bản họp từ các buổi họp bộ môn, nhóm giảng viên giảng dạy nhằm cung cấp các ý kiến góp ý để bổ sung cũng như cập nhật lại chương trình đào tạo (**4.1.04 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023**)

Có đầy đủ quyết định ban hành chương trình đào tạo cho từng khóa (**2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024**).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.8:

Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được cấu trúc hợp lý bao gồm các môn học chung, các môn học cơ sở chuyên ngành, và các kiến thức chuyên ngành. Nội dung chương trình môn học đều xây dựng theo hướng liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng và trình độ đại học.

Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, Tuy nhiên chưa thực hiện bằng văn bản thể hiện sự liên kết giữa các trường.

Các chương trình đào tạo của trường còn được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục đại học. Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng của trường được dự thi liên thông lên trình độ đại học ở các trường đại học khác có đào tạo cùng nghề như: Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật; Trường Đại học Công Nghệ Tp.HCM; Trường Đại học Công Nghiệp Tp.HCM, Trường Đại học Giao Thông Vận tải Tp.HCM. Năm 2020 nhà trường đã thực hiện công tác về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học, vừa làm với trường Đại học GTVT Tp.HCM. Năm 2022 nhà trường cũng đã được trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM công nhận chất lượng

chương trình đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên tham gia học nâng cao trình độ sau tốt nghiệp (2.7.08 – Công văn số: 624/ĐHGTVT-ĐTTX ngày 24/6/2020 của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ số 623/ĐHGTVT-BBGN ngày 25/6/2020 của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học vừa làm; Số 2386/ĐHSPKT-ĐTKCQ ngày 23/12/2022; Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học đợt 1 năm 2023 ngày 10/8/2023 của trường Đại học Công nghiệp; 4.8.01- QĐ về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của SV).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.9:

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 và năm 2022-2023 Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức đã đăng ký và được cấp GCN đào tạo cho nghề CNKT Điện, điện tử (4.9.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 29/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 16/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 28/4/2022).

Sau mỗi môn học của chương trình đào tạo đều có danh sách giáo trình tài liệu chính và tài liệu tham khảo (4.9.02 - Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023; 4.3.01- Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023; 2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).

Tất cả các giáo trình đào tạo do CBGV biên soạn đều có bản in và được lưu trữ tại Trung tâm Thư viện. Tất cả các môn học đều có đầy đủ các giáo trình, bài giảng để phục vụ trong quá trình đào tạo của nghề.

Phòng Khoa học công nghệ (nay gộp về P.QLĐT) tham mưu thành lập hội đồng thẩm định giáo trình cho phù hợp với từng nghề trong đó có nghề CNKT Điện, điện tử. Các chương trình chi tiết của nghề CNKT Điện, điện tử có cấu trúc rõ ràng, chỉ rõ nội dung để xác định rõ hệ thống giáo trình đào tạo sẽ được sử dụng trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo. Trung tâm Thư viện có đầy đủ các Bản in giáo trình sử dụng trong chương trình đào tạo của nghề CNKT Điện, điện tử (**4.9.03- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun - môn học của CTĐT ngành CNKT Điện, điện tử năm 2021, 2022, 2023**).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.10:

100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường tổ chức xây dựng, lựa chọn giáo trình đào tạo để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức các học phần của tất cả các nghề đào tạo.

Từ khóa tuyển sinh năm 2018, nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thì 100% giáo trình đào tạo được tổ chức biên soạn, thẩm định, duyệt và sử dụng (**4.9.02 - Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023**).

Sau mỗi mô-đun, môn học của chương trình đào tạo đều có danh sách giáo trình tài liệu chính và tài liệu tham khảo (**2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024**).

Khoa đều tổ chức biên soạn, thẩm định, đánh giá và cập nhật giáo trình theo quy định. Sau khi Nhà trường ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo. Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nhận xét, đánh giá, thẩm định giáo trình; chịu trách nhiệm về chất lượng giáo trình đào tạo sau khi đã thẩm định. Sau khi tổ chức biên soạn, thẩm định và thông qua báo cáo của phòng Khoa học Công nghệ (nay gộp về P.QLĐT) để

Hiệu trưởng nhà trường xem xét, làm căn cứ quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng trong quá trình đào tạo và kèm theo Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào tạo cùng với chương trình chi tiết lần đầu và Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào tạo cùng với chương trình chi tiết cập nhật để đối chiếu (**4.10.01** – *Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024*; **4.10.02** – *Quyết định số 39,40/QĐ-CNTĐ-CN ngày 29/3/2021 về việc thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2020-2021; QĐ số 151/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 24/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 142/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 07/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 395, 396, 397/QĐ-CNTĐ-QLĐT Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2023-2024*; **4.10.03** - *Quyết định số 79,80/QĐ-CNTĐ-CN về việc thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo cấp đợt 1 năm học 2020-2021 (cấp trường)*; **4.10.04** - *Biên bản họp hội đồng, thẩm định / nghiệm thu giáo trình đào tạo các năm học 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024*; **4.3.01**- *Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023*; **4.10.05** - *Quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2021 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-CN ngày 15/10/2022 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2022 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2023 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức*).

Đối với các giáo trình biên soạn mới và tổ chức lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo thực hiện đúng theo các bước trên quy trình biên soạn giáo trình đào tạo, quy trình lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo do Phòng Khoa học Công nghệ (nay gộp về P.QLĐT) chủ biên (**4.10.06** – *Quy trình lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo; Quy trình biên soạn giáo trình đào tạo*; **4.3.02** - *Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Bản in giáo trình sử dụng trong chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử được lưu trữ tại Trung tâm Thư viện
+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.11:

Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo của Khoa đều có quyết định ban hành, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các môn học/ học phần (2.2.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024*).

Từ khóa tuyển sinh năm 2018, Nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tất cả giáo trình được biên soạn được dựa trên các nội dung đã được quy định trong CTĐT từ nội dung, thời lượng và hình thức tổ chức cũng như kiểm tra – đánh giá.

Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo kết quả lấy ý kiến nhận xét đánh giá của giảng viên về chất lượng giáo trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo. Từ đó, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, làm căn cứ quyết định phê duyệt ban hành và sử dụng giáo trình đào tạo trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo. Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tra cứu tài liệu, Nhà trường còn có trang đọc sách trực tuyến với nhiều tài liệu liên quan đến các lĩnh vực đào tạo tại trường (4.10.01 – *Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024; 4.10.02 – Quyết định số 39,40/QĐ-CNTĐ-CN ngày 29/3/2021 về việc thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2020-2021; QĐ số 151/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 24/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 142/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 07/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 395, 396, 397/QĐ-CNTĐ-QLĐT Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2023-2024; 4.10.03 - Quyết định số 79,80/QĐ-CNTĐ-CN về việc thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo cấp đợt 1 năm học 2020-2021 (cấp trường); 4.3.01- Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày*

15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023; **4.3.02-** Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **4.10.05** - Quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2021 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-CN ngày 15/10/2022 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2022 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2023 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.12:

Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo của các khoa được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập thực hiện nhiệm vụ thẩm định giáo trình đào tạo cho từng nghề, nghề theo từng cấp trình độ đào tạo. Việc các giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực là một trong các tiêu chí chất lượng cần đạt, được các thành viên Hội đồng xem xét, đánh giá (**4.3.01-** Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023; **4.10.01** – Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024).

Vai trò của đơn vị sử dụng lao động khá quan trọng trong quá trình triển khai hoạt động giảng dạy. Các đơn vị sử dụng lao động là nguồn thông tin phản hồi xác thực nhất về chất lượng của một chương trình đào tạo. Thu thập thông tin phản hồi của DN về nội dung giáo trình nhằm đảm bảo phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. (**4.10.02** – Quyết định số 39,40/QĐ-CNTĐ-CN ngày 29/3/2021 về việc thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2020-2021; QĐ số 151/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 24/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 142/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 07/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 395, 396, 397/QĐ-

CNTĐ-QLĐT Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2023-2024; 4.12.01 – Hợp đồng về việc tham gia hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo)

Các giáo trình đã được phê duyệt và áp dụng, sau đó khoa lấy ý kiến một số giảng viên và cán bộ quản lý có tham gia giảng dạy phiếu lấy ý kiến nhận xét đánh giá về giáo trình đào tạo của từng chương trình đào tạo. Người nhận xét, đánh giá bằng cách xác định mức độ (tốt, khá, đạt yêu cầu, chưa đạt yêu cầu) về các nội dung liên quan đến giáo trình đào tạo và/hoặc cho ý kiến về các nội dung cần thay đổi, bổ sung để chất lượng giáo trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học/học phần trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. *(4.12.02- Kế hoạch số 222/KH-CNTĐ-TT ngày 27/12/2021 về thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá của CBQL, giảng viên về chất lượng giáo trình đào tạo năm 2021; 4.12.03- Báo cáo số 28/BC-CNTĐ-TTPC về kết quả lấy ý kiến nhận xét đánh giá của Cán bộ giảng viên về chất lượng giáo trình đào tạo năm 2021).*

Bên cạnh đó, thông qua hoạt động cập nhật, thẩm định chương trình đào tạo sau các khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến hội đồng thẩm định chương trình đào tạo bao (gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động) về nội dung, thời lượng, chuẩn đầu ra... của chương trình đào tạo và xem xét, góp ý về mức độ phù hợp của các giáo trình, tài liệu giảng dạy các môn học/học phần hiện đang sử dụng *(4.10.04 Biên bản họp hội đồng, thẩm định / nghiệm thu giáo trình đào tạo các năm học 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024).*

Bản in giáo trình sử dụng trong chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử được lưu trữ tại Trung tâm Thư viện.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức xem việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điều kiện làm việc cũng là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng trường thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu có chất lượng cao trong nghề giáo dục. Các điều kiện về cơ sở vật chất của Nhà trường đã góp phần thiết thực vào công tác đào tạo của trường và phát triển KT - XH của thành phố, góp phần đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước.

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập trên cơ sở trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức với điều kiện cơ sở vật chất tốt, khuôn viên Nhà trường với tổng diện tích 51.598m². Nhà trường luôn có kế hoạch duy tu sửa chữa, trang bị mới cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điều kiện làm việc phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo của trường.

+ **Những điểm mạnh:**

Xưởng thực hành và các phòng lý thuyết đáp ứng nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Loại hình tài liệu của Trung tâm TT-TV khá phong phú phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu của CBGVNV và HSSV Nhà trường.

Giảng viên được tập huấn bổ sung về quy trình 5S nhằm sắp xếp xưởng phù hợp với từng môn học. Giảng viên tham gia các dự án mang tầm quốc tế nhằm để cập nhật, trao đổi kinh nghiệm với các trường bạn

+ **Những tồn tại:** Không đủ mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học.

+ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Tăng cường công tác biên soạn giáo trình đào tạo, đặt mua giáo trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 5.1:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập theo quyết định số 6426/QĐ-BGD-ĐT ngày 24/09/2008 của Bộ Giáo dục – Đào tạo trên cơ sở trường Trung học kỹ thuật và nghiệp vụ Thủ Đức. Trường trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh, trường nằm ở vị trí trung tâm của Quận Thủ Đức, một quận cửa ngõ phía Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có cơ sở vật chất kỹ thuật phong phú hiện đại với diện tích khuôn viên 51.598 m², địa hình và vị trí địa lý rất thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo tại địa phương.

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. *(5.1.01- Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị; Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sàn sử dụng cho trường).*

Trường có phòng học lý thuyết khang trang được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng cho công tác giảng dạy, xưởng thực hành được đầu tư với trang thiết bị đáp ứng được thực tiễn *(5.1.02 – Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành ; 5.1.03 – Bảng thống kê số lượng học sinh, sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử; 5.1.04 – Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành; 5.1.05 – Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng thực hành theo CTĐT).*

Nhà trường đảm bảo việc cung cấp điện 24/24 giờ cho mọi hoạt động sinh hoạt, giảng dạy với 2 trạm biến áp công suất 560KVA và 225 KVA. Trường đã sớm xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho từng khu vực, từng nhà, từng xưởng trong toàn trường *(5.1.06 – Báo cáo kế hoạch bảo dưỡng năm 2021, 2022, 2023; 5.1.07 – Báo cáo thực trạng máy móc thiết bị).*

Khuôn viên trường có nhiều cây xanh to, tỏa bóng mát trên không gian rộng nên không khí trong lành, yên tĩnh. Trong những năm qua, Nhà trường luôn đảm bảo an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập. Hiện tại, Nhà trường có đủ các khối công trình (Khu

hành chính, khu học tập, xưởng thực hành, KTX, khu để xe, khu thể thao, văn hóa, văn nghệ), đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường.

Khoa có các xưởng thực hành đầy đủ, đa dạng phục vụ đào tạo tất cả các môn học trong chương trình đào tạo của nghề CNKT Điện, điện tử (5.1.08 – *Danh sách các phòng thực hành Khoa Điện – Điện tử; Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*). Với mỗi xưởng thực hành đều có danh mục thiết được quản lý rõ ràng (5.1.09 - *Sổ tài sản của từng xưởng thực hành*). Để sử dụng hiệu quả các phòng thực hành, khoa lên thời khóa biểu của các lớp học phần thể hiện rõ việc bố trí xưởng, phòng học theo đúng quy định. (5.1.10 - *Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ*)

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.2:

Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, bằng nguồn vốn ngân sách Nhà trường đã bổ sung nhiều trang thiết bị theo Hàng năm, bằng nguồn vốn ngân sách Nhà trường đã bổ sung nhiều trang thiết bị theo đề xuất của Khoa. Khoa có đầy đủ danh mục thiết bị xưởng thực hành đáp ứng cho chương trình đào tạo (5.2.01 – *Biên bản họp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Điện, điện tử; 5.2.02 – Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Điện, điện tử; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT*) Hàng năm Nhà trường thực hiện theo dõi tài sản cố định vào cuối mỗi năm (5.1.01- *Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị; Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sàn sử dụng cho trường*).

Để bổ sung trong quá trình cập nhật thiết bị, dụng cụ mới để đáp ứng với thị trường lao động, khoa cũng chủ động đề nghị các thiết bị được cập nhật bổ sung thông qua các kế hoạch mua sắm nhằm đáp ứng tốt việc thay đổi CTĐT theo nhu cầu của xã hội. (5.2.03 - *Kế hoạch mua sắm và sửa chữa hàng năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị xưởng thực hành_CSV-C-QT6 ban hành ngày 01/6/2023*).

Để phát triển các xưởng thực hành, khoa cũng lên kế hoạch đề nghị mua sắm, bổ sung các thiết bị thay thế cũng như mở rộng các xưởng thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nghề CNKT Điện, điện tử (5.2.04 - *Kế hoạch số: 55a/KH-CNTĐ-KĐT ngày 15/8/2018 v/v mở rộng xưởng thực hành Khoa Điện - Điện tử được Hiệu trưởng duyệt; Quy trình mua sắm vật tư học tập*).

Ngoài ra, khoa cũng kết nối với các tổ chức tài trợ nhằm bổ sung các thiết bị, dụng cụ (5.2.05 – *Kế hoạch số: 59/KH-CNTĐ-KĐT: Kế hoạch hoạt động dự án IECD giai đoạn 2020-2023 ngày 25/8/2020 do Hiệu Trưởng ký, Biên bản Thỏa thuận hợp tác giữa IECD và*

TDC ký ngày 30/3/2021; Kế hoạch số 57/KH-CNTĐ-KĐT ngày 10/7/2021 kế hoạch trang bị phòng thực hành B014 Khoa Điện – Điện tử do công ty Panasonic Life Solutions Việt Nam tài trợ thiết bị; Kế hoạch số 111/KH-CNTĐ-KĐT ngày 24/12/2021 thi công và lắp đặt thang máy 3 điểm dừng sử dụng thực hành tại Khoa Điện – Điện tử do công ty TNHH Kỹ thuật tự động và Thang máy Sơn Hà tài trợ; Kế hoạch số 67/KH-CNTĐ-KĐT ngày 08/7/2022 Tiếp nhận tài trợ thiết bị dạy học từ công ty TNHH Year 2000; Kế hoạch số 135/KH-CNTĐ-KĐT ngày 12/12/2022 lắp đặt thiết bị tài trợ cho các phòng thực hành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thuộc khoa Điện – Điện tử).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.3:

Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. Hàng năm, nhà trường có trang bị thêm nhiều thiết bị đào tạo mới để phục vụ cho quá trình đào tạo

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống phòng học, phòng lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hoá được thiết kế và xây dựng rộng rãi, thoáng mát đúng công năng.

Hệ thống phòng thực hành bao gồm các phòng: (P. Tự động điều khiển, P. Trang bị điện, P. Thực tập quần dây, P. Thí nghiệm điện, P. Thực tập điện cơ bản, P. Thực hành viễn thông CB-NC, P. Thực hành đo lường thiết bị đo, P. Thực hành kỹ thuật lập trình, P. Thực hành điện tử 1, P. Thực hành kỹ thuật số - xung, P. Thực hành điện tử 2, P. Thực hành điện tử công suất, P. Thực hành khí nén.... (5.1.02 – Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành).

Trang thiết bị Nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo, đáp ứng chủng loại theo danh mục tối thiểu của chương trình đào tạo yêu cầu (5.2.01 – Biên bản họp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Điện, điện tử; 5.2.02 – Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Điện, điện tử; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT; 5.1.01- Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị; Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sàn sử dụng cho trường).

Hàng năm, trường trang bị và bổ sung trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu người học tăng thêm cũng như tăng cường thiết bị hiện đại để người học nghề có thể tiếp cận với công nghệ thực tiễn bên ngoài DN sau khi ra trường. Các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy cho nghề CNKT Điện, điện tử đảm bảo đáp ứng tốt các môn học. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị, dụng cụ cho học sinh, sinh viên (5.1.09 - Sổ tài sản của từng xưởng thực hành; 3.3.02 – Danh sách HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phân; 5.1.10 - Thời khóa biểu các lớp học phân cho từng học kỳ).

Tất cả các phòng học, xưởng thực hành, thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa có hệ thống bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đáp ứng công tác đào tạo của Trường đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. (5.3.01 – *Bảng thống kê tuần suất sử dụng phòng học các xưởng thực hành năm 2022, 2023, 2024*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.4:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị được bố trí hợp lý thuận tiện cho việc dạy và học, các xưởng luôn được vệ sinh sạch sẽ, dụng cụ học tập, bàn ghế được bố trí gọn gàng ngăn nắp (5.4.01 – *Hình chụp hình xưởng thực hành nghề CNKT Điện, điện tử*)

Các trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, tổ chức, hướng dẫn thực hành. Việc bố trí trang thiết bị, dụng cụ thực hành được thực hiện theo đúng quy định về bố trí lắp đặt trang thiết bị phục vụ công tác dạy học, có sự trao đổi và thống nhất của các giáo viên giảng dạy trong cùng bộ môn (5.4.02 – *Biên bản họp khoa về Bố trí các xưởng thực hành*).

Tại mỗi xưởng thực hành của Trường, đều có nội quy xưởng thực hành dành cho HSSV, được bố trí trước mỗi xưởng giúp SV dễ dàng nhìn thấy và tuân thủ theo (5.4.03 – *Bảng nội quy thực hành tại các xưởng*; 5.4.04 – *Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành*; 5.4.05 – *Quy tắc an toàn điện*).

Các xưởng thực hành đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm, được bố trí hợp lý, thuận tiện cho giảng dạy và học tập. Có hệ thống chiếu sáng, đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm, vệ sinh công nghiệp (5.4.06 – *Văn bản của nhà trường về đánh giá sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ của khoa*; 5.4.07 – *Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị ở các xưởng thực hành năm 2022, 2023, 2024*; *Báo cáo kết quả thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị năm 2022, 2023, 2024*).

Các phòng thực hành được các khoa quản lý đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành, thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (5.4.08 – *Bảng phân công nhiệm vụ cho quản lý xưởng*; 5.4.09 – *Sổ nhật ký xưởng*; 5.4.10 – *Phiếu theo dõi sửa chữa, bảo trì các xưởng thực hành*).

Tại các xưởng thực hành, việc bố trí máy móc, thiết bị được Nhà trường lắp đặt theo đúng thiết kế kỹ thuật của xưởng thực hành đảm bảo vị trí trang thiết bị, dụng cụ hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, nhóm và từng cá nhân (5.4.11 – Hình chụp: tủ cứu thương tại các xưởng, hệ thống các nút dừng khẩn cấp đảm bảo an toàn, trang bị các khí cụ điện bảo vệ an toàn trong thực hành điện). Thiết bị đào tạo tại các xưởng của khoa có hồ sơ quản lý rõ ràng (5.1.08 – Danh sách các phòng thực hành Khoa Điện – Điện tử; Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.5:

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Vào đầu mỗi học kỳ, dựa vào phân công giảng dạy và thời khóa biểu và đề nghị cấp vật tư học tập của từng giảng viên mà nhân viên quản lý xưởng đề nghị vật tư học tập phục vụ công tác giảng dạy. Tại các xưởng thực hành đều bố trí các kho lưu trữ vật tư, linh kiện sử dụng cho việc dạy và học an toàn và hiệu quả. Khoa có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng trang thiết bị vật tư, linh kiện (5.5.01 – Biên bản bàn giao thành phẩm; 5.5.02 – Phiếu đề nghị tổng hợp; 5.5.03 - Phiếu đề nghị nhập kho, 5.5.04 - Phiếu đề nghị trả kho; 5.5.05 – Phiếu xuất kho; 5.5.06 – Quy trình quản lý vật tư học tập do khoa Điện – Điện tử biên soạn K.ĐT-QT2 ngày 01/6/2022; 5.5.07 – Quy trình đề nghị cấp phát vật tư học tập do khoa Điện – Điện tử biên soạn K.ĐT-QT1 ngày 01/6/2023).

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch tài chính từ các khoa chuyên môn, Nhà trường cân đối nguồn kinh phí và phê duyệt phần kinh phí phục vụ mua sắm vật tư cho công tác đào tạo trên cơ sở lập dự toán của các khoa chuyên môn đề xuất dựa theo tình hình thực tiễn của sinh viên thực tế. Từ đó các khoa chuyên môn có kế hoạch dự trù vật tư cho từng năm học (5.2.02 – Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Điện, điện tử; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT).

Quản lý xưởng cung cấp kịp thời vật tư thiết bị cho công tác giảng dạy, việc cấp phát vật tư kịp thời được thể hiện rất cụ thể qua hồ sơ xin lãnh vật tư phục vụ kế hoạch giảng dạy, đáp ứng theo tiến độ đào tạo được thể hiện qua ghi nội dung giảng dạy cụ thể trong sổ lên lớp cho từng nội dung bài học (5.5.08 – Phiếu đề nghị cấp vật tư học tập)

Tổ chức quản lý việc cấp phát, thu nhận vật tư hàng hoá nên vật tư, hàng hóa, vật liệu được cấp phát theo đúng quy trình mà Nhà trường đã quy định. Kết thúc mỗi học kỳ cán bộ cấp phát vật tư thực hành báo cáo tình trạng, mức độ đáp ứng vật tư thực hành (số lượng tồn

kho còn lại) trong học kỳ qua để từ đó triển khai và lập dự toán trình phê duyệt kinh phí và danh mục vật tư cho học kỳ tiếp theo (5.5.09- *Biên bản kiểm kê kho*; 5.5.10- *Quy trình mua sắm, sử dụng vật tư do phòng Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất biên soạn CSVC-QT8 ngày 01/6/2023*).

Kinh phí cấp phát vật tư cho 1 học sinh được thực hiện theo qui chế chi tiêu nội bộ sau khi rà soát, đối chiếu với bảng định mức tiêu hao vật tư (5.5.11 - *Bảng định mức tiêu hao vật tư*). Hiện nay, việc mua sắm vật tư phục vụ cho giảng dạy các môn thực hành theo bảng tổng hợp dự trù vật tư học tập Khoa căn cứ vào thông tư quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và thông tư quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (5.5.12 – *Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Bộ Lao động – thương binh và Xã hội quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.6:

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học nhà trường đều tổ chức hội đồng thẩm định, lựa chọn giáo trình đào tạo (4.3.02 - *Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Sau khi họp hội đồng nhà trường ra quyết định ban hành danh mục giáo trình đào tạo, tài liệu giảng dạy cho ngành CNKT Điện, điện tử (4.9.02 - *Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo hằng năm, Khoa Điện-Điện tử phối hợp cùng phòng Khoa học công nghệ (nay gộp về P.QLĐT) tổ chức biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định giáo trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học (5.6.01 – *Thông báo thực hiện tiến độ biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; 5.6.02 – *Thông báo xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; 5.6.03 – *Danh sách đăng ký biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-*

2023, 2023-2024; **5.6.04** – Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo; Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình đào tạo)

Dựa vào danh mục giáo trình đào tạo được phê duyệt, thư viện trang bị đầy đủ tối thiểu 05 bản in giáo trình, tạp chí, tài liệu tham khảo tại Trung tâm thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà giáo và người học. Số lượng tài liệu hiện có tại Trung tâm thư viện là 1.520 tên/ 3.755 (**5.6.05** - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT năm 2021, 2022, 2023, 2024; **5.6.06** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT). Đồng thời, Trung tâm thư viện đã số hóa 100% chương trình, giáo trình và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo (**5.6.07** - Danh mục giáo trình số hóa 2021, 2022, 2023, 2024; Hình ảnh giao diện thư viện trên máy tính thể hiện số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo; **5.6.08** - Danh mục tài liệu tham khảo số hóa 2021, 2022, 2023, 2024).

Ngành CNKT Điện, điện tử có 328 sinh viên (số liệu tính đến ngày 4/2024) thì cần tối thiểu $328 \times 5 = 1640$ đầu sách tham khảo. Theo thống kê của Trung tâm Thư viện, tài liệu của Khoa Điện – Điện tử hiện có 1.520 tên/ 3.755 bản không đủ so với yêu cầu và đáp ứng đủ số lượng cho sinh viên.

+ Điểm tự đánh giá: **0 điểm**

Tiêu chuẩn 5.7:

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trung tâm Thư viện mở cửa từ 7h30 – 16h30 từ thứ 2 đến sáng thứ 7. Kho sách của Thư viện được tổ chức theo dạng mở (kho tự chọn), được sắp xếp theo từng môn loại chuyên ngành và có chỉ dẫn để người đọc có thể tự tìm kiếm tài liệu. (**5.7.01**- Quy định về hoạt động của Thư viện trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số: 02/QĐ-CNTĐ-TTT ngày 20/4/2021; **5.7.02** - Sổ tay hướng dẫn sử dụng thư viện). Từ ngày 01/9/2021 đến 31/8/2024 Thư viện đã tổ chức phục vụ 50.599 lượt bạn đọc/6.235 lượt tài liệu được luân chuyển; trong đó số lượt truy cập của bạn đọc ngành CNKT Điện, điện tử sử dụng thư viện là 1.007 lượt (**5.7.03** - Thống kê lượt bạn đọc ngành sử dụng thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu học và tra cứu tài liệu, thư viện đã trang bị 61 máy tính được nối mạng Internet phục vụ miễn phí cho bạn đọc tra cứu và đọc tài liệu điện tử, 02 máy photo và in ấn phục vụ cho giảng viên. Các máy tính được quản lý chặt chẽ thông qua Sổ theo dõi TSCĐ, được kiểm kê và theo dõi hằng năm. (**5.7.4** – Sổ theo dõi tài sản cố định). Thư viện sử dụng hệ thống internet tốc độ cao nhằm cung cấp đường truyền ổn định đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của người học (**5.7.05** - Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet). Nhà trường xây dựng phần mềm quản lý tài liệu quét mã vạch nhằm quản lý

nhANH chóng và hiệu quả quá trình mượn trả sách của cán bộ, giảng viên nhân viên và sinh viên (5.7.06 – *Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng*; 5.7.07 – *Giao diện phần mềm quản lý lưu thông tin tài liệu*). Nhà trường cũng xây dựng hệ thống website tìm kiếm thông tin tài liệu để phục vụ cho việc tra cứu tài liệu của giảng viên và sinh viên một cách dễ dàng và nhanh chóng (5.7.08 – *Website tra cứu tài liệu: www.lib.tdc.edu.vn*).

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho người đọc, Thư viện có thực hiện điều tra, khảo nhu cầu bạn đọc và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc đồng thời thư viện cũng thực hiện về các hoạt động để đánh giá và rút kinh nghiệm nhằm phục vụ tốt hơn cho người đọc (5.7.09 - *Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV về hoạt động của Thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của CBGV về hoạt động của thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 Thư viện không thực hiện báo cáo khảo sát dành cho CBGV*).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.8:

Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập thực tiễn của HSSV, khoa Điện - Điện tử đặt mục tiêu cài đặt các phần mềm mô phỏng nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và học tập đảm bảo là phiên bản mới nhất và có đầy đủ thiết bị dạy học thực tế, cụ thể:

Khoa có phần mềm AutoCAD sử dụng vẽ các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ mạch điện tại các xưởng thực hành máy tính: B019 sử dụng dạy môn Vẽ điện. Phần mềm Orcad 9.2 sử dụng vẽ các mạch điện tử tại xưởng thực hành B020 sử dụng dạy môn Vi điều khiển, Phần mềm Ecodial dùng để thiết kế mạng trung áp tại xưởng B020 sử dụng dạy môn Thiết kế hệ thống điện phân phối. Phần mềm Tia Portal được cài tại xưởng B018 nhằm phục vụ giảng dạy học phần Mạng truyền thông công nghiệp. Phần mềm mô phỏng PLC S7 - 200, 300, 400 tại xưởng thực hành B003, B017 phục vụ giảng dạy PLC cơ bản và PLC nâng cao. Phần mềm Festo Fluidsim dạy điện khí nén tại phòng B017, B020, B015. Phần mềm Ecodial, Visual, Powerword, CAD-e... được sử dụng tùy thuộc vào mỗi môn học. Các phần mềm thiết kế, mô phỏng... giúp sinh viên kiểm tra chương trình hoạt động đúng yêu cầu hay không trước khi lắp ráp mạch (5.8.01 – *Chương trình chi tiết các học phần*; 5.8.02 – *Danh mục các phần mềm sử dụng trong CTĐT*; 5.8.03- *Ảnh chụp phần mềm*; 2.2.07: *Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*)

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Công tác phục vụ, chăm sóc và hỗ trợ người học luôn được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện để phát triển người học về đạo đức, tác phong, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. HSSV được đảm bảo đúng và đầy đủ mọi chế độ, chính sách theo quy định, được đảm bảo các nhu cầu thiết yếu về chăm sóc sức khỏe, an toàn, an ninh trong trường học. HSSV cũng được tham gia công tác hướng nghiệp, giao lưu DN tuyển dụng và được cung cấp thông tin tuyển dụng và giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp.

Trong những năm qua, để giảm áp lực về nhu cầu chỗ ở của HSSV, trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Quản lý Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM để giải quyết chỗ ở cho tất cả HSSV có nhu cầu, phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho HSSV lưu trú tại Ký túc xá trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức và Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM, đồng thời kiến nghị mở rộng, xây mới ký túc xá Nhà trường.

Khoa Điện – Điện tử luôn quan tâm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ học tập, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh để HSSV học tập và rèn luyện, đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, tích cực nhưng kỷ cương nề nếp.

Đầu mỗi năm học Khoa tổ chức gặp gỡ, đối thoại với HSSV.

Khoa triển khai cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho người học về mục tiêu, chương trình đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khóa học; người học được phổ biến đầy đủ về quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp và các nội quy, quy định của Nhà trường.

+ Những điểm mạnh:

Gắn kết chặt chẽ giữa Nhà trường với các cơ quan, DN, công ty, cơ sở sản xuất trong các hoạt động tìm hiểu nhu cầu lao động cũng như liên kết cho HSSV tham gia thực tập DN, thực tập tốt nghiệp tại các DN cũng là một lợi thế cho Khoa và Nhà trường trong việc đào tạo và bổ sung nhu cầu tìm việc làm sau tốt nghiệp.

Đảm bảo cho người học được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi, chế độ chính sách theo quy định; đảm bảo môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, an ninh.

Người học được tạo điều kiện tham gia hoạt động ngoại khóa; được tư vấn, hướng nghiệp, được giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp.

+ **Những tồn tại:** Không có

+ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Không có

Tiêu chuẩn 6.1:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học thông qua kênh thông tin của Nhà trường, tài khoản cá nhân, website khoa, sổ tay sinh viên...(2.5.01 - Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần: 235/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/08/2024; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024, Lịch thi kết thúc học phần năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Đầu mỗi năm học, Phòng Công tác Chính trị - HSSV xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV quy định rõ về những nội dung cần phải phổ biến đến HSSV. Ban giám hiệu Nhà trường phổ biến thông tin tổng quan về nguồn lực, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Phòng Công tác Chính trị - HSSV phổ biến qui chế công tác HSSV, các chế độ chính sách hiện hành đối với người học. Phòng Quản lý đào tạo phổ biến quy chế đào tạo bao gồm các nội dung về kiểm tra, thi, quy định chuẩn đầu ra và xét công nhận tốt nghiệp. Các khoa chuyên môn phổ biến mục tiêu, chương trình đào tạo nghề, phương pháp học tập, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. (6.1.01 - Kế hoạch tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân - HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Các biên bản gặp gỡ tân HSSV với lãnh đạo Khoa, DN và cựu HSSV 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.02 – Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Nhà trường cũng ban hành quy chế Cố vấn học tập, quy định rõ về nhiệm vụ của Cố vấn học tập trong công tác quản lý, tư vấn và hướng dẫn HSSV về quy chế, về chương trình và kế hoạch học tập, về phương pháp học tập (6.1.03 - Quyết định v/v ban hành Quy chế cố vấn học tập tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, số 152/QĐ-CNTĐ-SV, ngày 04/12/2018, do Hiệu trưởng ký ban hành; Quyết định v/v ban hành Quy chế CVHT của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, số 89/QĐ-CNTĐ-HSSV ngày 18/6/2024).

Sổ tay học vụ các khóa tuyển sinh được phát bản in cho HSSV năm nhất vào đầu năm học và được đăng tải trên website của Nhà trường. Sổ tay HSSV các học kỳ được đăng tải trên website của Nhà trường vào đầu mỗi học kỳ để người học có thể nắm được các thông tin như quy chế đào tạo, quy chế công tác HSSV, chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, lịch học tập, thời khóa biểu trong mỗi học kỳ, hướng dẫn xem thời khóa biểu và đăng ký môn học online... (6.1.04 - Sổ tay HSSV online: <http://online.tdc.edu.vn>; mục Sổ tay HSSV_Phần IV – Trích quy chế đào tạo trình độ TC, CD; thông báo ban hành sổ tay HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Sau mỗi đợt sinh hoạt công dân, Nhà trường đều có tổ chức làm bài thu hoạch đánh giá mức độ tiếp thu, nắm bắt thông tin của HSSV; có ghi nhận điểm bài làm của HSSV, lưu trữ trên phần mềm SAM để làm cơ sở đánh giá kết quả rèn luyện năm học (6.1.05 -

Các Thông báo làm bài kiểm tra sinh hoạt công dân năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Trong đề cương chi tiết từng học phần cũng thể hiện rõ trách nhiệm của giảng viên bộ môn phải phổ biến cụ thể về nội dung, phân bổ thời lượng, hình thức kiểm tra, đánh giá của học phần đến toàn thể HSSV tham gia lớp học phần **(2.2.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024).**

Cuối mỗi học kỳ, HSSV được tham gia nhận xét, đánh giá giảng viên bộ môn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy **(6.1.06 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).**

Website trường và Website các đơn vị có công bố về chương trình đào tạo, văn bản, quy định cần thiết cho HSSV tra cứu và cập nhật.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

Tiêu chuẩn 6.2:

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường cập nhật kịp thời các quy định hiện hành của Chính phủ để thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi của HSSV về chính sách xã hội như: miễn, giảm học phí; cấp giấy xác nhận cho HSSV vay vốn sinh viên; cấp giấy xác nhận cho HSSV hoãn nghĩa vụ quân sự... Căn cứ theo các văn bản: miễn giảm học phí mới nhất năm 2021 (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo); vay vốn sinh viên (Văn bản hợp nhất – Bộ Tài Chính: quyết định số 05/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/3/2022 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên); Luật nghĩa vụ quân sự (Luật số: 78/2015/QH13 ngày 19/06/2015 của Quốc Hội). **(6.2.01 - Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên trường CDCNTĐ đang áp dụng).**

Mỗi học kỳ của năm học, nhà trường đều thực hiện thông báo hướng dẫn và lập danh sách người học thuộc đối tượng được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định gồm thông tin đối tượng và nội dung được hỗ trợ.

Sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử trình độ Cao đẳng đang theo học tại trường được hưởng các chính sách sau:

* Về học phí: Mức thu học phí nghề CNKT Điện, điện tử trình độ Cao đẳng của trường quy định như sau:

Năm học 2020-2021: Mức thu học phí tín chỉ lý thuyết: 220.000đ/Tín chỉ, Tín chỉ thực hành 240.000 đ/Tín chỉ;

Năm học 2021-2022: Mức thu học phí tín chỉ lý thuyết: 240.000đ/Tín chỉ, Tín chỉ thực hành 265.000 đ/Tín chỉ;

Năm học 2022-2023: Mức thu học phí tín chỉ lý thuyết: 340.000đ/Tín chỉ, Tín chỉ thực hành 370.000 đ/Tín chỉ;

(1.3.08 - Thông báo thu học phí, lệ phí năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024)

Mức thu trên phù hợp của nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ

* Về chính sách miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách và người có công là sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử trình độ Cao đẳng của trường theo quy định tại nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Trong các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 nhà trường đã xét miễn giảm học phí cho HSSV (**6.2.02 - Các thông báo của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc nộp hồ sơ miễn, giảm học phí HK1 và HK2 các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.2.03 - Các quyết định của Hiệu trưởng trường CĐCN Thủ Đức về việc miễn, giảm học phí HK1, HK2 các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; đính kèm danh sách HSSV được miễn, giảm học phí**).

* Về thực hiện chính sách học bổng. Nhà trường ban hành quy chế cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh sinh viên. Quyết định số 132/QĐ – CNTD – SV quy chế xét cấp học bổng. Hàng năm Nhà trường dành từ 8% trong tổng số nguồn thu học phí làm quỹ học bổng cho HSSV với mức học bổng xác định theo quy chế chi tiêu nội bộ. Cuối mỗi học kỳ, phòng Kế hoạch – Tài chính xác định tổng số kinh phí dành cấp học bổng, Phòng Công tác Chính trị - HSSV đề xuất số học bổng theo lớp, nghề. Các lớp tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện, kết hợp với kết quả học tập xếp theo thứ tự và học bổng sẽ cấp từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

* Về chăm sóc y tế cho sinh viên: Phòng y tế của nhà trường có diện tích 10m x 3,8m đặt tại tầng trệt khu B, với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV; Phòng Hành chính – Tổng hợp được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động phòng y tế và tham mưu cho nhà trường về công tác chăm sóc sức khỏe cho HSSV. Trường có quyết định thành lập bộ phận y tế để cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học, nhân sự chuyên trách công tác y tế đã qua đào tạo y sỹ đa khoa.

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường xét cấp “Học bổng vượt khó”, học bổng khuyến khích học tập cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên từ nguồn quỹ huy động được của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (**6.2.04-Quyết định về ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy tại**

trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 132/QĐ-CNTĐ-SV ngày 16/12/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; **6.2.05** – Các thông báo kết quả cấp học bổng vượt khó học tập năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **6.2.06** - Danh sách học sinh nhận học bổng vượt khó học tập năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Trong những năm qua, để giảm áp lực về nhu cầu chỗ ở của HSSV, trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Quản lý Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM để giải quyết chỗ ở cho tất cả HSSV có nhu cầu, phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho HSSV lưu trú tại Ký túc xá trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức và Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM. Nhà trường có ký túc xá sắp xếp chỗ ở phù hợp, đảm bảo an toàn, an ninh, điều kiện sinh hoạt theo quy định; sinh viên còn được hưởng một số các ưu đãi như hỗ trợ tiền điện, nước (**6.2.07** – *Nội qui ký túc xá; Thỏa thuận ký kết hợp tác chỗ ở với KTX Đại học quốc gia Tp.HCM*).

Ngoài ra, để hỗ trợ cho HSSV có điều kiện tham gia học tập, nhà trường có cấp giấy xác nhận cho HSSV làm thủ tục vay vốn tín dụng và hoãn nghĩa vụ quân sự (**6.2.08**- *Giấy xác nhận cho HSSV*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức xét chọn danh hiệu cho HSSV có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc đứng đầu ngành để tuyên dương, khen thưởng HSSV theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức (**1.3.07** - *Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, số 627/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021; Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, số 955/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022, Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, số 1360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023; 6.2.09 - *Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc công nhận và khen thưởng HSSV đạt danh hiệu Thủ khoa tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; đính kèm danh sách HSSV đạt danh hiệu Thủ khoa*).*

Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên Nhà trường hàng năm đều tổ chức xét chọn, tuyên dương và khen thưởng học sinh bậc trung cấp đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” và sinh viên bậc Cao đẳng đạt danh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” cấp trường (**6.2.10** - *Quy chế xét tặng danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 12/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/4/2015 của Đoàn trường; Quy chế sửa đổi, bổ sung xét tặng danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” quyết định số 05/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/3/2020 của Đoàn trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tặng giấy khen các cá nhân điển hình đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quyết định khen thưởng các cá nhân đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Cổ vấn học tập các lớp thực hiện sinh hoạt lớp định kỳ theo lịch quy định, trong đó ngoài các nội dung như phổ biến, giải thích về thực hiện các Quy chế trong học tập và sinh hoạt còn thực hiện việc tư vấn giúp đỡ SV về mọi vấn đề liên quan tới việc học tập, sinh hoạt của sinh viên trong trường như đăng ký để nhận chế độ chính sách đối với người học;

đăng ký thực hiện chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi; tư vấn các nội dung liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, xét điểm học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên (6.2.11 - Các biên bản sinh hoạt lớp; Quyết định công nhận kết quả đánh giá CVHT năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm nhà trường có sự khảo sát HSSV về các hoạt động trong nhà trường đối với HSSV, các chế độ chính sách khen thưởng khuyến khích học tập dành cho người học cũng là nội dung nhà trường cần tiếp thu ý kiến của HSSV (6.2.12 - Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023). Trong những năm qua, nhà trường chưa nhận được khiếu nại về giải quyết chưa thỏa đáng chế độ chính sách của HSSV.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 6.3:

Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện triển khai nhiều hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp nhằm hỗ trợ HSSV tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành đã học, các hoạt động giới thiệu việc làm nhà trường đã triển khai như sau:

Tiếp nhận và đăng thông tin tuyển dụng của DN đăng lên website giới thiệu việc làm của nhà trường (vieclam.tdc.edu.vn), website là nơi nhà trường hỗ trợ các DN đăng thông tin tuyển dụng và HSSV trường truy cập, tìm kiếm các thông tin tuyển dụng phù hợp với ngành học (6.3.01 - File ảnh chụp giao diện website).

Bên cạnh đó, nhà trường còn tạo trang Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức – TDC trên mạng xã hội facebook (<https://www.facebook.com/vieclamTDC/>) để đăng tin tuyển dụng và tạo thuận lợi cho HSSV truy cập, tìm kiếm việc làm (6.3.02 - File ảnh chụp trang Facebook Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Danh sách DN đăng tin tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng tại Web: vieclam.tdc.edu.vn).

Ngoài ra, Trường tổ chức các chương trình tư vấn việc làm, tập huấn kỹ năng cho người học sau khi tốt nghiệp (6.3.03 - Kế hoạch Tổ chức Ngày hội việc làm năm 2022 "TDC Career day 2022" số 23/KH-CNTĐ-ĐTN-THT ngày 22/6/2022, Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024). Qua đó, HSSV được tư vấn, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia: Về cách trình bày Hồ sơ ứng tuyển (CV); Các bước chuẩn bị cho phỏng vấn xin việc làm; Định hướng mục đích bản thân, chủ động trong mọi tình huống khi phỏng vấn của DN.

Theo thống kê của Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực & Hợp tác DN, năm học 2021 – 2022 nhà trường đã thực hiện đăng 479 thông báo tuyển dụng của DN lên website và giới thiệu 1446 lượt hồ sơ xin việc của HSSV đến với DN. Năm học 2022-2023, trung tâm đã tiếp nhận và đăng tải 471 thông báo tuyển dụng với hơn 813 vị trí công việc làm của DN lên website vieclam.tdc.edu.vn. Giới thiệu 846 lượt hồ sơ xin việc của HSSV gửi đến DN *(6.3.04 - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác DN)*

Trước mỗi đợt đưa HSSV tham gia thực tập tại DN, Khoa đều tổ chức tư vấn, giới thiệu cho HSSV nhằm mục đích nắm rõ các nội dung *(6.3.05 – Biên bản họp phổ biến các nội dung, tư vấn cho HSSV trước khi tham gia thực tập tại DN)*.

Nhà trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp và đều thực hiện báo cáo *(6.3.06 - Báo cáo kết quả cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp – đợt 1, đợt 2 năm 2020, đợt 1, đợt 2 năm 2021 và đợt 1, đợt 2 năm 2022; đợt 1 năm 2023_Phần I mục 3.2)*.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 6.4:

Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội.

Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, người học luôn được tạo điều kiện về thời gian, sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, được tham gia các cuộc thi, hội thi về văn nghệ, thể dục thể thao, được tham gia các hoạt động tình nguyện thường xuyên và các chiến dịch tình nguyện.

Nhà trường hiện có 06 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền, 02 sân tennis, 02 sân bóng rổ, 03 sân cầu lông, 03 hội trường và 03 phòng họp với hệ thống âm thanh đầy đủ, 01 khu vực ngoài trời có trang bị các máy tập thể dục, 01 Nhà thi đấu sảnh HTH, 03 khu Thư viện và 01 Khu ký túc xá. Người học, được tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất để tham gia và tổ chức các hoạt động. Nhà trường luôn luôn tạo điều kiện hỗ trợ các Câu lạc bộ - Đội - Nhóm về văn nghệ, thể dục thể thao *(6.4.01 - Bảng thống kê phòng thực hành máy tính; Bảng thống kê phòng/Xưởng thực tập, thực hành; Bảng thống kê phòng học lý thuyết; 6.4.02 - Bảng thống kê khu thư viện, phòng họp, hội trường, khu ký túc xá, khu giáo dục thể chất, nhà thi đấu; 6.4.03 - Bảng thống kê khu thư viện, phòng họp, hội trường, phòng máy tính, xưởng thực hành, khu ký túc xá, khu giáo dục thể chất, nhà thi đấu, nhà làm việc ngày)*.

Nhà trường tổ chức đa dạng, phong phú các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao tại nhà trường các dịp lễ 20/11, 26/3,...trong từng năm học. Ngoài ra, người học còn được tham gia các cuộc thi văn nghệ, hội thao do cấp Quận, cấp Thành phố tổ chức. Các Câu lạc bộ - Đội - Nhóm văn nghệ, thể dục thể thao, sở thích được thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên để Người học tham gia hoạt động, rèn luyện: Văn nghệ xung kích, Truyền thông CMC (từ năm 2017 đến nay), Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam, Takewondo, Võ Cờ truyền (từ năm 2018 đến nay), Karatedo TDC (từ năm 2020 đến nay) **6.4.04** - Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022; **6.4.05** - Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2022-2023, 2023-2024 ; **6.4.06** - Văn kiện và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức khóa VIII, nhiệm kỳ 2019 - 2022, ngày 10/06/2022; Văn kiện Đại hội Đoàn khóa IX nhiệm kỳ 2022-2024).

Hoạt động xã hội là môi trường giúp cho Người học rèn luyện bản lĩnh, tác phong, thái độ, có ý thức vì cộng đồng. Hàng năm Nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động tình nguyện thường xuyên, hoạt động tình nguyện tại chỗ; Chú trọng các hoạt động chăm lo đời sống cho học sinh, sinh viên. Quan tâm đầu tư đến các hoạt động tình nguyện gắn liền với chuyên môn các khoa. Triển khai thực hiện các công trình thanh niên, phần việc làm theo lời Bác tại các Chi đoàn, Chi hội, Đoàn khoa và Liên Chi hội khoa (**6.4.07** - Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2021-2022; **6.4.08** - Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2022-2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng luôn được lãnh đạo Nhà trường quan tâm, chỉ đạo sát sao, với quyết tâm cải tiến liên tục trong mọi hoạt động nhằm nâng cao chất lượng Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động thông qua các kênh email, đường bưu điện, cựu HSSV trường đang làm việc tại DN; tổ chức chương trình ký kết thỏa thuận hợp tác trong công tác đào tạo giữa Nhà trường và DN.

Từ năm 2018, vào tháng 8 hàng năm Nhà trường triển khai thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện thông qua mạng internet. Sau khi người học thực hiện khảo sát, Phòng TTPC - ĐBCL chế tiến hành xử lý thống kê kết quả khảo sát, báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Nhà trường đã xây Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đến tháng 8/2017 Nhà trường đã chuyển đổi HTQLCL tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức đánh giá nội bộ, phối hợp với các chuyên gia của công ty Intertek đánh giá giám sát HTQLCL, qua đó Nhà trường thực hiện các cải tiến và duy trì đến nay. Từ năm 2018, trên cơ sở HTQLCL ISO 9001:2015, Nhà trường tiến hành xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-CNTĐ-CL ngày 30/12/2017 về qui định Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức..

Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện công tác tự đánh giá và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm từ năm 2018 đến nay.

+ Những điểm mạnh:

Lãnh đạo Nhà trường quan tâm đến công tác giám sát, đánh giá chất lượng.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống được đánh giá và cải tiến hàng năm.

Nhờ sự hỗ trợ và hợp tác với các DN nên sau khi kết thúc thực tập đa phần các SV đủ các điều kiện do DN đề ra đều được DN tuyển dụng chính thức vào làm việc.

+ Những tồn tại: Không có

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không có

Tiêu chuẩn 7.1:

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác trong công tác đào tạo giữa Nhà trường và DN (**7.1.01 - Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và DN năm 2020: Số 14/KH-CNTĐ-TDN ngày 21/7/2020; Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và DN năm 2022: Số 133/KH-CNTĐ-TĐT ngày 04/10/2022; Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024**). Nội dung tọa đàm, trao đổi trực tiếp giữa Nhà trường với DN về tình hình HSSV đến thực tập, thực tế tại DN cũng như năng lực làm việc của HSSV sau tốt nghiệp được DN giữ lại làm việc đã được lồng ghép trong chương trình lễ ký kết hợp tác. Thông qua chương trình Nhà trường đã lắng nghe, tiếp thu ý kiến của DN và thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo của nhà trường trong phạm vi cho phép để phù hợp với yêu cầu của DN (**7.1.02 - Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và DN**).

Nhà trường cũng xây dựng “Kế hoạch cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát DN về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực” và tiến hành khảo sát, phân tích và báo cáo, công bố kết quả khảo sát theo kế hoạch. Bên cạnh hoạt động khảo sát của Nhà Trường, hàng năm,

Khoa cũng tiến hành lên kế hoạch và thực hiện thu thập ý kiến các DN có sinh viên đã tốt nghiệp nghề CNKT Điện, điện tử đang làm việc nhằm đánh giá sự đáp ứng yêu cầu của sinh viên đối với DN, cũng như đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn (**7.1.03** - Kế hoạch khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử đã tốt nghiệp – thực hiện khảo sát các năm 2021, 2022, 2023; **7.1.04** - Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **7.1.05** - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp).

Hàng năm, khoa thu thập từ 10 DN sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc và cho thấy sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh và dịch vụ (**7.1.06** - Kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa; **7.1.07** - Báo cáo kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa Điện - Điện tử năm 2021, 2022, 2023; **7.1.08** - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.2:

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nội dung tọa đàm, trao đổi trực tiếp giữa Nhà trường với DN về tình hình HSSV đến thực tập, thực tế tại DN cũng như năng lực làm việc của HSSV sau tốt nghiệp được DN giữ lại làm việc đã được lồng ghép trong chương trình lễ ký kết hợp tác. Thông qua chương trình Nhà trường đã lắng nghe, tiếp thu ý kiến của DN và thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo của nhà trường trong phạm vi cho phép để phù hợp với yêu cầu của DN.

Hiện nay, Khoa phối hợp với Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác DN thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp (**7.2.01** – Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023; **7.2.02** – Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023; **7.1.04** - Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp 2021, 2022, 2023; **7.1.05** - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp; **7.2.03** - Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Phương pháp khảo sát: Gửi phiếu khảo sát và gửi email liên hệ trực tiếp với sinh viên (**7.2.03** - Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023)

- Năm 2021: có 157 sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử tốt nghiệp theo Quyết định số 139/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 14/ 6/ 2021 (102sv), số 138/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 14/ 6/ 2021

(24sv), Quyết định số 222/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 21/12/ 2021 (17sv), Quyết định số 224/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 21/12/ 2021 (14sv);

- Năm 2022: có 178 sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử tốt nghiệp theo Quyết định số 151/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 10/6/2022 (34sv), Quyết định số 152/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 10/6/2022 (19sv), Quyết định số 212/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 24/8/2022 (73sv), Quyết định số 275/QĐ-CNTĐ-QLĐT (03sv), 276/QĐ-CNTĐ-QLĐT (49sv)

- Năm 2023: có 106 sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử tốt nghiệp theo Quyết định số 149/ QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 06/9/2023;

Kết quả khảo sát về thông tin tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thể hiện trong Báo cáo kết quả điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp qua các năm (7.2.02 – Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả khảo sát lần vết sinh viên tốt nghiệp nghề CNKT Điện, điện tử đã cho biết sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp trong vòng 6 tháng đạt trên 90% duy trì trong các năm 2021, 2022, 2023; trên 90% sinh viên tốt nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo của Khoa "đáp ứng" được yêu cầu vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo của nghề phù hợp đối với vị trí việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp tại DN.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.3:

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học. Ngoài việc thu thập thông tin nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà Trường, đây còn là việc thể hiện tính dân chủ nên được lãnh đạo rất quan tâm. Thực hiện tốt công tác thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động với tinh thần dân chủ cao. Qua đó ngoài việc nâng cao chất lượng đào tạo còn góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ nhà Trường.

Từ cuối năm 2018, Nhà trường đã thực hiện hiệu quả lấy ý kiến sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường bằng phương pháp sử dụng công cụ khảo sát Google forms và triển khai trực tiếp đường link khảo sát tới từng đối tượng liên quan thông qua các kênh tương tác như: Email, Zalo,... Dữ liệu được thu thập qua Google forms và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel; Phân tích số liệu khảo sát thông qua phần

mềm SPSS (nếu cần) (7.3.01 – Kế hoạch số: 458/KH-CNTĐ-TT ngày 21/12/2020 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường năm 2020; 7.3.02 - Kế hoạch số: 137/KH-CNTĐ-TT về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của CBGVNV về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2021; 7.3.03 - Kế hoạch số 231/KH-CNTĐ-TTPC ngày 24/10/2022 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2022; Kế hoạch số 217/KH-CNTĐ-TTPC ngày 24/10/2022 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2023).

Đối với các quy định về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động trước khi ban hành đều được lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (7.3.04 - Kế hoạch tổ chức Hội nghị CBCCVC NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Trước khi triển khai Hội nghị CBCCVC nhà trường đều tổ chức cho các cán bộ viên chức trong nhà trường góp ý nội dung dự thảo văn kiện hội nghị cán bộ công chức viên chức công khai theo từng đơn vị. Sau khi tiếp nhận các ý kiến góp ý của các đơn vị, nhà trường thực hiện tổng hợp các kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các quy định (7.3.05 - Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Trong Hội nghị, nhà trường tiếp tục lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức với sự tham dự của trên 233 CBGVNV (đạt tỉ lệ trên 70%) nhằm xây dựng và hoàn thiện các quy định về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (7.3.06 - Biên bản Hội nghị CBCCVC năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của CBGVNV về các chính sách của nhà trường là một công cụ đánh giá rất khách quan và nhằm đảm bảo công tác giám sát chất lượng giáo dục được tốt hơn và thuận lợi hơn. Kết quả đánh giá của CBGVNV cho thấy đại đa số đối tượng được khảo sát đều hài lòng về việc thực hiện của nhà trường trong các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (7.3.07 - Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ giảng viên nhân viên về các chính sách của nhà trường năm 2020; Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm.**

Tiêu chuẩn 7.4:

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và triển khai lấy ý kiến 2 lần/ năm học, hình thức lấy ý kiến: HS-SV phản hồi trên phiếu khảo sát thông qua Website. Sau khi người học thực hiện khảo sát, Phòng ĐBCL-TTPC tiến hành xử lý thống kê kết quả khảo sát, báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (7.4.01 - *Bảng kết quả khảo sát của người học năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024; Báo cáo kết quả phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024*).

Xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (7.4.02 - *Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024* ; 7.4.03 - *Danh sách HSSV theo từng lớp học; 7.4.04 – Danh sách HSSV thực hiện khảo sát năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức chương trình gặp gỡ và đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường và học sinh sinh viên để thu thập ý kiến góp ý của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường theo kế hoạch đề ra (7.4.05- *Kế hoạch tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Phòng công tác chính trị HSSV tiếp nhận các kiến nghị, thắc mắc của HSSV và các trả lời, giải đáp của lãnh đạo nhà trường (7.4.06 - *Thông báo thông tin về các nội dung trả lời của Lãnh đạo nhà trường trong chương trình “gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV” năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 7.4.07 – Biên bản họp gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường trong năm 2021, 2022, 2023. Theo báo cáo kết quả khảo sát nhìn chung đa số sinh viên được khảo sát đồng ý với việc thực hiện triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường, bên cạnh đó cũng có một vài ý kiến góp ý mang tính chất xây dựng, cầu tiến nhằm mong muốn các hoạt động của nhà trường được tốt hơn (7.4.08 - *Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 7.4.09 - Thông báo v/v thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 7.4.10 - Phiếu lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 7.4.11 -*

Báo cáo công tác lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.5:

Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng các Kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá trong toàn hệ thống nhà trường và điều hoàn thành các báo cáo tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá được công khai đến giảng viên, DN, HSSV... (7.5.01- Các kế hoạch tự đánh giá hàng năm; 7.5.02 – Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề năm 2022, 2023, 2024; 7.5.03 - Quyết định về thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022, 2023, 2024; 7.5.04 – Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo).

Hàng năm, Khoa đều thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử. Cụ thể Khoa lên kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề, tiến hành viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề, thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề, trong đó có sự tham gia của các DN, tổ chức họp Hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng và thực hiện các hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng (7.5.05 – Các kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử với trình độ: Cao đẳng - Năm 2022, 2023, 2024; 7.5.06 - Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp các năm 2022, 2023, 2024; 7.5.07 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024; 7.5.08 - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024; Biên bản họp Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.6:

Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Phòng đảm bảo chất lượng xem xét và căn cứ vào các tồn tại từ báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng và các báo cáo đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của

nhà trường, để tổng hợp, phân tích, đề xuất kế hoạch cải tiến cho các tồn tại hoặc các vấn đề không phù hợp trong các hoạt động tại nhà trường (7.6.01 - Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức các năm 2021, 2022, 2023). Căn cứ vào kế hoạch cải tiến chất lượng của Phòng ĐBCL-TTPC, Khoa lên kế hoạch và thực hiện các cải tiến nâng cao chất lượng (7.6.02 - Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Sau các đợt cải tiến, Khoa đều gửi báo cáo quá trình hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng về Phòng Đảm bảo chất lượng (7.6.03 - Các báo cáo hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Phòng ĐBCL-TTPC tổng hợp và báo cáo công tác cải tiến nâng cao chất lượng hàng năm cho Ban Giám Hiệu (7.6.04 - Các báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng trường các năm từ năm 2021, 2022, 2023).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.7:

Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề, nghề đào tạo.

Từ năm 2011 đến nay, nhà trường định kỳ tổ chức “Ngày hội hướng nghiệp và Tuyển dụng” để giới thiệu việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp nhằm mục đích thông tin và giới thiệu việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp (6.3.03 - Kế hoạch Tổ chức Ngày hội việc làm năm 2022 “TDC Career day 2022” số 23/KH-CNTĐ-ĐTN-THT ngày 22/6/2022, Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024).

Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch thu thập thông tin và khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp và thực hiện sau mỗi đợt xét tốt nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp (7.7.01 – Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 7.2.01 – Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023; 7.2.02 – Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023; 7.1.04 - Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 7.1.05 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp; 7.2.03 - Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Hàng năm, khoa khảo sát từ các DN về mức độ đáp ứng của sinh viên sau khi ra trường, để từ đó có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh CTĐT nghề CNKT Điện, điện tử hàng năm. Khoa cũng tiếp tục mở rộng các DN để hỗ trợ sinh viên quá trình tìm kiếm việc làm cũng như tạo điều kiện để các sinh viên khóa sau được tham quan trải nghiệm, thực tập DN và tìm kiếm việc làm. (7.7.02 - Danh sách các DN thông báo tuyển dụng đến khoa).

Khoa cũng tìm kiếm các cơ hội cho các sinh viên trong việc hợp tác với các DN lớn trong và ngoài nước để tìm kiếm thêm cơ hội việc làm cũng như được sự hỗ trợ các thiết bị

dạy học nhằm bổ sung vào quá trình dạy học để đáp ứng với nhu cầu thực tiễn của người học (7.7.03- *Biên bản hợp tác công ty TNHH thang máy Sơn Hà; Biên bản hợp tác với Panasonic, giấy tài trợ của công ty Mễ Đình – 12 máy hàn, BB hợp tác với công ty Cổ phần TPP, Biên bản thỏa thuận hợp tác của công ty EOH*). Điều này cũng khẳng định việc đào tạo của khoa đối với nghề CNKT Điện, điện tử có uy tín đối với xã hội nói chung và các DN trong nước nói riêng.

Hàng năm, Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác DN kết hợp với các khoa thực hiện khảo sát lần vết cựu sinh viên của trường, trong đó có cựu SV của khoa Điện-Điện tử (7.2.01 – *Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023*).

Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác DN thiết kế bảng hỏi, tổng hợp số liệu và phân tích, cung cấp báo cáo. Khoa Điện – Điện tử phối hợp chuyển bảng hỏi online theo số lượng yêu cầu của khoa. Việc khảo sát hoàn toàn thực hiện online kể cả nhận số liệu do TT. ĐTNL&HTDN thực hiện. Báo cáo được gửi trên Eoffice của nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch thu thập thông tin và khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp, Khoa Điện-Điện tử lập bảng thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành CNKT Điện, điện tử tham gia khảo sát (7.7.04 - *Bảng thống kê số lượng SV tốt nghiệp khảo sát năm 2021, 2022, 2023*). Phương pháp khảo sát: Khảo sát 100% sinh viên tốt nghiệp các năm. Phiếu khảo sát được khoa Điện - Điện tử triển khai khảo sát trực tiếp đến sinh viên (7.2.02 – *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023*).

Khảo sát căn cứ vào số lượng sinh viên tốt nghiệp qua các năm (7.1.05 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp*).

Căn cứ vào Báo cáo khảo sát tình hình việc làm (7.2.02 – *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023*), cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trả lời khảo sát các năm đều trên 50%.

Căn cứ vào bảng khảo sát cho thấy trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với nghề đào tạo luôn trên 90% trong năm 2021, 2022, 2023. Điều này đã phản ánh CTĐT của nghề đạt chất lượng tốt.

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.8:

Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Với sứ mạng nhằm đạt được sự hài lòng của đơn vị sử dụng lao động từ người tốt nghiệp được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp là mục tiêu hướng đến từ phía đơn vị đào tạo.

Tiếp nối thành công của các hoạt động gắn kết DN, Khoa Điện – Điện tử trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức đã triển khai đào tạo nhiều học phần tại DN. Riêng ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông sinh viên đến công ty học tập, thi công các dự án mà công ty đang thực hiện nhằm nâng cao khả năng và tay nghề cho sinh viên.

Đồng thời, sinh viên cũng nhận được các nhận xét phản hồi công việc từ phía công ty và trên cơ sở đó, mọi người sẽ cùng nhau hoàn thiện các công việc này. Trong quá trình học, sinh viên tuân thủ những quy định của công ty giống như một nhân viên chính thức.

Ngoài kiến thức chuyên môn, kiến thức bổ trợ như Tiếng Anh, HSSV cần được chú trọng bồi dưỡng thêm kỹ năng mềm, các kỹ năng cần đào tạo cho HSSV như: kỹ năng thuyết trình, tổ chức công việc, quản lý thời gian, báo cáo, khả năng giao tiếp và xử lý tình huống, làm việc nhóm ... Bên cạnh đó, sinh viên cũng được định hướng, ý thức về kỷ luật và tinh thần cầu tiến, hiểu rõ giá trị đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm nghề nghiệp giữa người lao động với DN và xã hội, chủ động trong việc lập kế hoạch bồi dưỡng thêm kỹ năng mềm, kỹ năng thuyết trình, tổ chức công việc, quản lý thời gian cho người học.

Khoa đạt tối thiểu 80% về việc thực hiện điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (7.8.01 – Kế hoạch khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; DN về sự hài lòng đối với sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử; CNKT Điện, điện tử năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 7.8.02 – Phiếu khảo sát cựu HSSV về tình hình việc làm; 7.8.03 – Phiếu khảo sát HSSV về chương trình đào tạo; 7.8.04 – Phiếu khảo sát DN Về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động ngành CNKT Điện, điện tử; 7.8.05 – Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; DN về sự hài lòng đối với sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Phương pháp khảo sát được sử dụng là phiếu hỏi. Gửi phiếu khảo sát và gửi email liên hệ trực tiếp với DN đề nghị hỗ trợ chuyển đường link khảo sát cho DN để thực hiện trên Form (7.1.04 - Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023). Dữ liệu khảo sát được tổng hợp và báo cáo kết quả. Kết quả khảo sát DN trong năm 2022 được thể hiện tại trang 5 trong Báo cáo kết quả khảo sát DN có tuyển dụng Sinh viên tốt nghiệp ngành CNKT Điện, điện tử (7.1.07 - Báo cáo kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa Điện - Điện tử năm 2021, 2022, 2023) với 5 mức độ hài lòng: Mức 1 “Hoàn toàn không hài lòng”; Mức 2 “Phần lớn không hài lòng”; Mức 3 “Hài lòng”; Mức 4 “Phần lớn hài lòng”; Mức 5 “Hoàn toàn hài lòng”. Bảng hỏi các DN về sự đáp ứng của Sinh viên tốt nghiệp ngành với vị trí việc làm của họ gồm 06 kỹ năng

về kiến thức lập luận ngành, kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất cùng với 09 tiêu chí về kỹ năng nghề nghiệp.

Mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động được chứng minh bằng mức độ hài lòng của DN về các kỹ năng, phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp của người tốt nghiệp đáp ứng với vị trí việc làm của họ trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (**7.1.08 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm**).

+ Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

- Tăng cường công tác biên soạn giáo trình đào tạo, đặt mua giáo trình đào tạo nhằm đáp ứng đủ mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học.
- Còn một số giảng viên chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định mới nhất (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước đây không còn sử dụng): Giảng viên tham gia học tập bổ sung hoàn thành chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo lộ trình.

PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN:

Việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là quá trình xem xét và đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và cũng là nhiệm vụ thường xuyên. Qua việc tự kiểm định chương trình đào, khoa nhận thấy còn một số điểm còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục hoàn thiện trong thời gian tới, để đáp ứng quy mô của một nghề trọng điểm cấp quốc tế.

2. KIẾN NGHỊ: Chưa có

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

VÕ LONG TRIỀU

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

UBND TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 312/QĐ-CNTĐ-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH **Về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo** **Trình độ cao đẳng - Năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 6426/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trên cơ sở trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ vào Kế hoạch số 69/KH-CNTĐ-TTCL ngày 29 tháng 3 năm 2023 về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo - Trình độ Cao đẳng năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng và Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng - Năm 2024 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá có chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:

✓ **Thành viên Hội đồng bên trong Nhà trường:**

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có).

✓ **Thành viên Hội đồng là DN:**

- Hỗ trợ nhà trường khi thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (như khảo sát, thu thập thông tin, ...)
- Góp ý kiến liên quan đến tiêu chí:
 - + Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo
 - + Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình
 - + Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
 - + Tiêu chí 6: Dịch vụ người học
 - + Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề
- Thông qua các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có).

Điều 3. Các Hội đồng tự đánh giá giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng, các trưởng đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: TCHC.

HIỆU TRƯỞNG

Võ Long Triều

DANH SÁCH
CÁC HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Đính kèm Quyết định số 312/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 09 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)*

1. Nghề CNKT Điện, điện tử:

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Võ Long Triều	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Bà Phạm Ngọc Tường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Phạm Văn Lới	Phó TK. Điện – Điện tử	Phó Chủ tịch TT
4	Ông Dương Đức Phú	PTP. Quản lý đào tạo	Ủy viên
5	Bà Lê Thị Hạnh Xuân	PTP. Thanh tra – Pháp chế - ĐBCL	Ủy viên
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	UV. BCH Công đoàn	Ủy viên
7	Ông Tô Thanh My	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
8	Ông Trương Ngọc Anh	Giám đốc_Công ty TNHH TMSX DV và GCCN Thành An	Ủy viên
9	Ông Hoàng Anh Trường	Giám đốc Công ty TNHH Kỹ Thuật Hoàng Nguyên	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Phát Lợi	TBM. Khoa Điện – Điện tử	Ủy viên
11	Ông Trần Quốc Trung	Giảng viên Khoa Điện – Điện tử	Ủy viên – Thư ký

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/KH-CNTĐ-KĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử - Trình độ Cao đẳng - Năm 2024

1. Mục tiêu tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong Khoa về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường Cao đẳng;
- Làm cơ sở để Khoa thực hiện chương trình đào tạo tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng;
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp khoa hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng khoa vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và chất lượng đào tạo trong nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá:

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội gồm có 07 tiêu chí, bao gồm 50 tiêu chuẩn;
- Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với trường trung cấp, trường cao đẳng kèm theo công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25/03/2019;
- Mốc thời gian để viết báo cáo và thu thập minh chứng được tính đến ngày 30/8/2024.

3. Quy trình tự đánh giá:

Thực hiện theo Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị, thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng nghề CNKT Điện, điện tử;
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng và gửi báo cáo về Sở Lao động Thương binh & Xã Hội thành phố Hồ Chí Minh và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nội dung thực hiện:

Thời gian thực hiện tự đánh giá 3.5 tháng (từ 10/6/2024 đến 28/9/2024), lịch trình cụ thể như sau:

Thời gian	Công việc	Phân công thực hiện
4.1. Công tác chuẩn bị		
Từ 15/4/2024 Đến 22/4/2024	- Đề xuất danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gửi về P. TTCL (mẫu BM04).	Hoàng Ngọc Tuyền
Từ 23/4/2024 Đến 27/4/2024	- Họp với P. TTCL nhằm thống nhất các mốc thời gian thực hiện kế hoạch	Phạm Văn Lối
Từ 06/05/2024 Đến 18/5/2024	- Căn cứ kế hoạch tổng của P. TTCL, tiến hành xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp (mẫu BM07).	Phạm Văn Lối Lê Thị Hồng Mai
Từ 06/05/2024 Đến 18/5/2024	- Họp khoa phân công thực hiện: Thu thập minh chứng; viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn + Biên bản họp khoa (mẫu BM08) + Bảng phân công thực hiện (mẫu BM09)	Phạm Văn Lối Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
4.2. Giai đoạn thực hiện		

Thời gian	Công việc	Phân công thực hiện
Từ 20/5/2024 Đến 31/5/2024	- Hội đồng tự đánh giá lần 1 triển khai thực hiện + Biên bản họp Hội đồng (mẫu BM10)	Hội đồng tự đánh giá
Từ 01/06/2024 Đến 20/7/2024	- Thực hiện thu thập minh chứng (mẫu BM11) - Viết báo cáo cho từng tiêu chí (mẫu BM12) - Tổng hợp, dự thảo báo cáo (mẫu BM13) và gửi về P. TTCL	Các cá nhân được phân công theo mẫu BM09
Từ 22/7/2024 Đến 03/8/2024	- Phòng TTCL tiến hành nhận xét, góp ý dự thảo báo cáo (mẫu BM14) gửi về Khoa	Phòng TTCL
Từ 05/8/2024 Đến 10/8/2024	- Căn cứ bảng nhận xét, góp ý dự thảo báo cáo của P. TTCL, khoa tiến hành hiệu chỉnh lần 1 và hoàn thiện báo cáo	Phạm Văn Lối Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
Từ 12/8/2024 Đến 17/8/2024	- Sau khi hiệu chỉnh báo cáo theo nhận xét, góp ý của phòng TTCL, tiến hành gửi báo cáo tới các đơn vị, tổ chức trong nhà trường để lấy ý kiến đóng góp + Thông báo tới các đơn vị, tổ chức (mẫu BM15) + Các đơn vị, tổ chức thực hiện góp ý báo cáo (mẫu BM16) theo thông báo của khoa	- Phòng TTCL - Khoa Điện-ĐT
Từ 19/8/2024 Đến 25/8/2024	- Hiệu chỉnh lần 2, hoàn thiện báo cáo theo góp ý của các đơn vị, tổ chức trong nhà trường	Phạm Văn Lối Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
Từ 27/8/2024 Đến 30/8/2024	- Thông báo tới các thành viên Hội đồng tham gia họp thông qua báo cáo (mẫu BM17)	Phạm Văn Lối Nguyễn Phát Lợi
Từ 01/9/2024 Đến 07/9/2024	- Tổ chức họp Hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá: + Biên bản họp Hội đồng (mẫu BM10) + Thành viên Hội đồng nhận xét báo cáo tự đánh giá	Thành viên hội đồng theo quyết định Phạm Văn Lối

Thời gian	Công việc	Phân công thực hiện
	(mẫu BM16) + Thành viên Hội đồng ký tên danh sách dự họp thông qua báo cáo (mẫu BM18)	Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
Từ 09/9/2024 Đến 14/9/2024	- Hiệu chỉnh, hoàn thiện báo cáo chính thức theo góp ý của thành viên Hội đồng - Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo chính thức - Gửi 01 cuốn báo cáo chính thức đóng bìa mạ vàng, hồ sơ và toàn bộ minh chứng về phòng TTCL.	Phạm Văn Lợi Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai Lê Thị Hồng Mai Lê Thị Hồng Mai
4.3. Công bố báo cáo		
Từ 16/9/2024 Đến 17/9/2024	- Trình Hiệu trưởng duyệt quyết định công bố báo cáo (mẫu BM19)	Lê Thị Hồng Mai
Từ 18/9/2024 Đến 21/9/2024	- Tham mưu Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp công bố kết quả quả báo cáo. <i>(Thời gian họp công bố không quá 10 ngày kể từ ngày báo cáo được phê duyệt)</i> + Thông báo họp công bố báo cáo (mẫu BM20) + Biên bản họp công bố báo cáo (mẫu BM21)	Phạm Văn Lợi
Từ 23/9/2024 Đến 28/9/2024	Thực hiện báo cáo kết quả tự đánh giá về Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tp. HCM, Tổng cục GDNN (mẫu BM22 – phụ lục 05 tại thông tư 28)	P.TTCL
4.4. Cải tiến nâng cao chất lượng		
Từ 18/11/2024 Đến 30/11/2024	- Xây dựng kế hoạch cải tiến năng cao chất lượng gửi về P. TTCL (mẫu BM23)	Phạm Văn Lợi Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
Từ 16/12/2024	- Thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng	Phạm Văn Lợi

Thời gian	Công việc	Phân công thực hiện
Đến 15/7/2025		Nguyễn Phát Lợi Lê Thị Hồng Mai
Từ 16/7/2025 Đến 25/7/2025	- Báo cáo kết quả thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng (mẫu BM24)	Lê Thị Hồng Mai
Từ 28/7/2025 Đến 31/7/2025	- Gửi tất cả hồ sơ liên quan và minh chứng kèm theo về phòng TTCL	Lê Thị Hồng Mai

5. Phối hợp thực hiện (Các đơn vị trong nhà trường):

- Hỗ trợ khoa thực hiện theo đúng kế hoạch;
- Cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá;
- Thực hiện hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng (nếu có).

6. Kinh phí:

(Dự trù kinh phí theo kế hoạch số 72/KH-CNTĐ-TTCL ngày 16 tháng 4 năm 2024 của phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo – Trình độ Cao đẳng năm 2024).

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Khoa. Yêu cầu tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc khoa, trường nghiêm túc phối hợp thực hiện đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị;
- Lưu: TC-HC, Khoa.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Võ Long Triều
(HIỆU TRƯỞNG)

3. Bảng mã minh chứng ngành CNKT Điện – Điện tử năm 2024:

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		Chương trình khung nghề CNKT Điện, điện tử Khóa 2020, 2021, 2023
2	1	1.1	1.1.02		Website công bố Sứ mạng, tầm nhìn của Trường- www.tdc.edu.vn; Quyết định số 109/QĐ-CNTĐ-HC ngày 24/10/2019: Điều chỉnh nội dung tầm nhìn Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Quyết định số 110/QĐ-CNTĐ-HC ngày 24/10/2019: Điều chỉnh nội dung sứ mạng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
3	1	1.1	1.1.03		Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT điện, điện tử khóa 2020, khóa 2023; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020, khóa 2023
4	1	1.1	1.1.04		Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký
5	1	1.1	1.1.05		Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/3/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021
6	1	1.1	1.1.06		Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/02/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022
7	1	1.1	1.1.07		Thông báo số 11/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 15/1/2024 về việc xây dựng CTĐT, chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo áp dụng khóa tuyển sinh năm 2024
8	1	1.2	1.2.01		Quyết định số 1018/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 20/12/2022: Về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

9	1	1.2	1.2.02	Quyết định số 135-01/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 23/5/2022: Quyết định giao cho các Khoa chuyên môn tổ chức đào tạo các ngành trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2022; Quyết định số 180A/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/9/2021: Quyết định về việc đồng ý giao cho các Khoa tổ chức giảng dạy các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2021; Quyết định số 164A/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 05/10/2020: Quyết định về việc đồng ý giao cho các Khoa tổ chức giảng dạy các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp khóa tuyển sinh 2020
10	1	1.2	1.2.03	Bảng phân công công việc năm học của Khoa: các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
11	1	1.2	1.2.04	Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử
12	1	1.2	1.2.05	Quyết định về việc công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm học 2020 – 2021, 2021-2022, 2022-2023
13	1	1.2	1.2.06	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023
14	1	1.3	1.3.01	Ban xác định định mức chi tối thiểu năm 2021, 2022, 2023
15	1	1.3	1.3.02	QĐ ban hành định mức thiết bị, Định mức vật tư về đào tạo Trình độ trung cấp, Trình độ cao đẳng
16	1	1.3	1.3.03	Biên bản họp Ban mức chi phí đào tạo cho 1 sinh viên đối với ngành CNKT Điện, điện tử 2020, 2021, 2022
17	1	1.3	1.3.04	Định mức chi tối thiểu cho 1 sinh viên_ phần II Chi phí lao động đã đầu tư để đào tạo 1 sinh viên
18	1	1.3	1.3.05	Danh mục vật tư theo từng học kỳ của năm học
19	1	1.3	1.3.06	Định mức chi tối thiểu cho 1 sinh viên

20	1	1.3	1.3.07	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, số 627/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021; Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, số 955/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022, Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, số 1360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023
21	1	1.3	1.3.08	Thông báo thu học phí, lệ phí năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023
22	1	1.3	1.3.09	Hồ sơ quản lý tài chính được lưu tại phòng Kế hoạch Tài chính
23	2	2.1	2.1.01	Thông tin tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp năm các năm 2021, 2022, 2023, 2024
24	2	2.1	2.1.02	Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số: 209/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 06/12/2021
25	2	2.1	2.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc trực thuộc Hội đồng các năm 2021, 2022, 2023, 2024
26	2	2.1	2.1.04	Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh 2021, 2022, 2023, 2024; Biên bản họp hội đồng tuyển sinh 2022, 2023, 2024
27	2	2.1	2.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 18/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/3/2019 đối với 39 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số:18A/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/8/2019 đối với 5 nghề trình độ cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2019; 29/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020 đối với 38 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 26/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021
28	2	2.1	2.1.06	Quyết định thành lập các lớp cố định trình độ cao đẳng, trung cấp khóa tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; Hồ sơ đăng ký học
29	2	2.1	2.1.07	Báo cáo kết quả kiểm tra tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
30	2	2.2	2.2.01	Số: 116/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2021 về việc quyết định ban hành chuẩn đầu ra áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; QĐ số 95/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày

					08/4/2022 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2022 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; QĐ số 126/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 20/5/2023 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2023 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
31	2	2.2	2.2.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
32	2	2.2	2.2.03		Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
33	2	2.2	2.2.04		Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
34	2	2.2	2.2.05		Lịch giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
35	2	2.2	2.2.06		Nhật ký giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
36	2	2.2	2.2.07		Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
37	2	2.2	2.2.08		Phiếu phản hồi người học, Quy trình triển khai và kiểm soát quá trình đào tạo QLĐT-QT26 ngày 01/7/2024
38	2	2.2	2.2.09		Quy trình giám sát các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên – học sinh sinh viên, do phòng P.ĐBCL-TTPC biên soạn và Hiệu trưởng ký ban hành ngày 19/9/2018
39	2	2.2	2.2.10		Quy trình kiểm tra nội bộ các đơn vị, do phòng ĐBCL-TTPC biên soạn và Hiệu trưởng ký ban hành ngày 19/9/2018
40	2	2.2	2.2.11		Kế hoạch đánh giá nội bộ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
41	2	2.2		1.2.07	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023
42	2	2.2	2.2.12		Kết quả đánh giá của Intretekt, Quyết định ban hành danh mục các biểu mẫu, hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng
43	2	2.2		1.1.04	Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký

44	2	2.2		1.2.05	Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022_Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử
45	2	2.2	2.2.13		online.tdc.edu.vn
46	2	2.3		2.2.03	Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
47	2	2.3		2.2.05	Lịch giảng dạy năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
48	2	2.3		2.2.07	Giáo án năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
49	2	2.3		2.2.01	Số: 116/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2021 về việc quyết định ban hành chuẩn đầu ra áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; QĐ số 95/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 08/4/2022 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2022 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; QĐ số 126/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 20/5/2023 Quyết định ban hành chuẩn đầu ra khóa 2023 các nghề, các trình độ đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
50	2	2.3		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
51	2	2.3	2.3.01		Biên bản ký kết ghi nhớ với nhà trường và DN
52	2	2.3	2.3.02		Kế hoạch thực tập DN; Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách người học thực tập tại DN - Kèm danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tại DN)
53	2	2.3	2.3.03		Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023
54	2	2.3		2.2.06	Nhật ký giảng dạy năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
55	2	2.3		1.2.07	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022,

					Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023
56	2	2.4	2.4.01		Chương trình chi tiết môn học thực tập DN, thực tập tốt nghiệp khóa 2020, 2021, 2022
57	2	2.4		2.3.02	Kế hoạch thực tập DN; Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách người học thực tập tại DN - Kèm danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tại DN
58	2	2.4	2.4.02		Các biên bản thỏa thuận giữa Nhà trường và các DN
59	2	2.4	2.4.03		Biên bản họp về việc gặp gỡ Tân HSSV năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
60	2	2.4	2.4.04		Thông báo tham quan tại DN
61	2	2.4	2.4.05		Báo cáo thực tập DN, thực tập tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
62	2	2.4	2.4.06		Số:13/KH-CNTĐ-KĐT ngày 13/3/2020; Đề cương thực tập tại DN; Danh sách giảng viên tham gia thực tập tại DN; Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2021-2022: Số:31/KH-CNTĐ-KĐT ngày 26/04/2021; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2021-2022 số 665A/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 26/12/2021; Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2022-2023: Số 134/KH-CNTĐ-KĐT ngày 10/12/2022; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2022-2023 số 933/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 15/12/2022; Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2023-2024 QĐ số:05/KH-CNTĐ-KĐT ngày 22/01/2024; Quyết định cử GV tham gia thực tập tại DN NH 2023-2024 số 116-1/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 20/2/2024; Báo cáo thực tập của giảng viên có sự xác nhận của DN
63	2	2.4	2.4.07		Biên bản họp với DN có tuyển dụng sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
64	2	2.4	2.4.08		Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
65	2	2.5	2.3.03		Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023

66	2	2.5	2.5.01	Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần: 235/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/08/2024; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024, Lịch thi kết thúc học phần năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
67	2	2.5	2.5.02	Bảng điểm quá trình các môn học Mẫu 4
68	2	2.5	2.5.03	Quyết định ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ và cách ghi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sơ cấp tại Trường cao đẳng Công nghệ Thủ Đức: Số 35/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 09/02/2018; Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp do phòng Quản lý đào tạo biên soạn và được Hiệu trưởng ký ban hành ngày 10/8/2016
69	2	2.5	2.5.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018: Số 172/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 10/9/2018; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2019: Số:156/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/08/2019; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2020: Số 41/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 20/4/2020; Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021: Số 139/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 14/06/2021; Số 222/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/12/2021; Quyết định số 149/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 09/6/2023 về công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2023; Hồ sơ xét tốt nghiệp của HSSV
70	2	2.5	2.5.05	trang web tdc.edu.vn
71	2	2.5	2.5.06	Hồ sơ HSSV đăng ký nhập học nghề CNKT Điện, điện tử; Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ
72	2	2.5	2.5.07	Quy chế công tác học sinh, sinh viên: Chương IV, Đánh giá kết quả rèn luyện của Học sinh, sinh viên, Phụ lục 1: Bảng đánh giá kết quả rèn luyện kèm theo quyết định số 151/QĐ-CNTĐ-SV ngày 04/12/2017 do Hiệu trưởng ký
73	2	2.5	2.5.08	Thông báo đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024; Quyết định công nhận kết quả rèn luyện HSSV NH 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024
74	2	2.5	2.5.09	Biên bản sinh hoạt lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
75	2	2.5	2.5.10	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên do Phòng Công tác học sinh, sinh viên biên soạn và được hiệu trưởng ký ban hành ngày 05/6/2018; Bảng tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện HSSV

76	2	2.5		1.2.07	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023
77	2	2.5	2.5.11		Biên bản kiểm tra phòng QLĐT năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
78	2	2.6	2.6.01		Kế hoạch dự giờ năm học 2021-2022_Số 97/KH-CNTĐ-KĐT ngày 16/11/2021; Kế hoạch dự giờ năm học 2022-2023_Số 115/KH-CNTĐ-KĐT n/gày 24/10/2022; Kế hoạch dự giờ năm học 2023-2024_Số 87/KH-CNTĐ-KĐT ngày 17/10/2023; Biên bản kiểm tra hồ sơ giảng viên năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
79	2	2.6	2.6.02		Biên bản dự giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
80	2	2.6	2.6.03		Bảng tổng hợp về tình hình thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
81	2	2.6	2.6.04		Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nội quy HSSV
82	2	2.6	2.6.05		Phiếu Phản hồi của GV về góp ý của Sinh viên năm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
83	2	2.6	2.6.06		Biên bản phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
84	2	2.6		1.2.07	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023; Biên bản kiểm tra nội bộ của phòng P.ĐBCL-TTPC năm 2020-2021, 2021-2022, Biên bản kiểm tra nội bộ của P.ĐBCL-TTPC năm 2022-2023
85	2	2.6	2.6.07		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
86	2	2.6	2.6.08		Thông báo về việc nhắc nhở giảng viên thực hiện cấm thi, nhật ký giảng dạy đúng quy định năm 2021, 2022, 2023
87	2	2.6	2.6.09		Biên bản họp khoa báo cáo về việc thực hiện tình hình cấm thi, nhật ký giảng dạy đúng quy định năm 2021, 2022, 2023
88	2	2.7	2.7.01		Quyết định số 93A/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 30/09/2017 ban hành Quy chế tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; 133-1/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/05/2022 ban hành Quy chế đào tạo liên thông trình

					độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
89	2	2.7	2.7.02		Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2017, số 78/KH-CNTĐ-TDN ngày 19/10/2017; Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2018, số 46/KH-CNTĐ-TDN ngày 26/05/2018; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh
90	2	2.7	2.7.03		Quyết định số 109/QĐ- CNTĐ-TDN ngày 25/12/2017 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2017; Quyết định số 81C/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 03/12/2018 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2018; Quyết định số 268/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 29/12/2017 về việc thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2017; Quyết định số 262/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 28/12/2018 về việc thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2018
91	2	2.7	2.7.04		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo liên thông cho khóa 2017, khóa 2018
92	2	2.7	2.7.05		Quyết định số 10B/QĐ-CNTĐ-TDN ngày 08/02/2018 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2017; Quyết định số 27/QĐ-CNTĐ- TDN ngày 23/04/2019 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2018
93	2	2.7	2.7.06		Quyết định số 277/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 28/12/2019 về việc công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp
94	2	2.7	2.7.07		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo cao đẳng liên thông từ trung cấp số 208/BC-CNTĐ-ĐT ngày 14/12/2019
95	2	2.7	2.7.08		Công văn số: 624/ĐHGTVT-ĐTTX ngày 24/6/2020 của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ số 623/ĐHGTVT-BBGN ngày 25/6/2020 của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học vừa làm; Số 2386/ĐHSPKT-ĐTKCQ ngày 23/12/2022; Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học đợt 1 năm 2023 ngày 10/8/2023 của trường Đại học Công nghiệp.

96	3	3.1	3.1.01		Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
97	3	3.1		2.2.03	Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
98	3	3.1	3.1.02		Biên bản thanh kiểm tra trình độ, nghiệp vụ, chuyên môn nhà giáo năm học 2020-2021; phiếu tự kiểm tra nghiệp vụ, chuyên môn nhà giáo năm 2021-2022, 2022-2023 kèm biên bản kiểm tra nội bộ năm học 2021-2022, 2022-2023-
99	3	3.1	3.1.03		Hồ sơ nhà giáo
100	3	3.2		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
101	3	3.2	3.2.01		Quyết định số 626/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022, Quyết định số 954/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2022-2023; Quyết định số 1434/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/12/2023 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2023-2024
102	3	3.2	3.2.02		Qui chế về công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Trường ban hành kèm theo QĐ số 769/QĐ-CNTĐ-NS ngày 19/12/2019
103	3	3.2	3.2.03		Biên bản họp Khoa xét thi đua hàng tháng của Khoa Điện - Điện tử năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp xét và xếp loại thi đua quý của năm 2020, 2021, 2022
104	3	3.2	3.2.04		Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
105	3	3.2		1.2.05	Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử
106	3	3.2	3.2.05		Quyết định công nhận cá nhân đạt danh hiệu LĐTĐ năm học 2021-2022 số 302/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/6/2022; Quyết định công nhận tập thể lao động xuất sắc năm học 2021-2022 số 816/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 28/10/2022; Quyết định

					công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 QĐ số 1970/QĐ-SGDĐT ngày 03/8/2022
107	3	3.2	3.2.06		QĐ công nhận CSTĐ cấp cơ sở năm học 2022-2023 số 613/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 18/7/2023; Quyết định công nhận tập thể lao động xuất sắc năm học 2022-2023 số 615/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 18/7/2023
108	3	3.2	3.2.07		Quyết định công nhận kết quả, đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể thuộc trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức năm học 2023-2024 số 717/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 07/9/2024; QĐ công nhận CSTĐ cấp cơ sở năm học 2023-2024 số 706/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 04/9/2024; QĐ công nhận cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến năm học 2023-2024 QĐ số 705/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 04/9/2024
109	3	3.3		3.2.01	Quyết định số 626/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2021-2022, Quyết định số 954/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2022-2023; Quyết định số 1434/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/12/2023 Qui định về chế độ làm việc của giảng viên năm học 2023-2024
110	3	3.3		1.1.04	Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký
111	3	3.3		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
112	3	3.3	3.3.01		Quyết định thành lập lớp cho khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023
113	3	3.3	3.3.02		Danh sách HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phần
114	3	3.3		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; Danh sách trích ngang nhà giáo dạy môn chung năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
115	3	3.3	3.3.03		Bảng tổng hợp phụ trội năm học 2021-2022; 2022-2023;2023-2024; Bảng thanh toán tiền lương, tiền vượt giờ cho giảng viên
116	3	3.3	3.3.04		Phân công cố vấn học tập theo từng học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
117	3	3.3	3.3.05		Bảng tổng hợp giờ dạy giảng viên theo từng tháng năm 2021, 2022, 2023
118	3	3.4	3.4.01		Kế hoạch tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố năm

				2018: Số 104/KH-CNTĐ-ĐT ngày 22/5/2018
119	3	3.4	3.4.02	Kế hoạch tập huấn giảng viên tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố năm 2020_số 32/KH-CNTĐ-ĐT ngày 20/4/2020; Kế hoạch tập huấn nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp cấp trường năm 2023 số: 22/KH-CNTĐ-QLĐT ngày 08/02/2023
120	3	3.4	3.4.03	Giấy chứng nhận giảng viên dạy giỏi; thông báo số 95/TB-CNTĐ-QLĐT thông báo kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2023; Giấy khen GV đạt giải nhất hội giảng cấp trường năm 2023
121	3	3.4	3.4.04	Giấy chứng nhận đã tham gia hội thi thiết bị tự làm cấp Thành phố năm 2019_QĐ số: 25606/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/8/2019 ngày 08/8/2019; Giấy khen Đạt giải 3 tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2022_QĐ số: 22258/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/6/2022; Giấy khen Đạt giải khuyến khích tại Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VII, năm 2022 QĐ số 594/QĐ-TCGDNN ngày 14/10/2022
122	3	3.4	3.4.05	Danh sách các đề tài NCKH của GV từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024
123	3	3.4	3.4.06	Quyết định thành lập hội đồng sơ tuyển đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản họp xét duyệt đề cương NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Kết quả sơ tuyển đề tài NCKH NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
124	3	3.4	3.4.07	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Kết quả nghiệm thu đề tài NCKH NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
125	3	3.4	3.4.08	Biên bản họp áp dụng các đề tài nghiên cứu
126	3	3.5	3.5.01	3.5.01 - Kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn năm 2020, 2021
127	3	3.5	3.5.02	Kế hoạch bồi dưỡng GV năm học 2022 - 2023
128	3	3.5	3.5.03	Danh sách giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
129	3	3.5	3.5.04	Các kế hoạch và quyết định tập huấn sư phạm theo dự án IECD năm 2020, 2021, 2022
130	3	3.5	3.5.05	Kế hoạch tập huấn nhân rộng chương trình và phương pháp giảng dạy lớp đề án Đức – Nghệ CNKT Điện, điện tử số: 55/KH-CNTĐ-KĐT ngày 24/8/2020 do Hiệu trưởng ký
131	3	3.5	3.5.06	Quyết định số 665/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 14/9/2022 về việc cử giảng viên tham

					gia khóa đào tạo kỹ thuật hỗ trợ DN; Quyết định số 119/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 24/02/2023 về việc cử GV tham dự Hội thảo “Đào tạo GV nguồn về các nguyên tắc thực hành tốt trong bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị lạnh và điều hòa không khí
132	3	3.5	3.5.07		Kế hoạch số 89/KH-CNTĐ-QLĐT ngày 19/4/2024 về tổ chức tập huấn chuyên môn về tiêu chuẩn IEC và các thiết bị dùng cho hệ thống điện
133	3	3.5	3.5.08		Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên hàng năm
134	3	3.6	3.6.01		Kế hoạch số 31/CNTĐ-KĐT ngày 26/4/2021 v/v tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2020-2021 kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị
135	3	3.6	3.6.02		Kế hoạch số 109/CNTĐ-KĐT ngày 24/12/2021 v/v tổ chức đưa giảng viên đi thực tập tại DN năm học 2021-2022 kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị và Quyết định cử GV tham gia TTDN NH 2021-2022
136	3	3.6	3.6.03		Kế hoạch tổ chức đưa giảng viên đi thực tập DN số 134/QĐ-CNTĐ-KĐT ngày 10/12/2022 kèm danh sách GV thực tập tại đơn vị và Quyết định cử GV tham gia TTDN NH 2022-2023 số 993/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 15/12/2022
137	3	3.6	3.6.04		Bảng báo cáo kết quả thực tập tại DN của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
138	3	3.6		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
139	3	3.6	3.6.05		Báo cáo thực tập DN của GV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
140	3	3.6	3.6.06		QĐ số:113/QĐ-CNTĐ-TĐT ngày 16/8/2023_Quyết định về việc ban hành Quy định Giảng viên đi thực tập tại các cơ quan, DN
141	3	3.7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa
142	3	3.7	3.7.02		Bảng phân công việc Khoa năm 2021, 2022, 2023; Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại của CBQL thuộc khoa
143	3	3.7	3.7.03		Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
144	3	3.7		3.2.04	Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
145	3	3.8		1.2.05	Số 76/BC-CNTĐ-HC ngày 16/7/2021 Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021; Số 107/BC-CNTĐ-HCTH ngày 23 tháng 9 năm 2022_Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2021-2022; Số 1357/BC-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023 Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2022-2023; Báo cáo tổng kết

					hoạt động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 của Khoa Điện – Điện tử
146	3	3.8		3.2.04	Biên bản họp xếp loại thi đua, phân loại viên chức của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
147	3	3.8		3.7.03	Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
148	3	3.8	3.8.01		Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo
149	3	3.8		3.7.01	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa
150	3	3.8		3.7.02	Bảng phân công việc Khoa năm 2021, 2022, 2023; Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại của CBQL thuộc khoa
151	3	3.8	3.8.02		Quyết định công nhận danh hiệu cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
152	3	3.8	3.8.03		Quyết định công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
153	3	3.8	3.8.04		Quyết định số 360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 01/6/2024 Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với viên chức, người lao động tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
154	4	4.1	4.1.01		Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023
155	4	4.1	4.1.02		Quyết định số 91/QĐ-CNTĐ-NS ngày 12/3/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 kèm danh sách thành viên hội đồng; Quyết định số 975-1/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 05/12/2022 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2023 kèm danh sách thành viên hội đồng
156	4	4.1	4.1.03		Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khoá tuyển sinh năm 2020 (áp

					dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khoá tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025)
157	4	4.1	4.1.04		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023
158	4	4.1		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
159	4	4.2		4.1.01	Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023
160	4	4.2		4.1.02	Quyết định số 91/QĐ-CNTĐ-NS ngày 12/3/2020 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 kèm danh sách thành viên hội đồng; Quyết định số 975-1/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 05/12/2022 về thành lập các ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo năm 2023 kèm danh sách thành viên hội đồng
161	4	4.2		4.1.03	Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khoá tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khoá tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025)
162	4	4.2		4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023
163	4	4.2		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024

164	4	4.2	4.2.01		Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khoá tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khoá tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025)
165	4	4.3		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
166	4	4.3	4.3.01		Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023
167	4	4.3	4.3.02		Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
168	4	4.4	4.4.01		Sơ đồ tiến trình đào tạo các học phần năm 2021, 2022, 2023, 2024
169	4	4.4		2.3.03	Chương trình chi tiết khóa 2020, 2023
170	4	4.4		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
171	4	4.4	4.4.02		Biên bản góp ý sự phù hợp về phân bố thời gian, trình tự đào tạo các môn học của chương trình nghề CNKT Điện, điện tử năm 2021, 2022, 2023
172	4	4.4		1.1.04	Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2021, 2022, 2023 do Trưởng Khoa ký
173	4	4.5		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng

					Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
174	4	4.5		2.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 18/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/3/2019 đối với 39 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2019, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số:18A/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/8/2019 đối với 5 nghề trình độ cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2019; 29/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020 đối với 38 nghề trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp và sơ cấp khóa tuyển sinh năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Số 26/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021
175	4	4.5	4.5.01		Bảng thống kê xưởng thực hành, phòng chuyên môn hoá của khoa
176	4	4.5	4.5.02		Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành CNKT Điện, điện tử
177	4	4.5	4.5.03		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành
178	4	4.5	4.5.04		Sơ đồ bố trí trang thiết bị các xưởng thực hành
179	4	4.5		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo biên chế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
180	4	4.6	4.6.01		Mẫu 4 Bảng điểm quá trình
181	4	4.6	4.6.02		Mẫu 1 Danh sách bảng điểm thi lần 1
182	4	4.6		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
183	4	4.6		4.1.04	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023
184	4	4.7		4.1.01	Thông báo số 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/02/2020 về việc đánh giá và cập nhật Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020; Thông báo số 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/03/2021 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2021; Thông báo số 28/TB-CNTĐ-QLĐT ngày 09/2/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, Thông báo số 285/TB-CNTĐ-

					QLĐT ngày 23/11/2022 về việc xây dựng Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và Kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2023
185	4	4.7	4.1.03		Quyết định số 150/QĐ-CNTĐ-NS ngày 06/5/2020 về thành lập các hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng – Khóa tuyển sinh năm 2020 (áp dụng cho 2020, 2021, 2022); Quyết định số 37/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 04/02/2023 về thành lập các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Khóa tuyển sinh 2023 (áp dụng cho 2023, 2024, 2025)
186	4	4.7	4.1.04		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2023
187	4	4.7	2.2.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
188	4	4.8	2.7.08		Công văn số: 624/ĐHGTVT-ĐTTX ngày 24/6/2020 của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ số 623/ĐHGTVT-BBGN ngày 25/6/2020 của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học vừa làm; Số 2386/ĐHSPKT-ĐTKCQ ngày 23/12/2022; Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học đợt 1 năm 2023 ngày 10/8/2023 của trường Đại học Công nghiệp).
189	4	4.8	4.8.01		QĐ về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của SV
190	4	4.9	4.9.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 29/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/3/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/3/2021, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 16/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 26b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 28/4/2022

191	4	4.9	4.9.02		Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023
192	4	4.9		4.3.01	Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023
193	4	4.9		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
194	4	4.9	4.9.03		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun - môn học của CTĐT ngành CNKT Điện, điện tử năm 2021, 2022, 2023
195	4	4.10		4.9.02	Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023
196	4	4.10		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
197	4	4.10	4.10.01		Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020 2021, 2022-2023, 2023-2024
198	4	4.10	4.10.02		Quyết định số 39,40/QĐ-CNTĐ-CN ngày 29/3/2021 về việc thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2020-2021; QĐ số 151/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 24/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương

					biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 142/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 07/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 395, 396, 397/QĐ-CNTĐ-QLĐT Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2023-2024
199	4	4.10	4.10.03		Quyết định số 79,80/QĐ-CNTĐ-CN về việc thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo cấp độ 1 năm học 2020-2021 (cấp trường);
200	4	4.10	4.10.04		Biên bản họp hội đồng, thẩm định / nghiệm thu giáo trình đào tạo các năm học 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024
201	4	4.10		4.3.01	Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023
202	4	4.10	4.10.05		Quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2021 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-CN ngày 15/10/2022 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2022 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2023 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức
203	4	4.10	4.10.06		Quy trình lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo; Quy trình biên soạn giáo trình đào tạo
204	4	4.10		4.3.02	Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
205	4	4.11		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng

					Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
206	4	4.11		4.10.01	Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020 2021, 2022-2023, 2023-2024
207				4.10.02	Quyết định số 79,80/QĐ-CNTĐ-CN về việc thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo cấp đợt 1 năm học 2020-2021 (cấp trường);
208	4	4.11		4.10.03	Biên bản họp hội đồng, thẩm định / nghiệm thu giáo trình đào tạo các năm học 2020-2021; 2022-2023
209	4	4.11		4.3.02	Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
210	4	4.11		4.10.05	Quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2021 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-CN ngày 15/10/2022 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2022 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức; Quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023 về ban hành Danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2023 tại trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức
211	4	4.11		4.3.01	Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023
212	4	4.12		4.3.01	Quyết định số 74/QĐ-CNTĐ-CN ngày 12/10/2021 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2021; Quyết định số 128/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 10/10/2022 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2022; Quyết định số 220/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/8/2023 về việc thành lập hội đồng lựa chọn - thẩm định Giáo trình đào tạo khoá tuyển sinh năm 2023

213	4	4.12		4.10.01	Danh sách đề xuất biên soạn / cập nhật giáo trình đào tạo năm 2020 2021, 2022-2023, 2023-2024
214	4	4.12		4.10.02	Quyết định số 39,40/QĐ-CNTĐ-CN ngày 29/3/2021 về việc thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2020-2021; QĐ số 151/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 24/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 142/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 07/11/2022 thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2022-2023; QĐ số 395, 396, 397/QĐ-CNTĐ-QLĐT Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2023-2024
215	4	4.12	4.12.01		Hợp đồng về việc tham gia hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo)
216	4	4.12	4.12.02		Kế hoạch số 222/KH-CNTĐ-TT ngày 27/12/2021 về thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá của CBQL, giảng viên về chất lượng giáo trình đào tạo năm 2021
217	4	4.12	4.12.03		Báo cáo số 28/BC-CNTĐ-TTPC về kết quả lấy ý kiến nhận xét đánh giá của Cán bộ giảng viên về chất lượng giáo trình đào tạo năm 2021
218	4	4.12		4.10.04	Biên bản họp hội đồng, thẩm định / nghiệm thu giáo trình đào tạo các năm học 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024
219	5	5.1	5.1.01		Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành; Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sản sử dụng cho trường
220	5	5.1	5.1.02		Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành
221	5	5.1	5.1.03		Bảng thống kê số lượng học sinh, sinh viên nghề Điện công nghiệp
222	5	5.1	5.1.04		Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành
223	5	5.1	5.1.05		Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng thực hành theo CTĐT
224	5	5.1	5.1.06		Báo cáo kế hoạch bảo dưỡng năm 2020, 2021, 2022, 2023
225	5	5.1	5.1.07		Báo cáo thực trạng máy móc thiết bị
226	5	5.1	5.1.08		Danh sách các phòng thực hành Khoa Điện – Điện tử; Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
227	5	5.1	5.1.09		Sổ tài sản của từng xưởng thực hành
228	5	5.1	5.1.10		Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ
229	5	5.2	5.2.01		Biên bản họp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Điện công nghiệp

230	5	5.2	5.2.02		Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Điện công nghiệp; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
231	5	5.2			Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị
232	5	5.2	5.2.03		Kế hoạch mua sắm và sửa chữa hàng năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị xưởng thực hành_CSVC-QT6 ban hành ngày 01/6/2023
233	5	5.2	5.2.04		Kế hoạch số: 55a/KH-CNTĐ-KĐT ngày 15/8/2018 v/v mở rộng xưởng thực hành Khoa Điện - Điện tử được Hiệu trưởng duyệt; Quy trình mua sắm vật tư học tập
234	5	5.2	5.2.05		Kế hoạch số: 59/KH-CNTĐ-KĐT: Kế hoạch hoạt động dự án IECD giai đoạn 2020-2023 ngày 25/8/2020 do Hiệu Trưởng ký, Biên bản Thỏa thuận hợp tác giữa IECD và TDC ký ngày 30/3/2021; Kế hoạch số 57/KH-CNTĐ-KĐT ngày 10/7/2021 kế hoạch trang bị phòng thực hành B014 Khoa Điện – Điện tử do công ty Panasonic Life Solutions Việt Nam tài trợ thiết bị; Kế hoạch số 111/KH-CNTĐ-KĐT ngày 24/12/2021 thi công và lắp đặt thang máy 3 điểm dừng sử dụng thực hành tại Khoa Điện – Điện tử do công ty TNHH Kỹ thuật tự động và Thang máy Sơn Hà tài trợ; Kế hoạch số 67/KH-CNTĐ-KĐT ngày 08/7/2022 Tiếp nhận tài trợ thiết bị dạy học từ công ty TNHH Year 2000; Kế hoạch số 135/KH-CNTĐ-KĐT ngày 12/12/2022 lắp đặt thiết bị tài trợ cho các phòng thực hành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thuộc khoa Điện – Điện tử
235	5	5.3		5.1.02	Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hà
236	5	5.3		5.2.01	Biên bản hợp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Điện công nghiệp
237	5	5.3		5.2.02	Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Điện công nghiệp; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
238	5	5.3		5.1.01	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị; Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sản sử dụng cho trường
239	5	5.3		5.1.09	Sổ tài sản của từng xưởng thực hành
240	5	5.3		3.3.02	Danh sách HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phần
241	5	5.3		5.1.10	Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ
242	5	5.3	5.3.01		– Bảng thống kê tuần suất sử dụng phòng học các xưởng thực hành năm 2022, 2023, 2024
243	5	5.4	5.4.01		Hình chụp hình xưởng thực hành nghề Điện công nghiệp

244	5	5.4	5.4.02		Biên bản họp khoa về Bố trí các xưởng thực hành
245	5	5.4	5.4.03		Bảng nội quy thực hành tại các xưởng
246	5	5.4	5.4.04		Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành
247	5	5.4	5.4.05		Quy tắc an toàn điện
248	5	5.4	5.4.06		Văn bản của nhà trường về đánh giá sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ của khoa
249	5	5.4	5.4.07		Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị ở các xưởng thực hành năm 2022, 2023, 2024; Báo cáo kết quả thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị năm 2022, 2023, 2024
250	5	5.4	5.4.08		Bảng phân công nhiệm vụ cho quản lý xưởng
251	5	5.4	5.4.09		Sổ nhật ký xưởng
252	5	5.4	5.4.10		Phiếu theo dõi sửa chữa, bảo trì các xưởng thực hành
253	5	5.4	5.4.11		Hình chụp: tủ cứu thương tại các xưởng, hệ thống các nút dừng khẩn cấp đảm bảo an toàn, trang bị các khí cụ điện bảo vệ an toàn trong thực hành điện
254	5	5.4		5.1.08	Danh sách các phòng thực hành Khoa Điện – Điện tử; Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
255	5	5.5	5.5.01		Biên bản bàn giao thành phẩm
256	5	5.5	5.5.02		Phiếu đề nghị tổng hợp
257	5	5.5	5.5.03		Phiếu đề nghị nhập kho
258	5	5.5	5.5.04		Phiếu đề nghị trả kho
259	5	5.5	5.5.05		Phiếu xuất kho
260	5	5.5	5.5.06		Quy trình quản lý vật tư học tập do khoa Điện – Điện tử biên soạn K.ĐT-QT2 ngày 01/6/2022
261	5	5.5	5.5.07		Quy trình đề nghị cấp phát vật tư học tập do khoa Điện – Điện tử biên soạn K.ĐT-QT1 ngày 01/6/2023
262	5	5.5		5.2.02	Danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Điện công nghiệp; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
263	5	5.5	5.5.08		Phiếu đề nghị cấp vật tư học tập
264	5	5.5	5.5.09		Biên bản kiểm kê kho
265	5	5.5	5.5.10		Quy trình mua sắm, sử dụng vật tư do phòng Quản lý thiết bị - Cơ sở vật chất biên soạn CSVC-QT8 ngày 01/6/2023

266	5	5.5	5.5.11		Bảng định mức tiêu hao vật tư
267	5	5.5	5.5.12		Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Bộ Lao động – thương binh và Xã hội quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
268	5	5.6		4.3.02	Biên bản họp hội đồng lựa chọn / thẩm định cập nhật / chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
269	5	5.6		4.9.02	Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2021, kèm quyết định số 123/QĐ-CNTĐ-CN ngày 03/11/2021; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2022, kèm quyết định số 130/QĐ-CNTĐ-KHCN ngày 15/10/2022; Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy năm 2023, kèm quyết định số 237/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 25/8/2023
270	5	5.6	5.6.01		Thông báo thực hiện tiến độ biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
271	5	5.6	5.6.02		Thông báo xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
272	5	5.6	5.6.03		Danh sách đăng ký biên soạn giáo trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
273	5	5.6	5.6.04		Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương biên soạn giáo trình đào tạo; Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình đào tạo
274	5	5.6	5.6.05		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT năm 2021, 2022, 2023, 2024
275	5	5.6	5.6.06		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
276	5	5.6	5.6.07		Danh mục giáo trình số hóa 2021, 2022, 2023, 2024; Hình ảnh giao diện thư viện trên máy tính thể hiện số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo
277	5	5.6	5.6.08		Danh mục tài liệu tham khảo số hóa 2021, 2022, 2023, 2024
278	5	5.7	5.7.01		Quy định về hoạt động của Thư viện trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số: 02/QĐ-CNTĐ-TTT ngày 20/4/2021
279	5	5.7	5.7.02		Sổ tay hướng dẫn sử dụng thư viện
280	5	5.7	5.7.03		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV về hoạt động của Thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của CBGV về hoạt động của thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

281	5	5.7	5.7.04		Sổ theo dõi tài sản cố định
282	5	5.7	5.7.05		Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet
283	5	5.7	5.7.06		Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng
284	5	5.7	5.7.07		Giao diện phần mềm quản lý lưu thông tin tài liệu
285	5	5.7	5.7.08		Website tra cứu tài liệu: www.lib.tdc.edu.vn
286	5	5.7	5.7.09		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV về hoạt động của Thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của CBGV về hoạt động của thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 Thư viện không thực hiện báo cáo khảo sát dành cho CBGV
287	5	5.8	5.8.01		Chương trình chi tiết các học phần
288	5	5.8	5.8.02		Danh mục các phần mềm sử dụng trong CTĐT
289	5	5.8	5.8.03		Ảnh chụp phần mềm
290	5	5.8		2.2.07	Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
291	6	6.1		2.5.01	Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần: 235/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 19/08/2024; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024, Lịch thi kết thúc học phần năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
292	6	6.1	6.1.01		Kế hoạch tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân - HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Các biên bản gặp gỡ tân HSSV với lãnh đạo Khoa, DN và cựu HSSV 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
293	6	6.1	6.1.02		Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
294	6	6.1	6.1.03		Quyết định v/v ban hành Quy chế cố vấn học tập tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, số 152/QĐ-CNTĐ-SV, ngày 04/12/2018, do Hiệu trưởng ký ban hành; Quyết định v/v ban hành Quy chế CVHT của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, số 89/QĐ-CNTĐ-HSSV ngày 18/6/2024
295	6	6.1	6.1.04		Sổ tay HSSV online: http://online.tdc.edu.vn ; mục Sổ tay HSSV_Phần IV – Trích quy chế đào tạo trình độ TC, CĐ; thông báo ban hành sổ tay HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
296	6	6.1	6.1.05		Các Thông báo làm bài kiểm tra sinh hoạt công dân năm học 2021-2022, 2022-

					2023, 2023-2024
297	6	6.1		2.2.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020, 2023_kèm theo chương trình chi tiết; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo QĐ số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15/4/2024
298	6	6.1	6.1.06		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
299	6	6.2	6.2.01		Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên trường CĐCNTĐ đang áp dụng
300	6	6.2		1.3.08	Thông báo thu học phí, lệ phí năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024
301	6	6.2	6.2.02		Các thông báo của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc nộp hồ sơ miễn, giảm học phí HK1 và HK2 các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
302	6	6.2	6.2.03		Các quyết định của Hiệu trưởng trường CĐCN Thủ Đức về việc miễn, giảm học phí HK1, HK2 các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; đính kèm danh sách HSSV được miễn, giảm học phí
303	6	6.2	6.2.04		Quyết định về ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 132/QĐ-CNTĐ-SV ngày 16/12/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
304	6	6.2	6.2.05		Các thông báo kết quả cấp học bổng vượt khó học tập năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
305	6	6.2	6.2.06		Danh sách học sinh nhận học bổng vượt khó học tập năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
306	6	6.2	6.2.07		Nội qui ký túc xá; Thỏa thuận ký kết hợp tác chỗ ở với KTX Đại học quốc gia Tp.HCM
307	6	6.2	6.2.08		Giấy xác nhận cho HSSV
308				1.3.07	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, số 627/QĐ-CNTĐ-NS ngày 29/11/2021; Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, số

				955/QĐ-CNTĐ-TCNS ngày 29/11/2022, Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, số 1360/QĐ-CNTĐ-TCHC ngày 11/11/2023.
309	6	6.2	6.2.09	Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc công nhận và khen thưởng HSSV đạt danh hiệu Thủ khoa tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2023; đính kèm danh sách HSSV đạt danh hiệu Thủ khoa
310	6	6.2	6.2.10	Quy chế xét tặng danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 12/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/4/2015 của Đoàn trường; Quy chế sửa đổi, bổ sung xét tặng danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” quyết định số 05/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/3/2020 của Đoàn trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tặng giấy khen các cá nhân điển hình đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quyết định khen thưởng các cá nhân đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
311	6	6.2	6.2.11	Các biên bản sinh hoạt lớp
312	6	6.2	6.2.12	Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
313	6	6.3	6.3.01	File ảnh chụp giao diện website
314	6	6.3	6.3.02	File ảnh chụp trang Facebook Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Danh sách DN đăng tin tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng tại Web: vieclam.tdc.edu.vn
315	6	6.3	6.3.03	Kế hoạch Tổ chức Ngày hội việc làm năm 2022 "TDC Career day 2022" số 23/KH-CNTĐ-ĐTN-THT ngày 22/6/2022, Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024
316	6	6.3	6.3.04	Báo cáo thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác DN
317	6	6.3	6.3.05	Biên bản họp phổ biến các nội dung, tư vấn cho HSSV trước khi tham gia thực tập tại DN
318	6	6.3	6.3.06	Báo cáo kết quả cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp – đợt 1, đợt 2 năm 2020, đợt 1, đợt 2 năm 2021 và đợt 1, đợt 2 năm 2022; đợt 1 năm 2023 _ Phần I mục 3.2

319	6	6.4	6.4.01		Bảng thống kê phòng thực hành máy tính; Bảng thống kê phòng/Xưởng thực tập, thực hành; Bảng thống kê phòng học lý thuyết ngày 01/6/2020
320	6	6.4	6.4.02		Bảng thống kê khu thư viện, phòng họp, hội trường, khu ký túc xá, khu giáo dục thể chất, nhà thi đấu
321	6	6.4	6.4.03		Bảng thống kê khu thư viện, phòng họp, hội trường, phòng máy tính, xưởng thực hành, khu ký túc xá, khu giáo dục thể chất, nhà thi đấu, nhà làm việc ngày
322	6	6.4	6.4.04		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022
323	6	6.4	6.4.05		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2022-2023, 2023-2024
324	6	6.4	6.4.06		Văn kiện và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức khóa VIII, nhiệm kỳ 2019 - 2022, ngày 10/06/2022; Văn kiện Đại hội Đoàn khóa IX nhiệm kỳ 2022-2024
325	6	6.4	6.4.07		Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2021-2022
326	6	6.4	6.4.08		Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2022-2023
327	7	7.1	7.1.01		Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và DN năm 2020: Số 14/KH-CNTĐ-TDN ngày 21/7/2020; Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và DN năm 2022: Số 133/KH-CNTĐ-TĐT ngày 04/10/2022; Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024
328	7	7.1	7.1.02		Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và DN
329	7	7.1	7.1.03		Kế hoạch khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên nghề CNKT Điện, điện tử đã tốt nghiệp – thực hiện khảo sát các năm 2021, 2022, 2023
330	7	7.1	7.1.04		Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
331	7	7.1	7.1.05		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp
332	7	7.1	7.1.06		Kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa
333	7	7.1	7.1.07		Báo cáo kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa Điện - Điện tử năm 2021, 2022, 2023
334	7	7.1	7.1.08		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm
335	7	7.2	7.2.01		Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023
336	7	7.2	7.2.02		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023
337	7	7.2		7.1.04	Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp 2021, 2022, 2023

338	7	7.2		7.1.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp
339	7	7.2	7.2.03		Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
340	7	7.3	7.3.01		Kế hoạch số: 458/KH-CNTĐ-TT ngày 21/12/2020 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường năm 2020
341	7	7.3	7.3.02		Kế hoạch số: 137/KH-CNTĐ-TT về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của CBGVNV về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2021
342	7	7.3	7.3.03		Kế hoạch số 231/KH-CNTĐ-TTPC ngày 24/10/2022 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2022; Kế hoạch số 217/KH-CNTĐ-TTPC ngày 24/10/2022 về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2023
343	7	7.3	7.3.04		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ giảng viên nhân viên về các chính sách của nhà trường năm 2020; Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
344	7	7.3	7.3.05		Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp NH 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
345	7	7.3	7.3.06		Biên bản Hội nghị CBCCVC năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
346	7	7.3	7.3.07		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ giảng viên nhân viên về các chính sách của nhà trường năm 2020; Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của Cán bộ Giảng viên Nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
347	7	7.4	7.4.01		Bảng kết quả khảo sát của người học năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024; Báo cáo kết quả phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024
348	7	7.4	7.4.02		Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024
349	7	7.4	7.4.03		Danh sách HSSV theo từng lớp học
350	7	7.4	7.4.04		Danh sách HSSV thực hiện khảo sát năm 2021-2022, 2022-2023, HKI 2023-2024
351	7	7.4	7.4.05		Kế hoạch tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và

					HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
352	7	7.4	7.4.06		Thông báo thông tin về các nội dung trả lời của Lãnh đạo nhà trường trong chương trình “gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV” năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
353	7	7.4	7.4.07		Biên bản họp gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
354	7	7.4	7.4.08		Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
355	7	7.4	7.4.09		Thông báo v/v thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
356	7	7.4	7.4.10		Phiếu lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
357	7	7.4	7.4.11		Báo cáo công tác lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
358	7	7.5	7.5.01		Các kế hoạch tự đánh giá hàng năm
359	7	7.5	7.5.02		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề năm 2022, 2023, 2024
360	7	7.5	7.5.03		Quyết định về thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022, 2023, 2024
361	7	7.5	7.5.04		Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
362	7	7.5	7.4.05		Kế hoạch tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
363	7	7.5	7.5.06		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024
364	7	7.5	7.5.07		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024
365	7	7.5	7.5.08		Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2021, 2022, 2023; Biên bản họp Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNKT Điện, điện tử các năm 2022, 2023, 2024

366	7	7.6	7.6.01		Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng trường Cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức các năm 2021, 2022, 2023
367	7	7.6	7.6.02		Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023
368	7	7.6	7.6.03		Các báo cáo hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023
369	7	7.6	7.6.04		Các báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng trường các năm từ năm 2021, 2022, 2023
370	7	7.7		6.3.03	Kế hoạch Tổ chức Ngày hội việc làm năm 2022 "TDC Career day 2022" số 23/KH-CNTĐ-ĐTN-THT ngày 22/6/2022, Kế hoạch số 23/KH-CNTĐ-TĐT ngày 27/2/2024 về tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm và ký kết hợp tác DN giữa nhà trường và DN năm 2024
371	7	7.7	7.7.01		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
372	7	7.7		7.2.01	Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023
373	7	7.7		7.2.03	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023
374	7	7.7		7.1.04	Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
375	7	7.7		7.1.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp
376	7	7.7		7.2.03	Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
377	7	7.7	7.7.02		Danh sách các DN thông báo tuyển dụng đến khoa
378	7	7.7	7.7.03		Biên bản hợp tác công ty TNHH thang máy Sơn Hà; Biên bản hợp tác với Panasonic, giấy tài trợ của công ty Mễ Đình – 12 máy hàn, BB hợp tác với công ty Cổ phần TPP, Biên bản thỏa thuận hợp tác của công ty EOH
379	7	7.7		7.2.01	Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2021, 2022, 2023
380	7	7.7	7.7.04		Bảng thống kê số lượng SV tốt nghiệp khảo sát năm 2021, 2022, 2023

381	7	7.7		7.1.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và danh sách SV tốt nghiệp
382				7.2.02	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2021, 2022, 2023
383	7	7.8	7.8.01		Kế hoạch khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; DN về sự hài lòng đối với sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử; CNKT Điện, điện tử năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
384	7	7.8	7.8.02		Phiếu khảo sát cựu HSSV về tình hình việc làm
385	7	7.8	7.8.03		Phiếu khảo sát HSSV về chương trình đào tạo
386	7	7.8	7.8.04		Phiếu khảo sát DN Về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động ngành CNKT Điện, điện tử
387	7	7.8	7.8.05		Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát về về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; DN về sự hài lòng đối với sinh viên ngành CNKT Điện, điện tử năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
388	7	7.8		7.1.04	Phiếu khảo sát DN có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
389	7	7.8		7.1.07	Báo cáo kết quả khảo sát của các DN về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa Điện - Điện tử năm 2021, 2022, 2023
390	7	7.8		7.1.08	Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm